

Mục lục

| | |
|--------------------------------|-----|
| Mùi của kinh nghiệm | 2 |
| Chuyện Đời Ty Nạn..... | 6 |
| Quê Nhà | 15 |
| Gia Đình..... | 20 |
| Cô Gái Tháng Tư..... | 25 |
| Sáng Nắng Chiều Mưa | 31 |
| Xuân Nồng..... | 39 |
| Sáng trăng sông..... | 44 |
| Những Mảnh Vụn Trần Gian | 52 |
| Người đẹp bên suối | 56 |
| Hoa gạo đỏ | 66 |
| Xóm người mù | 80 |
| Thầy Khiển | 84 |
| Một bà mẹ | 94 |
| Thằng cháu đích tôn..... | 99 |
| Sơn ca và nụ hồng đỏ..... | 107 |
| Con gái lão hàng phở..... | 114 |
| Chuyện của Chip..... | 119 |
| Ở trọ | 123 |
| Người gánh nước thuê..... | 127 |
| Ngày học cuối | 133 |
| Dưới bóng hoa đào..... | 137 |
| Dọc đường gió bụi..... | 143 |
| Tiếng Còi Tàu..... | 149 |
| Lá Chanh | 153 |

Mùi của kinh nghiệm

Trần Thị Trường

Định khoe sắp cưới vợ. Tôi ngạc nhiên: “Chuyện lạ đấy. Nghiêm chỉnh hay nói đùa? Lấy ai?”. Cậu ta hăm hở: “Người ấy, nói ra là ông biết ngay... Đây ẩn tượng... Xưa nay không thích vợ con chỉ vì tớ sợ gặp phải những cô nàng thiếu tính độc lập, bám chồng như đĩa... lại còn xấu... Giờ thì... Tớ quyết định rồi... Ông sẽ phù rể... Thế nhé...”.

Phải thừa nhận Thái là người mà chúng tôi hay gặp và rất có cảm tình. Thông minh, xinh đẹp, biết ăn mặc, tự chủ và rất có cá tính. Trong các cuộc thảo luận ở Viện, hầu hết cô là người nói ra những ý tưởng hay, cô biết tập hợp nhiều ý nghĩ nhỏ lẻ của chúng tôi, cánh đàn ông thận trọng và đầy nghi ngại, rồi "xuất chiêu" làm cả Viện "từ ngạc nhiên đến ganh tị". Không ít anh chàng ở nơi khác đến Viện là mắt tròn mắt dẹt, hấp ha hấp háy nhìn Thái, hoặc muốn gặp riêng và thích trò chuyện với cô... Tôi còn nghe thấy cả những tiếng thở dài: "Thái ơi..., giá mà anh chưa... có vợ...".

Tôi đi công tác xa về, gặp lại vợ chồng Định - Thái, lúc này họ đã có một con. Thấy râu tóc Định bơ phờ, khói thuốc nhả như bễ. Thấy tôi, Định rủ ngay đi uống rượu. “Thế nào cậu có chuyện với Viện à?”. Sau ly thứ năm vẫn không thấy Định nói gì, tôi đành hỏi trước. Ngược đời mắt mệ mỗi buồn bã, Định bảo: “Sai lầm, cậu ạ. Hết sức sai lầm”.

Thế là hết một chai Brandi và hết một đêm. “Không được, đàn bà mà mạnh mẽ quá thì đàn ông không được là đàn ông nữa chỉ còn là cái bóng. Vợ là phải ngu ngu một tý, chứ thông minh quá thì mình không còn ra thẳng chồng nữa. Độc lập quá thì mình khác gì thẳng độc thân... Đôi khi buồn chỉ còn có rượu...”.

Tôi lựa lời nhưng không làm giảm cái ý chí ly hôn của Định. “Ngay cả việc đưa ra toà này tớ cũng chỉ muốn nhằm cho cô ấy sửa tính sửa nết đi một tí... Nhưng hình như không sửa được đâu, cậu ạ. Giời sinh ra thế nào thì cứ thế thôi...”. Vừa nói cậu ấy vừa giơ hai tay lên giời như một kẻ bất lực. Tôi hỏi: “Thế còn con bé?”. “Ông lạc hậu bỏ mẹ, con cái ở với ai bây giờ thì cũng như ở với cả hai, nhiều cặp người lớn ly hôn mà trẻ con không biết... Tớ thấy ở trường em tớ, điều tra cho thấy các em đều trả lời rằng, bố mẹ ly hôn, chúng sướng hơn vì cả hai đều lo cho chúng hơn khi còn ở chung...”. Định nói một cách hời hả như một phát hiện.

Một năm sau, thấy Định để đầu đinh đi với cô gái trông còn nguyên vẻ “chân quê” vào một cửa hàng may mặc. Thấy tôi, Định nháy mắt ra hiệu và hôm sau cậu gọi tôi đi uống cà phê sáng. “Khác hẳn, ông ạ, thế mới là đàn bà, ngay cả mặc gì cũng chồng quyết định, ăn gì cũng xong, đi đâu vợ chồng có nhau... Lần này, ông không phù rề mà ông đến uống rượu với tôi ở nhà. Đến tôi, ông sẽ thấy Hiền rất chi là hiền... Rồi ông xem có cần thì ông lựa lời nói với Thái hộ tôi. Dù sao, tôi cũng vẫn kính trọng Thái, người ấy làm bạn tốt hơn làm vợ, mong Thái cũng hiểu thế mà đừng lấy chồng nữa làm gì... Mà Thái không lấy ai thì tôi sẽ... hô Thái muôn năm...”. Anh ta rất bốc đồng, nhìn mắt thì biết, hạnh phúc đến cực độ.

Con bé nhà Định - Hiền, mới 3 tuổi kháu ơ là kháu, theo toà xử ở với bố. Cậu ta bảo muốn đưa cháu về bà nội nhưng bên ngoại nhất định không nghe. “Đưa con bé về sống ở vùng khoai sắn, tôi không yên tâm tý nào, ông ạ. Nhưng họ bảo họ sống được đời này sang đời khác thì tiếp một đời nữa không sao. Thế là tớ đành, nhưng tớ sẽ nhớ con bé phải biết...”. Tôi không biết nói gì, cảm thấy hình như tại mình vô duyên, cứ có mặt mình trong chuyện cưới của anh ta thì anh ta chóng chán vợ. “Không, không, ông đừng bao giờ nghĩ thế. Đây là tại tôi. Tôi không chịu nổi, ông ạ. Người đâu đến con chuột chạy cũng

hét toáng lên như nhà bị trộm. Chồng đi uống rượu cũng đòi đi theo. ừ thì hiền, tốt. Nhưng hiền quá đâm ừ thì lì ra, cơm chả biết đường nấu, cho con bú cũng phải chồng hay tivi hướng dẫn... Sống thế thì tở mệt quá. Ba năm nay, sợ dĩ không mời các ông về nhà nhậu vì cô ấy có biết nấu nướng gì đâu... Lần này, ông lại giúp tôi. Ông đem tiền đến chỗ bà ngoại con bé, khéo khéo đưa hộ tôi cho bà. Coi như tở giúp bà... để bà trông nom mẹ con cô ấy. Hơi bị đàn, tở rất thương, chỉ không sống cùng thôi, chứ nếu cô ấy ở nhà với mẹ thì tở sẵn lòng... hàng tháng sẽ ghé. Nếu gặp, ông liệu lời mà khuyên cô ấy, thôi ở vậy mà nuôi con. Chứ đàn ông bây giờ có lấy vợ, người ta cũng đấn đo nhiều lắm...

Còn lần này thì... với Dung. ừ! Dung là người chia sẻ được với tở nhiều điều phiền muộn... Hôm nào ông đến, uống mừng cho tở, chứng kiến cho tở... Dung nó bảo trong Viện nó chỉ quý có ông. ”.

- Sao cậu lại nằm bàn thế này - Tôi hỏi khi thấy Định quần chiếc chăn mỏng nằm trong phòng làm việc. Xung quanh âm điện, bát rếch, vỏ mỳ tôm lung tung cả. Định suy, suy, bảo tôi nói nhỏ thôi: “Cái số tở nó thế hết sai lầm này đến sai lầm khác... Giờ thì tở đang tính chuyện thuê nhà nhưng chưa xong, ông nói to thế, ai nghe thấy lại cho rằng tở nằm đây là định chiếm cơ quan làm chỗ ở. Ông đi lâu không biết, chứ tở và Dung chia tay rồi... Tở chưa muốn đưa chuyện này ra Viện. Cũng... hơi bị ngượng. Nhưng, chẳng có cách nào khác. Cô ấy đuổi tở”.

Nhìn thấy vẻ ngạc nhiên của tôi Định giải thích “ừ thì nhà của tở, nhưng cô ấy cũng bỏ nhiều tiền ra sửa chữa, nhiều đồ đạc đắt tiền là do cô ấy sắm. Tở vẫn chưa biết giải quyết thế nào. Cô ấy bảo sẽ tính giá trị ra đền bù thoả đáng cho tở.”. Tôi đưa mắt quanh tìm chai rượu. Không thể thiếu rượu khi nghe những chuyện trời giáng này được, mặc dù là giáng vào ai đi nữa.

- Chờ tở một tý, xong ngay.

Cậu ta bật dậy khoác áo rồi kéo tôi bảo ra quán. Lần này tôi uống nhiều rượu hơn cậu ấy. Không hỏi để khỏi phải nghe cái điều mà tôi đã hình dung từ trước. Im lặng kéo dài. Cậu ta không chịu được. “Sao ông không nói gì thế? Theo ông thì tại sao tở yêu Dung và Dung cũng yêu tở mà chúng tở chỉ sống với nhau chưa đầy hai năm,

cô ấy đã bảo chán tớ đến tận cổ?”. Tôi không nhếch được miệng lên. Còn biết nói với cậu ấy như thế nào đây. Thêm hai ly, mỗi đứa. Tôi hỏi: “Thế ông tìm được ai khác chưa?”. Định cười buồn: “Tớ chẳng bao giờ thiếu đàn bà mê, tớ không muốn thì không yêu, không lấy...”

Nhưng khi thế, đã chót lấy một lần, yêu một lần thì tớ quen, lại muốn yêu tiếp, lấy tiếp. Nhưng cậu thế nào? Tớ thì phải yêu mới lấy được, mới ở được. Song, lúc thì tớ không yêu vợ, lúc thì vợ không yêu tớ... Chả còn hiểu thế nào". Tôi hớp một ly đúp. Và một ly đúp nữa. Một cái gì đó mơ hồ chạy qua trong đầu, những vòng tròn lan toả và tiếng cười của tạo hoá khanh khách trong lỗ tai... Cuộc rượu đến gần sáng. Tôi uống với nỗi tâm sự thâm kín của mình, không bao giờ bày tỏ và hình như cũng là uống với những tâm sự của Định nhưng không biết nói gì với bạn. Và có lẽ Định cũng chỉ cần tôi như một bức vách thâm âm để nói ra những điều sâu kín, không chờ phản hồi.

Có lẽ từ nay tôi sẽ ở Viện dài ngày chứ không đi công tác xa hàng năm như trước. ở Viện nhưng tôi rất bận, ngay cả đến ăn trưa tôi cũng gọi cơm hộp về phòng riêng. Thi thoảng, chợt trông thấy Dung ở hành lang hay ở chân cầu thang. Thấy ánh mắt Dung buồn thê thảm, tôi lảng tránh. Biết an ủi thế nào trước một ánh mắt như thế. An ủi, biết đâu là cửa ngõ của một cuộc chiến tranh...

Thời tiết thì đẹp không thể tưởng tượng nổi. Đã vào đông rồi mà trời chỉ se se lạnh. Mặt đường ẩm ướt, mưa rây rây. Những con phố thoảng mùi cà phê, mùi bước chân dĩ vãng, mùi âm thanh Beethoven, mùi khăn voan và rượu cô-nhắc...

Một tháng sau cái ngày uống rượu hết đêm, tôi gặp Định trong cái quán ăn của Nga mà tôi rất thích. Cô cậu khoác tay nhau bước vào nhà hàng trông như một cặp gái trai thời Cách mạng ánh sáng. Lãng mạn như sương. Khó mà đoán tuổi người phụ nữ bởi mái tóc cắt thề, còn Định thì dù vẻ ngời ngời trên mặt nhưng tôi vẫn nhận ra lưng cậu đã còng. Thấy tôi, Định kéo tay tóc thề đến gần: “Giới thiệu với cậu, tình yêu vĩnh cửu của tớ”. Tôi, giật thót mình nghe những chữ: Tình yêu; Vĩnh cửu. Cũng có thể đó là nỗi mặc cảm về sự tham dự vô duyên của mình ở những lần làm nên đổ vỡ của anh ta. Thế là vờ như không quen biết Định, tôi mỉm cười phác một cử chỉ của người bị cầm điếu. Nhún vai, vẫy người phục vụ bàn, đặt tờ 5 đôla vào cái

hoá đơn đề 54.000đ, nhận cái cảm ơn của cô ấy rồi đứng lên rời chỗ. Tôi nghe Định nói với tóc thề ở sau lưng: “Lão tiến sĩ ở Viện anh bị hâm ấy mà”.

Ra khỏi quán, đặt chân xuống mặt đường ẩm ướt mưa rây. Những chiếc lá bàng theo gió đậu xuống mặt hè. Có thiên thư nào cho tôi trong những chiếc lá đó không?.

Chuyện Đời Ty Nạn

Nguyễn Đỗ

Tôi bẩm tính ít nói thích lủi thủi một mình mà trời dun duỉ sao tôi làm việc gì cũng phải nói nhiều làm nhiều ... Khi nói không được thì múa tay múa chân có khi như mải võ Sơn Đông vậy.

Ở Việt Nam hay ở trại ty nạn đã đành. Đằng này, khi đặt chân tới Hoa Kỳ tôi đã quyết tâm chỉ làm thẳng thợ thôi, chứ không dám làm thầy thiên hạ, thế mà ghét của nào trời trao của ấy.

Một hôm lúc tôi còn làm thợ, tới giờ nghỉ trưa, hộp cơm trưa của tôi chỉ có cái bánh mì Ba Lệ, bánh mì Tây kẹp thịt nguội, để trong hộp đựng đồ ăn nằm trong góc phòng giải lao đông đúc người ngồi. Cô Betty, người mập mạp đầy đà như ba thằng người tôi, lại ngồi ngay trước ngăn kéo của tôi mới chết chứ. Tôi lại gần nàng lịch sự nói:

- Betty, would you excuse me? (Betty, xin lỗi cô)

Chẳng hiểu tôi nói lằng nhằng thế nào, cái cô nặng cả hơn 200 lbs, lại đứng lên cao hơn tôi cả cái đầu, nàng ôm tôi nâng lên hôn trên má cái chụt. Đúng là ỷ to ăn hiếp bé, thấy tôi vừa ròm vừa thấp như con khỉ nên nàng chẳng nể nang gì cả làm tôi sượng muốn chết giữa tiếng cười vui của bầy thợ vang vang như bầy kên kên thấy xác chết giữa sa mạc. Đúng là toi mạng sa trường. Tôi nhìn Betty hỏi:

- Why did you do that? (Sao bạn làm vậy)

- Didn't you say, "Would you kiss me" Cô ta trả lời (Chứ không phải bạn nói hôn tôi đi sao?)

Bây kên kên lại được dịp cười vui thêm một trận nữa. Tôi giận tôi, hổng biết ăn mắm ăn muối bao nhiêu năm nay bị cong lưỡi hay sao mà nói một câu giản dị như câu "Would you excuse me!" mà người ta lại hiểu "Would you kiss me!"

Mẹ kiếp đã vậy từ nay ông quyết tâm luyện giọng làm thầy, chứ không làm thợ nữa. Tôi mua một loạt băng nhựa luyện phát âm và quyết tâm trả thù. Cô Betty lại hay thích đùa dai như đĩa mà giờ ăn trưa một tiếng của tôi lại trùng với giờ ăn trưa của nàng mới chết. Lần nào cô cũng lại ngồi chung bàn với tôi chọc phá. Cuối tuần bao giờ cũng hỏi:

- Do you have a date this weekend? (Bạn có đi chơi với bạn gái cuối tuần này không?)

"Sư mày," tôi nhủ thầm, "đi chơi hay không kệ tao mắc mớ chi tới mi mà tuần nào cũng hỏi?" Nhưng ngoài mặt tôi ráng giữ vẻ mặt điềm đạm trả lời, "No, I will be busy studying!" (Không tôi mắc học)

Thế mà lúc nào nàng cũng không tha, lại hỏi thêm:

- Do you have a girl friend? (Bạn có bạn gái không?)

- Không, tôi đáp. Rửa thầm trong bụng, nếu tao muốn có chắc chắn cũng không phải là mày. May ra là Cindy Crawford!

Nhưng cô Betty lại chẳng tha cho tôi một cách dễ dàng, cứ hỏi hết câu này tới câu nọ. Chắc cô bị người ta kỳ thị là mập nên chẳng ai trò chuyện hay sao đó nên cô cứ tìm thân tếp riu tôi trả thù. Có lần cô hỏi tôi:

- Are you gay? (Bạn là người đồng tính luyện ái hử)

Tôi giả bộ ngỡ ngác con nai vàng, " What do you mean gay? Does it mean happy as in I have a gay time like in the book I am reading?" (Bạn muốn nói gì? Gay có nghĩa như vui vẻ như tôi có một thời gian vui vẻ như trong sách tôi đang đọc hở)

- No, no, gay means homosexual. I mean to ask if you like men.

(Không không, " gay" có nghĩa là đồng tính luyến ái. Tôi muốn hỏi bạn thích đàn ông hả)

- I love everybody, men and women. Is that one of the ten commandments? I heard the minister preach in the church. (Tôi yêu hết mọi người, đàn ông lẫn đàn bà. Đó không phải là một trong mười giới răn sao? Tôi nghe mục sư giảng trong nhà thờ)

Thế là cô nàng lại tha hồ giải thích cặn kẽ cho tôi đời sống xã hội Mỹ. Rồi lâu dần tôi thấy cũng hay, cô gái mập này dạy tôi nói tiếng Mỹ thành thạo hơn. Tôi thấy biết ơn cô lắm nhưng cũng không khỏi đùa cô ta bằng những câu nghịch ngợm. Cô hỏi tên tôi tiếng Anh là gì, tên cô tiếng Việt là gì... Thế là tôi có dịp phịa bậy, tôi nói Betty tiếng Việt là Bé Tí và xin phép cô để tôi gọi là Bé Tí! Có tôi là bé tí thì có, chưa cô ta to gấp ba tôi kìa.

Một hôm tôi nhận được một cú điện thoại hỏi tôi có thể đi nói chuyện về tình hình người tỵ nạn ở địa phương vào cuối tuần tới cho một hội nghị cấp tiểu bang không? Máy ông tai to mặt lớn ở địa phương người nào cũng hỏi tiền thù lao là bao nhiêu mà hội nhà thờ địa phương không có kinh phí nên họ mới tìm tới tôi vì biết tôi bé mồm thấp cổ thích xông pha chỗ này chỗ nọ chết cũng cười trừ.

Việc sửa soạn gấp rút, nên tôi không có giờ nghiên cứu kỹ. Cứ lúc nào rảnh tôi lại gọi điện thoại lên mấy văn phòng lấy thống kê cả Mỹ lẫn Việt. Bố Mẹ tôi lắc đầu nói, " Cái thằng ăn cơm nhà, vác ngựa voi! Không lo học hành đi mà cứ lo ba cái chuyện bao đồng, có ngày chết chẳng còn da!"

Bố Mẹ tôi nói vậy thôi, chứ ông bà cũng hí ha hí hửng với bà con vì thằng con út mới mười tám, vừa mới ở trại ty nạn qua chưa đầy một năm, chưa học Trung Học ở Việt Nam sắp thành diễn giả hùng hồn tới nơi. Đúng là nuôi con tốn cơm nhưng cũng không đến nỗi vì cơm ty nạn cũng hơn cả hai năm trời bên Thái Lan rồi Phi Luật Tân không thể kể là mồ hôi nước mắt lao động cực khổ, mà là mồ hôi dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt ở trại ty nạn thì đúng hơn.

Mấy ông lớn bắt đầu bực mình vì thấy tôi xưng phong làm việc không công làm mất chén cơm bát gạo của mấy ông thầy, mấy cô có chức tước, nhưng đã lỡ từ chối rồi thì làm sao mà họ có thể giành lại chức diễn giả của thằng nhãi ranh như tôi được. Điếc không sợ súng, nhãi ranh không sợ người lớn, tôi cứ mạnh dạn điện thoại phỏng vấn và viết bài tường trình.

Lúc tôi đưa cho bà phước Mỹ, hội trưởng hội ty nạn, bà ta hết sức ngạc nhiên vì tài liệu của tôi phong phú quá, thực ra là cóp nhặt đó đây. Bà sửa lại đôi chút, rồi nói, " Con về tập dợt nói chuyện đi, chậm rãi, bình tĩnh là thành công!"

Tôi gọi cô bạn mập của tôi, " Bé Tí ơi, cô có thể ngồi nghe tôi đọc bài diễn văn ở thư viện hay công viên nào không?"

Betty trả lời:

- Được mà," Cô nháy mắt chọc tôi, " Cuộc hẹn chính thức đó hử?

- Ừ cuộc hẹn chính thức giữa cô giáo và học trò!

Cô phá lên cười, trông cái tên Á Châu nhỏ loắt choắt như tôi mà láu quá.

Không biết trời nghĩ như thế nào mà trong dịp đại hội ty nạn tiểu bang mấy diễn giả Việt Nam khác trình bày cao siêu quá về nền văn hoá Việt Nam, còn bài của tôi lại chú trọng về tình trạng ty nạn hiện tại và được đa số khán giả Mỹ chú ý, báo chí chụp hình lia lịa và đăng lên trang đầu với địa chỉ nhà tôi đang hoang.

Đại hội xong, tôi còn rảnh ở lại khách sạn cho thêm một ngày nữa vì Hội nhà thơ bao cho cả 3 ngày ăn uống và ở miễn phí, đại gì mà về ngay tối thứ bảy. Khi bà phước lái xe hỏi tôi muốn về chưa, tôi nói, " Để sáng mai về đi cho tiện! Sáng mai đi lễ ở đây rồi về cho thoải mái hơn!"

Bà phước hãnh diện về bài thuyết trình của tôi lắm nên cũng dễ dãi

Khi tôi về tới nhà hôm sau thì bố mẹ tôi ra đón, " Con tôi sắp thành ông to rồi, hình của mày đăng báo trên trang đầu!" Không biết sao, nhà tôi đã ghi danh mua báo hằng ngày để anh em tôi trau dồi tiếng Anh, mà sáng nay bố mẹ tôi ra mua hết mấy chồng báo ngoài thùng báo bỏ tiền. Ông bà định gởi đi cho bà con bốn phương tìm vợ cho tôi quá!

Do tấm hình và chi tiết đăng trên báo, tôi được một công ty điện thoại lớn gọi tới nhà và hỏi tôi có thích làm cho hãng điện thoại không. Ấy cha, câu hỏi này cũng như câu hỏi người Việt Nam có thích ăn cơm không? Tôi chịu liền dù có phải chấm nước mắm ăn tương cà thêm một năm nữa cũng chịu.

Thời gian làm với hãng điện thoại cũng là thời vui thú học hỏi của tôi. Hãng trả tiền cho tôi đi học bán niên, còn tôi phải làm đủ 40 tiếng mỗi tuần, không còn phải làm thợ nữa. Tôi có bàn giấy, điện thoại riêng, oai phong ra phết. Một tuần sau khi tôi vào làm, tôi đem cái máy chụp nhờ người ta chụp dùm, tay cầm ống nghe, ngồi gác chân lên nhau, trông đẹp trai bá chấy dù chiều cao khiêm nhường của tôi chỉ có hơn một thước rưỡi. Đúng là ễnh ương kêu to!

Tôi làm được một năm ở hãng thì việc hãng bành trướng cần nhiều người Việt vào làm nên tôi nghiễm nhiên thành cấp lớn, có văn phòng riêng và đi đi lại lại hướng dẫn nhân viên mới làm việc thế mới có tể không, đúng là mèo mù được cá rán.

Thoáng một cái cũng qua 5 năm, tôi ra trường đại học, gặp lúc thời buổi kinh tế xuống thấp nên chẳng hãng nào thèm gọi tôi trừ

hãng mà tôi đang làm. Họ tăng lương tôi lên, nhưng công việc cũng như cũ, tấm hình in trên báo, và hình tôi chụp trong hãng lúc đầu vẫn còn treo trên tường. Bố mẹ tôi vẫn còn hậm hực, cái hình đẹp như thế mà sao chẳng có ai liên lạc để môn đăng hộ đối cả. Bố mẹ tôi đâu có biết là qua đây các cô ăn bơ uống sữa cô nào cô nấy cũng cao hơn tôi cả cái đầu, thì tôi làm sao xứng đôi vừa lứa được, trừ khi tôi uống thuốc thần cao thêm mấy tác chứ ai nhìn tôi ngoài đường vẫn cứ nói, " Cái thằng con nít ranh sao mà diện quá vậy!" khi thấy tôi mặc áo vét, đeo cà vạt mỗi dịp lễ lớn.

Cô Cindy Crawford. người mẫu nổi tiếng Hoa Kỳ, quê ở DeKalb, gần Chicago. Một lần nàng trở về làm Homecoming Queen. Anh chàng bà con với nàng nghĩ tôi là người ái mộ Cindy Crawford, vì thấy hình nàng cắt trong báo để trên bàn, mời tôi về nhà chàng và hứa sẽ giới thiệu Cindy cho tôi làm quen. Đi chơi thì đi chơi, chứ tôi biết thân phận nhỏ bé của tôi nên đâu dám trèo cao té nặng. Tôi để hình nàng trên bàn vì tôi thấy nàng hấp dẫn khoẻ mạnh đô con chứ đâu phải như người ta tưởng. Không lẽ tôi để hình Sylvester Stallone, James Dean, hay Tom Selleck để tôi tủi thân hằng ngày khi nhìn họ. Không chừng người ta tưởng tôi thích con trai thì tiêu tán đường.

Trong bữa ăn gia đình, cô Cindy rất bình dân, cười vui thoải thích. Cô hỏi chuyện tôi, tôi ba hoa kể chuyện vui đời tôi khiến cô cười nức nở. Lúc cô về, tôi hỏi cô cho tôi chụp hình chung với cô một tấm để khoe với bá quan thiên hạ, cô mỉm cười gật đầu. Cô cho tôi đứng đằng trước, cô đứng sau. Mềng ơi, tôi trông sao nhỏ thó, đầu ngang ngực cô ta, chứ chưa đựng tới cằm. Cô đứng đằng sau mà cái chi cũng cao và lớn hơn tôi cả. Máy chụp lấy liền nên cô ký tên tặng tôi, " For my amusing little friend, Nuyen, Cindy Crawford" (Tặng người bạn nhỏ vui tính) thay vì Nguyễn. Vậy cũng được, miễn là có chi để hù các ông, con trai người Việt là được rồi! Giá cô ta bỏ chữ nhỏ ra, tôi vui biết mấy, hồn bay tới tầng thứ chín!

Người nhỏ con được cái ai cũng xem như con nít nên đôi khi được thương tình dễ dãi mà đôi khi cũng bức mình. Mỗi lần các anh

bạn tôi có tiệc tùng, gọi tôi tới chơi, các anh hay nói chuyện vui vẻ với nhau, rất hợp chỉ có tôi là hay bị ra rìa vì không có gì để nói về vợ con gia đình nên hay bị sai đi mua bia, đồ nhắm nếu nửa chừng hết mỗi. Khổ một nỗi tôi hai mươi mấy rồi mà cứ bị hỏi giấy tờ hoài. Tôi mong có râu để tôi nuôi râu mép cho đẹp hay cắt như râu Hitler dọa thiên hạ nhưng chỉ le te vài sợi trong phát bực nên phải cạo đành chịu mang tiếng là thiếu niên.

Không biết đại đế Napoléon hay quan Ấn Anh ngày xưa làm thế nào mà trị đám quan lại quần thần chứ thân tôi như vậy ra đường ai cũng xem mình là thiếu niên thì chẳng ma tới nào phục. Có lần lúc còn đi học tôi ghi danh vào chương trình ROTC dành cho sinh viên vừa học vừa theo khóa sĩ quan quân sự, sĩ quan phỏng vấn lắc đầu, hỏi tôi có thể đeo súng trường được không. Tôi nói tôi học thành sĩ quan để đeo súng ngắn chứ đâu đeo súng dài, súng dài thì đeo vào vai, báng súng gần đụng đất. Ông ta cảm ơn, nhưng bác bỏ đơn xin vào ROTC. Thế mới có phải là kỳ thị kích thước không?

Đi mua quần áo thì chỉ vào chỗ " Boys" (Con trai) mới ác! Đồ con trai choai choai thì sao mà mặc đi làm. Cũng may mà chỗ tôi có người Việt biết may giỏi nên cần gì cũng có chỉ có điều là phải chi tiền nhiều tí thôi. Ông bà chủ mỗi lần nhận đo may cho tôi đều nói, " Làm cho chú người Việt quen biết chúng tôi tính giá gia đình! Chú cho ba trăm!" Ông bà chủ chém nhẹ nhàng ba bò trong khi nếu tôi cao lớn một chút thì ra Macý's, hay Bergner, hay JC Penney thì chỉ tốn dưới 100 Mỹ kim.

Gia đình anh chị của tôi đã có con cái, biết tôi không có bạn gái, lại cũng ít đi chơi đâu, cuối tuần cứ gọi lại nhà nói, " Cậu giữ gìn các cháu cho anh chị cuối tuần này nhé!" Không lẽ từ chối! Tuần sau ông anh lại gọi, " Tuần này chú sang nhà anh coi hộ các cháu, anh chị đi chơi hai ngày nha!" Còn bố mẹ tôi thì an ủi tôi nói rằng, " Trong các anh chị em mày, bố mẹ chỉ nhờ được có mỗi mày thôi!" Tôi cười bảo thầm, " Tại con có tấm thân nhỏ bé đó không ai để ý, chứ nếu có ai à, con cũng đi chơi hoài, đâu có giờ để đưa bố mẹ đi thăm người này, người kia hằng tuần đâu."

Có lần bạn cùng khóa sĩ quan của ba tôi được đi qua diện nhân đạo sau những năm tù ngục. Ba tôi mừng nói với tôi, "Mày tháng tới phải diện chỉnh tề chở bố mẹ ra phi trường đón gia đình Bác Hai Gia đình Bác cô mấy cô chưa chồng cũng được qua cùng chuyến!" Ba tôi không báo cho ai sợ các thanh niên độc thân ở hội Người Việt đi đón mất phần của con mình nên ông bà bí mật đi một mình với tôi ra phi trường đón gia đình mới tới. Trước sự chưng hửng của bố mẹ tôi, cô nào cô nấy dù ở Việt Nam nghèo khổ nhưng cũng cao lớn hơn con út của mình cả hai tấc.

Bố Mẹ tôi an ủi, "Thôi con ráng chút đi, lúc nào con muốn thì về Việt Nam, tha hồ mà chọn!"

Tôi cười, biết rằng ngày tôi về còn xa xăm lắm. Tôi đã thấy bao nhiêu bi hài kịch chuyện áo gấm về làng, cưới vợ về dinh rồi. Quen ở bên đây lâu mà còn lục đục khi cưới nhau, hướng chỉ là về chơi 2, 3 tuần thì làm sao kiếm được người hợp với mình!

Lạy Trời, cho con hai chữ bình yên! Nếu Trời thương, cho con cao thêm chừng năm tấc nữa, để con không phải nghe người ta nói sau lưng con, "Nhất lé, nhì lùn," tội nghiệp con lắm, con sẽ ăn chay trường trọn năm! Trời có bắt con ở vậy suốt đời cũng được, cho con thêm năm tấc nữa để đi lấy oai với thiên hạ.

P.S Chuyện diều thổi nha quý vị. Nếu có phạm thượng cũng mong quý anh chị tha thứ để cười cho vui nhà vui cửa.

Quê Nhà

Trang Phương Bích Ngọc

Ông Tám gấp sách lại, thần thờ nhìn ra mặt sông. Nắng chiều nhạt dần. Thỉnh thoảng vài chiếc máy đuôi tôm chạy vụt qua, để lại trên mặt sông những con sóng nhấp nhô, hung hăng tràn vào bờ. Quê ông đang mùa nước nổi, nước phù sa đục ngầu cứ mãi dâng lên như muốn nhấn chìm tất cả, cho nên dọc bờ sông, những đọt dừa nước xanh mơn mớn cứ cố vươn lên khỏi mặt nước, như là để thở. Tiếng hò trên sông hòa với tiếng chim gọi bầy xao xáo làm ông Tám chạnh lòng nhớ tới con.

Ông bà chỉ có mỗi mình nó. Hai năm trước nó thi đậu đại học, ông vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì cả nhà chỉ có mình nó được học hành tới nơi tới chốn, nhưng khi nghĩ đến cảnh nhà thì ông đâm lo. Cả đời ông lam lũ với mảnh vườn công ruộng mà không đủ ăn, nay lại phải lo cho con lên thành phố học " Dù sao thì cũng phải lo cho nó đến nơi đến chốn" - Cuối cùng thì ông quyết định vậy.

- Thưa tía con mới về !

Đang suy nghĩ miên man, ông chợt giật mình khi nghe tiếng con :

- Chèn ơi ! Mới nhắc tới là mày có mặt liền. Về chơi hay có chuyện gì không con ?

Kha, tên của anh con trai, vừa cười vừa đáp :

- Tại con nhớ tía má nên về thăm nhà. Con cũng có chuyện muốn nói với tía. Má đâu rồi hả tía ?

- Má mày bơi xuống qua sông xay lúa rồi. Thôi vô nhà ăn cơm đi. Chuyện gì thì để đó, tối nay tía con mình bàn tới.

oOo

Ánh đèn dầu leo lét soi rõ bóng hai người, một già một trẻ chập chờn trên vách lá. Châm trà vào tách, ông Tám chậm rãi hỏi :

- Lúc này học hành ra sao con ? Có cực lắm không ?

- Con cực mấy cũng không bằng tía ở dưới này. Con có chuyện muốn thưa với tía, nghe xong tía đừng giận con !

- Thì mày cứ nói. Tao nghe. Mày xin gì tao cũng ráng lo. Miễn là mày ráng học, ra trường về đây chữa bệnh cho bà con quê mình.

Thoáng ngập ngừng, Kha dí ngón tay vào vệt nước sánh ra từ tách trà ông Tám vừa châm :

- Tía. Con định thôi học ngành y. Khoa nông nghiệp ở trường con còn thiếu người nên con định chuyển qua. Con đã nghĩ...

Chưa nghe Khoa nói hết câu, ông Tám đã lớn tiếng mắng :

- Sao mày ngu quá vậy hả ? Ngành y là ngành có danh có tiếng, khó ai vô được. Mày đã học hai năm rồi lại đòi chuyển ngành là sao ? Từ hồi nảo tới giờ, quê mình chỉ thiếu bác sĩ chứ không thiếu người làm ruộng !

Kha vẫn nhỏ nhẹ :

- Tía ơi ! Người làm ruộng dưới quê mình thì nhiều chứ người hướng dẫn bà con làm ruộng đúng cách, đúng kỹ thuật thì còn thiếu. Con học nông nghiệp là để giúp bà con mình mà tía.

Ông Tám nghe con nói mà ghen ngào. Ông không ngờ nó lại cứng đầu cứng cổ như vậy. Ông hy sinh cả đời, chỉ mong cho nó được vinh hiển, nở mày nở mặt với làng quê. Vậy mà bây giờ... Con đường tốt nó không đi, lại chọn lối khó khăn mà bước.

- Tía từng nói mình là nhà nông, phải biết quý trọng hạt gạo, hạt lúa. Hồi con còn nhỏ, tía mua cho con quyển " Con đường nhiều bí ẩn" nói về cuộc đời nghiên cứu cây lúa của bác sĩ nông học Lương Định Của. Đến hôm nay, con vẫn luôn khâm phục bác và quyết đi theo con đường bác ấy đã chọn. Tía gạt đầu đi tía !

Ông Tám im lặng, thằng Kha nói nghe cũng có lý nhưng ông vẫn còn giận. Cục tức động trong cổ, ông nuốt hoài mà vẫn không trôi.

Đêm khuya, tiếng vọng cổ của ai đó nghe vắng vắng thật buồn da diết : " Nghĩa phụ ơi, con trở về đây để xin cha ban cho lời tha thứ tội. Vì con trẻ đã không làm tròn lời thề ước buổi ban... đầu..." . Tiếng nước vỗ rì rào dưới bến. Chó sủa vắng vắng, có tiếng ai thoáng qua giống như tiếng ông Tư. Ông Tám đứng dậy, lom khom tìm đôi dép dưới gầm ghế.

- Vô nhà chơi anh Tư !

- Giờ này chưa ngủ sao anh Tám ?

- Bữa nay thằng Kha về thăm nhà. Hai cha con nói chuyện từ chập tối tới giờ. Nghĩ lại tôi thấy dưới quê mình thiệt buồn. Cứ chập tối là nhà nào cũng giăng đèn ngủ. Thiệt là giống gà lên chuồng quá hén anh Tư ?

Ông Tư cười khà khà, vỗ vai Kha :

- Lúc này thức khuya lắm hay sao mà mặt mày đỏ ửng vậy hả con ?

Kha cười :

- Sinh viên mà chú.

- Thôi, ráng học cho tía bây mừng. Mai mốt làm bác sĩ về đây trị bệnh cho bà con mình. Cha, mày mà lập nghiệp trên thành phố là tao không nhìn mặt nữa à ghen !

Nghe ông Tư nói, ông Tám càng rối, càng buồn. Bà con chòm xóm, ai cũng hy vọng vào nó. Vậy mà...

Thấy tía không nói, Kha nghĩ chắc tía nhứt quyết không bằng lòng cho Kha học nông nghiệp nên nhân đây Kha nói cho chú Tư nghe về suy nghĩ và dự định của mình, mong chú đỡ lời giùm. Nghe xong, chú chỉ thoáng ngần ngơ rồi lại cười khà :

- Khá ! Thằng này vậy mà biết suy biết nghĩ. Thời buổi bây giờ, có đót đuốc đi giữa ban ngày cũng không tìm được đứa có nghĩa có tình như mày. Mà nè, mày học nông nghiệp có biết OM một chín sáu mười là gì không ? Hồi chiều đi qua đám ruộng nhà Hai Cả tao thấy có đề bảng mà không biết nó là cái gì.

- Dạ OM là chữ viết tắt của Ô Môn. OM 1960 là giống lúa mới, ngắn ngày, năng suất cao.

Nghe con trả lời rành rọt nhiều câu hỏi về lúa mạ, sâu rầy, ông Tám thoáng ngạc nhiên. Ông nằm trên võng, mắt nhắm nghiền, trầm nghĩ : " Thôi thì con hơn cha là nhà có phúc. Nghề nào cũng là nghề". Nếp nhăn trên trán ông giãn ra khi nghe tiếng thơ phát ra từ chiếc radio cũ kỹ :

Chiếc xuồng nhỏ vượt trăm cây số

Cùng với tôi trở lại đất quê mình

Nơi con sông mùa sa mưa nước đỏ

Nơi chân trời mát mẻ bóng tràm xang

Nơi quê hương bao người thương đang ở

Chiếc lá rơi cũng xao động tâm tình...

Gia Đình

Lê Minh Hà

Ông lão hay bị con cháu cười cười với nhau bảo là lẩm cẩm. Bằng chứng: Nhà thì hẹp, nhưng lại có ban công rộng, vốn là một góc cái mái nhà dưới; bà cụ đã nhắm gọi thợ tới coi nơi che chắn để dịch cái giường của hai vợ chồng già ra cùng với những nồi niêu xoong chậu chai lọ, cho thằng út có cái chỗ quang quẻ mà tiếp bạn bè với khách ăn làm. Nhưng ông lão không bằng lòng: " Em phải để cho anh một khoảng trời cho nhẹ đầu chứ!" Nghĩa là để cho ông trồng cây trồng que. Ông không kỳ cây thế hay lan hay cúc. Một cây Mãn đình hồng, một cây ngâu tốt um, cây chanh, cây ổi. Vợ chồng thằng cả bê về một chậu hoa đúc bằng xi măng to vật, trong đã có sẵn cây hoa giấy nở toé toét, ông chê. " Hoa với hoét. Nhìn nhức cả mắt." Rồi giảng giải: " Không phải hể hiếm là quý. Nhưng hoa không thể lúc nào cũng sẵn như... như... nước mắm mẹ mày bán được." Con cháu cười âm: " Cụ quên nhanh quá. Cũng chỉ sẵn mấy năm nay thôi chứ. Hồi nào bố toàn dùng thẻ gia đình liệt sỹ đi chen ngang mua xì dầu loại hai đấy thôi!"

Có cái thẻ chen ngang là bởi vì cụ thân sinh ông lão hy sinh trong kháng chiến chống Pháp. Chiến dịch thu đông 1947. Hai cha con người trước người sau đi kháng chiến. Chưa một lần ông lão tìm thăm được bố ở cơ quan thì đã được tin bố hy sinh. Buổi chiều ấy, cơ quan ông lão tan hoang sau trận bom, ông lão vừa được anh em móc

từ đồng rui kéo đồ ra thì có giao thông tới báo tin cơ quan bên kia người chết vẫn cả. Đến bây giờ ông lão cũng chưa một lần kể cho con cháu nghe cái lúc ông để mặc anh em thu dọn đồng hoang tàn, lên ra bờ suối Lê, một mình ngồi khóc. Nước mắt chan hòa gương mặt thẳng con trai mười sáu tuổi. Chỉ một người nhìn thấy: Anh Cảo bí thư chi bộ cơ quan. Anh Cảo cũng là người cậy cựa nhờ dân buôn lậu ở Tuyên Quang chuyển thư ông lão nhắn tin bố chết về cho mẹ. Lá thư đi vòng vo Tam quốc hết cả năm giờ. Sau này bà nội bọn trẻ thường kể lại, giọng như người ngạt mũi: " Nhận thư con, nếp giấy gấp đã sờn hết cả. Làng lúc đó là vùng trắng. Đi suốt buổi chiều mới nhờ được người đọc hộ thư... thì lại là tin ông chết."

Biết vậy, nhưng cũng không thể nào bán được tin cho con là mẹ với em vẫn còn sống chờ ngày yên hàn con về. Nên ông lão lại một lần khóc nữa. Lần này giữa chợ. Đi một mạch từ Việt Bắc về tiếp quản Thủ đô trong đoàn cán bộ khoá đầu tiên của trường công an, công việc yên yên rồi, ông lão lại cuốc bộ một mạch từ Hà Nội về làng. Bao nhiêu là hăm hở. Qua Ba La Bông Đỏ... Qua Chuông... Qua Miêng... Qua Vác... Qua mấy làng Vân.... Cái run rẩy từ đâu cứ len vào trong hăm hở.

Tới làng. Làng trắng. Xóm cũ không một nóc nhà. Vườn hoang tiếp vườn hoang. Lồng cồng những cụm dây thép gai còn chưa được cắt dỡ. Thù lù cái lô cốt trấn ở mom sông. Và mây, mây thì sao trắng. Ông lão ra bến sông, nhìn nước chảy xuôi, nghiêng răng mà hàm cứ run bần bật. Rồi lại lủi thủi qua cầu tính quay trở về Hà Nội. Thì bà mẹ nghe ai báo hốt hải quải gánh dây khoai bươn bả quay về. Mẹ con nhìn nhau, ứa nước mắt. Người quen kẻ lạ quây xung quanh, mặt ai cũng gầy guộc hỷ hả. " Con bà nhiều Thanks đấy. Anh ấy ở Hà Nội về đấy." " Ai bảo bà thế. Anh ấy tận trên chiến khu về." ... Xôn xao xôn xao một nổi riêng trong cái xao xác của phiên chợ hòa bình vừa họp lại.

Sau đấy không bao giờ ông lão khóc. Ngay cả trong những ngày đắng cay nhất. Đắng cay chẳng gửi được vào đâu, thì rồi cũng như bơ gạo kế hoạch ba cơ quan chia thêm cho ngày tết nhất, hay miếng vải căng tin bán thêm, hay như cái sấm xe đạp dành dụm mua ngoài tiêu chuẩn... Tất cả, là tài sản, của một thời. Mấy chục năm rồi.

Thì vừa hôm qua, thằng con út, cái thằng đã khuyên ông một cách rất láo: "Bố vẽ chuyện. Hoa gì thì cũng là hoa. Nở quanh năm suốt tháng thì càng đỡ công bố châu chực những mầm những nụ. Lại còn chả tốn công chăm bẵm tưới tắm gì. Càng thiếu nước càng rực rỡ", chính cái thằng này đem chuyện về. Sau bữa cơm mà bây giờ nó rất hiếm khi về được đúng giờ để ăn chung với bố mẹ, thằng con rót nước trịnh trọng mời ông.

- Bố này! Nhà nước cải tiến chế độ tiền lương mà lương lậu vẫn chả đâu vào với đâu. Bố về hưu, thời gian công tác lại còn bị gián đoạn... chả được mấy đồng. Con tính... Bố đi kháng chiến ngay từ những ngày đầu, lại ở an toàn khu, quen bao nhiêu bác làm khá... Ngày xưa bố oán các bác ấy quay lưng. Nhưng chuyện cũng mòn rồi. Các bác ấy nay già rồi về nằm nhà cũng khỏi thời gian nghỉ lại. Mà bố cũng mở đường cho các bác ấy nghỉ lại, làm những điều ngày xưa đã không thể làm... Hay là bố đến nhờ bác nào chứng thực cho bố thời gian còn bên bộ Công an!

Thằng càng ngày càng láo. Nó hỏi mà như trói. Chắc là hai mẹ con nó đã bàn với nhau. Nên thằng út nhìn mẹ chẳng có vẻ gì là thăm dò trong khi bà lão thì làm như mù tịt:

- Nếu bố cộng thêm được cả thời gian làm việc bên ấy vào thì lương hưu của bố cũng được đấy. Đỡ cho mẹ đồng nào hay đồng ấy bố ạ... Dĩ nhiên là còn chúng con đỡ vào nữa...

Thằng út, từ ngày nhà nước cho bung ra, là thằng trên tiền ở cái nhà này, giỏi tính đếm nhất nhà. Nên ông lão không thể đánh bài lờ những lời nó bàn được. Ông ngồi uống nước, nghĩ bực dọc trong lòng, định cáu, nhưng rồi thở dài: "Ừ thì để bố xem xem thế nào hăng."

Đêm. Ông lão không ngủ được. Bà lão thuộc đến cả cách giở mình của chồng, khẽ khàng ngồi dậy rót nước uống. Lúc quay về giường, bà nắn nắn cái đầu gối của chồng: "Con nó bàn thế là nó nghĩ hộ bố mẹ. Nhưng nếu bố nó không muốn gặp lại ai thì cũng chả phải ép mình làm gì."

Bà đã nói vậy thì ông sẽ đi. Buổi sáng, xong tuần nước chè, ông dắt xe ra cửa, dăng tiếng: "Tôi đi đến anh chị Lư. Xem xem thế nào. Mẹ nó ở nhà đừng chờ cơm nhờ tôi về muộn quá."

Bà lão vẫn chờ cơm chồng. Quen rồi. Một mình một mâm cơm, nhạt miệng cũng không ăn nổi. Cầm vục cơm vợ xới, ông lão thủng thẳng:

- Anh chị ấy vẫn ở cái nhà ấy. Phố ấy ngày xưa yên tĩnh thế mà giờ người xe đi lại ùng ùng như chạy loạn. Tôi nhận không ra. Mấy đứa con anh chị ấy xây nhà cho thuê. Chẳng còn bột gác, chẳng còn hàng rào dây leo, chẳng còn vườn tược sân sướng gì. Cửa mở tuột ra phố. Thằng út nhà mình mà tậu được một chỗ ở đấy mở văn phòng thì dễ chừng sướng phát sốt phát rét lên...

Bà lão khẽ khàng:

- Thế... Rồi sao hả ông?

- Chị ấy còn nhanh nhẩu lắm. Nhận ngay ra mình. Anh Lư thì có vẻ lẩn rồi. Về hưu lâu rồi mà gặp khách chưa nhận ra ai vào với ai đã hỏi " cậu đến chắc có việc gì đề đạt hẳn" . Về già, bị suyễn, nói năng thều thào mà câu chữ vẫn gang thép lắm. Tôi nói chuyện thằng út... Chị ấy im lặng. Rồi gọi con dắt xe ra, bảo: " Chú nhận ra thằng này không? Ngày xưa hồi ở cơ quan chú vẫn lôi nó đi tắm suối với nhạt trám đấy. Chú ngồi chơi với anh chờ cháu đưa tôi đi..."

Ông gắp một miếng đậu phụ nhồi thịt, ngấm nghĩa:

- Mẹ nó làm khéo nhỉ. Tôi ăn ở mấy nhà thấy chẳng ai làm được như mẹ mày, thịt cừ phè ra, nhìn mắt đẹp... Thế rồi hai mẹ con chị Lư chở nhau đi. Ngồi lại với anh ấy, chẳng biết chuyện gì... Nói thì mình phải quát lên ông ấy mới nghe được. Mà nghe ông ấy nói thì tội. Thở như kéo bễ. Dễ đến hai tiếng đồng hồ, chị ấy về bảo thế này: " Mấy chục năm chú không lại nhà, chúng tôi hiểu tính chú. Mà cũng hiểu vì sao. Ngày ấy chú không nhờ, cũng không oán trách. Ngày ấy chúng tôi không giúp gì được chú, thế là có lỗi với chú, với cái tình xưa ở rừng kháng chiến với nhau. Nay chú tới đây, là chú còn tin vào cái lòng anh chị, là chúng tôi phải cảm ơn chú. Tôi vừa đến Vụ Tổ Chức. Chuyện mấy chục năm qua rồi. Người cũ về hưu hay chuyển công tác hết rồi. Chỉ còn mấy cậu trước dưới quyền tôi. Tôi bảo thế này: " Tôi chưa bao giờ nhờ các anh điều gì. Nay cũng không nhờ. Tôi chỉ làm theo trách nhiệm và lương tâm. Tôi đến chứng thực cho một người, ở cơ quan ta từ những ngày đầu thành lập, rằng anh ấy không có tội... " Chị ấy dặn mai mình cứ đến thẳng đó. Họ đã ghi rõ trường

hộp của mình. Sẽ bỏ sung hồ sơ. Mẹ nó ạ, giọng chị ấy... mẹ nó gặp chị ấy ngày xưa rồi đấy... nhớ không? Chị ấy nổi tiếng là người nguyên tắc.

Buổi sáng, bà lão trước khi ra ngồi giữa những hũ những vại những can cà dưa mắm muối lại khẽ khàng hỏi chồng:

- Mình hôm nay có đến cơ quan chỗ chị Lư dặn không? Tiện đường mình chở cái can nước mắm đến cho chị Thoa. Chị ấy dặn mấy hôm rồi mà không thấy đến lấy. Khéo nhà hết cái ăn...

Bà lão lẩm bẩm, vuốt vuốt lại mấy tờ bạc năm ngàn vừa moi từ rổ đựng tiền ra, đưa cho ông lão:

- Xong việc bố nó tạt vào chỗ cửa chợ Hôm mua lấy hộp sữa cân đường vào thăm bác Bằng một chốc. Nghe bảo bác ấy phải cảm nằm suốt ngày hôm qua. Mà đừng có ép nhau cờ quạt gì đấy nhé.

Ông lão cười, ràng chặt can nước mắm vào cái đeo hàng rồi lóc cóc đạp xe đi. Gió thốc cái mùi nước mắm từ sau lưng ông về phía trước. " Chà chà! Khuôn theo cái mùi này vào phòng làm việc của người ta thì cơ chừng nhỡ việc. Phí cả lời nói trước của bà chị..."

Nên đi đâu bây giờ trước nhỉ? Qua nhà cái cô Thoa đưa can nước mắm này. Lên bộ này. Tạt vào bác Bằng này. Ông lão loay hoay nghĩ, không để ý mình vừa ngoặt xe đánh vèo một cái về phía nhà ông bạn già. Cú ngoặt bất ngờ làm một cậu choai đi xe máy loạng choạng phanh vội. Chàng ta văng một câu chửi cực bậy. " Thằng ranh con. Cho bố xin lỗi. Nhưng mày ăn nói thế là hỗn. Bố mày tuy già nhưng đã ra đòn thì..."

Dĩ nhiên là ông lão không thốt thành lời. Hơn nửa đời qua ông đã học được phép im lặng. Ông nghĩ, và tiếp tục đạp xe đi. Đến lúc chống chân xuống đất dừng xe trước ngõ nhà ông bạn thì ông biết rõ mình muốn gì. " Vào làm với bác ấy ván cờ đã. Ở chỗ này thì chẳng phải bắn khoăn mùi nước mắm hay mùi cóc chết. Bạn nghèo với nhau."

Cô Gái Tháng Tư

Chu Thuỳ Anh

Khanh nói với tôi rằng rồi Khanh sẽ giới thiệu tôi với cô gái ấy, cô gái có đôi mắt rất trong, và long lanh.

Lần lần tiên Khanh nhìn thấy cô ấy là khi Khanh chuyển đồ về đây. Khanh thuê được căn phòng nhỏ trên gác hai, đối diện với nhà cô. Khanh thấy cô ngồi trong vườn, ngồi im gần như bất động. Khu vườn tươi tốt nhưng lộ rõ một vẻ hoang dại. Giữa cái thành phố khói bụi và ồn ào này, người ta thi nhau dựng lên những hàng rào sắt và thép gai, riêng khu vườn vẫn giữ một rào ô rô xanh rì, một khu vườn có rào ô rô giữa lòng thành phố! Mang tiếng là giữa lòng thành phố, nhưng thực ra nó nằm trong lòng một con ngõ nhỏ, nhỏ tới mức chỉ đủ để hai người đi sóng đôi mà nếu Khanh dắt thêm chiếc xe của mình thì sẽ chẳng còn đủ chỗ. Tuy vậy nó rất hợp với Khanh, cũng chẳng cần sóng đôi với ai lúc này. Khanh lên đây để học.

Nhưng không hiểu sao cô gái ấy đã thu hút Khanh. Có thể bởi dáng vẻ im lặng của cô, có thể bởi đôi mắt trong veo và sâu hun hút. Nó có một vẻ quyến rũ bí ẩn đối với Khanh, nhưng dù vậy, Khanh chưa bao giờ cố gắng đánh bạo làm quen. Nhưng một lần, cô em gái của cô đã nói chuyện với Khanh. Cô em cũng xinh đẹp và mảnh dẻ như cô chị, nhưng đôi mắt cô bé thắm sâu một nỗi buồn mênh mang.

Cô chào Khanh qua hàng rào ô rô khi Khanh đang đứng trong con ngõ nhỏ xiu, ngó sang khu vườn. Cô hỏi xem Khanh có muốn vào chơi khu vườn đó không? Đây là một đề nghị gây ngạc nhiên. Bởi ở thành phố, người ta ít biết hàng xóm của mình là ai. Đường như sau rào ô rô xanh rì ấy, mọi thứ vẫn vẹn nguyên như cả từ thế kỷ nay, thời gian đọng lại, và không trôi nữa, sau rào ô rô ấy. Và Khanh nhận lời.

Cô em mở chiếc cửa gỗ có những tai nắm xinh xinh - kết quả của ba ngày mưa rả rích - bên cạnh cửa. Khanh bước vào khu vườn có một lối đi rải sỏi và hai bên là thảm lá mục ẩm ướt. Cô em để Khanh lại ngắm những thứ đó, biến mất sau chiếc cửa gỗ của căn nhà và trở ra với cốc nước và một chiếc ghế con. Cô dặn Khanh hãy ngồi chơi uống nước và nói chuyện với chị cô, nếu cần gì cứ gõ cửa cô sẽ ra. Cô em chào Khanh, rồi biến mất rất nhanh, hết như lúc đầu, làm Khanh có cảm tưởng cô đang lướt chứ không phải đang đi.

Còn mình Khanh ngồi lại giữa khu vườn rộng, và một cô gái. Khu vườn trồng đầy cây ăn quả. Những quả chín không ai ăn rụng xuống thảm rồi mục ra như lá. Một vài quả còn sót lại trên cành trông cũng còi cọc và xấu xí lắm. Nắng ở đây có màu trắng xanh chứ không phải màu vàng. Và cô gái, cũng trắng xanh, ngồi yên lặng dưới một gốc cây. Những quả chín rụng đầy dưới chân cô, xung quanh, những con chim lích chích nháy nhót mổ quả. Mọi thứ đều mới lạ đối với Khanh.

Khanh yên lặng, mất một lúc để quan sát những thứ ấy rồi mới cất được một câu chào. Cô gái không đáp lại. Cô quay về phía Khanh, mỉm cười. Khi cô cười, mắt cô sáng hơn một chút, nổi buồn trong đôi mắt ấy trong hơn một chút, và má cô có nét gì đó như là hơi phơn phớt hồng. Khanh ngỡ ngàng trước dáng vẻ đó, đánh bạo hỏi chuyện cô. Nhưng cô không trả lời. Cô vẫn mỉm cười. Khanh nhắc lại câu hỏi đến khi toan tức giận nghĩ sau cái dáng vẻ đẹp đẽ ấy có thể là một sự kiêu kỳ khó chịu đến vậy, thì Khanh chợt nhận ra nụ cười ấy, ánh mắt ấy, tất cả đều dịu dàng và không chút điều cốt.

Lòng Khanh dịu lại. Nhưng ngay sau đó, có một nỗi sợ hãi xâm chiếm Khanh thấy sợ cái không gian im lặng và tĩnh mịch của khu vườn. Sợ sợ nắng màu trắng xanh trên đôi má đã cổ hồng lên mà vẫn còn nhợt nhạt của cô gái ngồi bất động. Khanh vội bước về phía cửa. Vừa lúc ấy cô em đi ra, với con mắt bình thản và nỗi buồn đọng sâu nơi đáy mắt. Cô nói chị cô không thể nhìn, và cũng không nói được. Nhưng chị cô có thể nghe và cô xin Khanh hãy ở lại nói chuyện vì đã lâu lắm không có người lạ nào vào đây, nói chuyện với chị cô. Cô nói hơi dài, rồi đứng im, nhìn thẳng vào Khanh như chờ đợi. Và Khanh ở lại ngồi trên chiếc ghế, gần như run lên giữa tiếng chim lích chích và nhìn không chớp cô gái đang ngồi bất động dưới gốc cây, má cô đã thoi ửng hồng vì nụ cười không còn nữa và mắt cô đọng cả một trời những nỗi buồn trong veo.

Đêm hôm ấy Khanh đã ngủ rất sâu, và hôm sau, khi đã bình tâm lại, khu vườn ấy vẫn không thôi ám ảnh. Có một điều gì đó thôi thúc Khanh bước vào nơi ấy một lần nữa. Khanh chờ đợi suốt một ngày dài, một buổi sáng, một buổi trưa, một buổi chiều, đến khi trời tối mịt. Chiều hôm sau mới thấy cô em xuất hiện gần rào ô rô và thật may vì Khanh đã không phải cất lời trước. Khanh lại ngồi trong khu vườn có những đóm nắng màu trắng xanh, với cô gái mỉm cười dưới gốc khế có những quả chín rụng đầy dưới chân mà trên đầu cô hoa khế vẫn li ti tím trắng. Khanh ngắm khu vườn hoang sơ, ngắm cô gái có đôi mắt mang màu nắng, đôi mắt không thể nhìn thấy được. Không một người khiêm thị nào có đôi mắt đẹp như thế, đôi mắt đẹp hơn tất cả những đôi mắt mà Khanh từng gặp. Mắt cô ánh lên màu trong veo và ấm áp của nắng đầu hạ. Khanh không biết tên cô gái, và Khanh cũng không bao giờ hỏi, bởi Khanh đã gọi cô là Cô Gái Tháng Tư - cô gái có màu nắng tháng tư trong đôi mắt.

Chiều hôm đó Khanh đã thấy khu vườn ấm áp hơn. Nắng vẫn xanh và cô vẫn ngồi yên lặng, nỗi sợ hãi đã vơi đi một nửa và niềm dễ chịu tăng lên gấp đôi. Cô em vẫn lặng lẽ đem cho Khanh chiếc ghế cùng cốc nước, trao đổi những câu ngắn gọn hết như lần trước. Nhưng hôm sau thì Khanh đã làm cô nán lại thêm một chút, và nhờ đó Khanh biết được trước đây chị cô cũng có một đôi mắt đẹp biết

nhìn, một chiếc miệng xinh có giọng nói nhẹ nhàng và dịu dàng như cô. Nhưng sau một trận ốm, khi gia đình đã chuẩn bị quần áo, chõ nấu một bát cơm úp cùng quả trứng luộc và đôi đĩa tĩa hoa cho cô, thì cô từ từ bình phục, nhưng giọng nói và ánh mắt của cô đã ra đi. Mọi người đều ngỡ ngàng. Cô cứ xanh rớt như tàu lá, ngoan ngoãn như một con mèo con, sáng sáng ra ngồi dưới khu vườn. Suốt bao nhiêu năm đã như thế. Cô em bảo chị ngồi nghe những lời ca của lá và câu chuyện của chim. Khanh biết hai cô có một bà mẹ, bố các cô đã mất từ lâu, nhưng bà mẹ đang sống cùng, Khanh chưa bao giờ nhìn thấy.

Khanh vẫn sang khu vườn đó với Cô Gái Tháng Tư, đã quen với nụ cười đáp trả của cô. Khanh kể với cô những chuyện vặt vãnh và vì cô không thể trả lời được nên cô mỉm cười. Khanh lại có cảm giác thân thuộc và êm ái như trước đây, khi Khanh vẫn ngồi với con mèo yêu quý của mình.

Khanh ngồi với cô mỗi buổi chiều, để nói về những chuyện người ta không thể nói với ai khác. Và khi chuyện đã hết thì Khanh đàn cho cô nghe. Cây ghita Khanh đã chơi từ rất lâu không phải một cây đàn chuẩn về âm thanh nhưng Khanh tin nếu như Cô Gái Tháng Tư nghe và cảm thông được những câu chuyện của Khanh thì cô cũng sẽ cảm thông được tiếng đàn. Và vì thế ngoài những tiếng chim lích chích, đôi khi khu vườn còn có thêm tiếng ghita bập bùng, chậm chạp nhưng nhịp nhàng như khi ghé sát tai vào lồng ngực, ta nghe tiếng trái tim cũng chậm chạp và nhịp nhàng như vậy.

Khanh đã ngồi với cô biết bao nhiêu chiều nắng và chiều gió, bao nhiêu chiều mây xám xịt bầu trời khi những tia nắng trắng xanh cũng không xuống nổi khu vườn. Chỉ lúc trời mưa tầm tã, Khanh mới ngồi lại trên căn gác của mình, nhìn qua song cửa thấy rào ô rô lướt lên trong gió. Và Khanh chơi những bản nhạc của Khanh, những bản nhạc Khanh viết chẳng riêng cho ai hết. Khanh tin rằng bản thân mỗi giọt mưa cũng tạo nên một âm thanh riêng biệt và khi tiếng đàn của Khanh hoà lẫn trong bản giao hưởng của vụn vụn hạt mưa đó, Cô Gái Tháng Tư sẽ nghe nó rõ hơn và thấy nó hay hơn. Vì thế, Khanh

chơi đàn vào những chiều mưa và ngồi bên cô suốt những chiều còn lại, tất cả các buổi chiều.

Nhưng một hôm Khanh không thấy cô gái đâu nữa, hôm sau và hôm sau nữa. Cả cô em và cô chị như tan vào lòng đất. Ngôi nhà im lặng. Khu vườn im lặng. Khanh thấy những quả khế sắp tan ra giữa thảm lá mục mà những con chim thì đã bay đi đâu mất. Đã bao nhiêu lần Khanh muốn gõ cửa hỏi thăm cô gái rồi lại thôi. Đến khi lòng kiên nhẫn đã gần như không giữ nổi Khanh nữa thì lần đầu tiên, Khanh thấy ngôi nhà mở cửa, khu vườn mở cổng và những người khác bước vào. Tất cả đều lặng lẽ. Những người khách thưa thớt, mặc áo đen, làm những cuộc viếng thăm im lặng và buồn tẻ. Một vài người hàng xóm ghé sang. Cô Gái Tháng Tư tan vào lòng đất, còn cô em đáng vẻ của cô chị, với nỗi buồn thắm hơn trước và vàng khăn trắng trên đầu. Khanh nhận ra bà mẹ vì bà là người ở lại giữa những người khách lặng lẽ đến và đi. Khu vườn có thêm những vòng hoa trắng. Khanh nghỉ học ba ngày chỉ để nhìn sang khu vườn đó, ngồi im, qua chấn song cửa sổ, thấy rào ô rô vẫn xanh rì, cây khế nở hoa tím ngắt, thảm lá ẩm ướt có thêm một vài tai nấm mới và những vòng hoa thì cứ trắng lên xa xót.

Bà chủ nhà nói với Khanh ngôi ấy bị ma ám. Cả gia đình ấy bị ma ám và vì thế hàng xóm không ai dám lại gần đó cả. Bà bảo Khanh hãy tránh xa khu vườn đó ra và nói thêm rằng cô gái mất đi có khi lại tốt cho con ngõ này.

Khanh thấy người ta cắt trụi rào ô rô, đốn những cây ăn quả tán sum suê khu vườn ngập nắng và những tai nấm vì không quen với ánh sáng ấy, héo rũ và khô quắt lại. Gia đình cô gái chuyển đi đâu chẳng rõ. Khanh nhìn qua chấn song, thì bắt gặp một chấn song khác, cũng bằng sắt và kiên cố như phòng trọ của Khanh, sơn màu vàng chứ không xanh rì rậm rạp như rào ô rô cũ.

Khanh chưa kịp giới thiệu cô gái ấy với tôi, cũng không viết nổi bản sonat nào tặng cô. Nhưng Khanh quả quyết rằng người ta không thể chôn cô, bởi hôm người ta đưa quan tài cô đi, Khanh đã thấy cô

ngồi khóc dưới gốc khế, mỉm cười, rồi từ từ đứng dậy và bay lên trời cao, nơi những tia nắng rất hồng và không xanh một màu xanh trắng, nhợt nhạt như qua khe lá.

Sáng Nắng Chiều Mưa

Linh Vang

Thế Vân, con gái đầu lòng của Uyên, đã vào đại học. Cali thiếu gì trường mà nó không chịu chọn lại đòi học ở University of Washington -ngôi trường ngày xưa của bọn nàng. Nàng không muốn con đi học xa, vì nàng biết là nàng sẽ nhớ nó lắm, dù rằng về tiểu bang Washington thì nó sẽ được gần ông bà ngoại và cậu, dì của nó. Hôm nó cho nàng biết ý định đó, nàng đã hù con, nói:

-Con à, con không sợ mưa à. Trời Seattle lúc nào cũng âm u buồn bã, chứ không sáng sủa như dưới San Diego này đâu.

Nó mới ôm cổ nàng nũng nịu:

-Con đi học chứ đâu phải đi chơi mà quan tâm thời tiết, mẹ. Trường xưa của mẹ, nổi tiếng, lại cho con học bổng nữa...bỏ uổng! Mẹ nghĩ có phải không? Mẹ sẽ không phải lo tiền học cho con.

Nhìn con đã cao lớn hơn mình, nàng mỉm cười bảo con:

-Thôi được! Mà cuối tuần con phải về nhà ông bà ngoại đấy, mẹ mới an tâm được. Về kiếm cơm Việt ăn cho đỡ thèm, con nhé!

Nó hứa sẽ làm điều mẹ dặn và nói thêm:

-Con sẽ đi hồ Bagley thăm dùm mẹ những con vịt nhỏ, thăm dorm Terry Hall, sẽ ngắm những hàng đào nở rộ trong campus, những cánh bông màu hồng li ti rụng đầy lối đi... Mơ mộng vào những ngày sương mù...

Con bé bỗng tò mò, lém lỉnh:

-Mẹ à! Mẹ là dân Washington mà sao lại lấy ba là dân Cali? Mẹ lại đẹp như thế kia, hồi đó con trai trường W không ai "chụp" mẹ liền để mẹ phải đi lấy chồng xa.

Uyên cười nói:

-Duyên nợ mà con! Mẹ đi nghỉ hè rồi gặp ba con. Mới gặp ông đòi cưới mẹ ngay để mẹ khỏi về lại Washington. Dụ nói thời tiết Cali nắng đẹp, người Cali hiền hòa... Mẹ vờ hứa mẹ về học lấy cho xong cái bằng rồi mẹ sẽ lấy ông... Tưởng hứa cuội cho xong, ai dè mắc nợ luôn!

-A, thì ra Ba cũng khéo ăn nói như vậy! Bất ngờ con bé từng từng hỏi nàng:

-Còn cậu Thương...hồi đó cậu cũng học W. Cậu theo đuổi bóng hồng nào?

Hôm đó hấn đến trễ, gặp lúc bàn của tụi Uyên còn một chỗ trống nên người ta dẫn hấn đến...nhét đại. Thấy một đám con gái với những con mắt chăm chăm tinh nghịch ngó mình-người lạ-hấn lúng túng thấy rõ, miệng ấp úng xin lỗi -chuyện gì? Không lẽ vì việc trễ nãi của hấn mà tiệc cưới đã trễ hơn tiếng rưỡi vẫn chưa bắt đầu?- Việc đưa nào cũng để ý đến hấn thì quá hiển nhiên rồi, vì không đưa nào ngờ... một người khác phái, khi mà cả bọn đã có ý đòi cô dâu phải dành riêng cho một bàn, "ngày cưới của mi, nhưng tụi tao muốn vui đùa tự do", dù chú rể muốn sắp xếp đám con gái ngồi lẫn lộn với đám con trai bạn anh để nới rộng vòng tay thân hữu.

Thế Dung kể nó để ý tới hấn vì trông hấn... lẻ loi... thật đáng thương, chỉ muốn ôm hấn và nhỏ nhẹ an ủi. Thanh nói trông hấn có vẻ thư sinh, nhưng không yếu đuối, hấn có vẻ dân... thầy khi mới nhìn, bờ vai hấn rộng tạo nên cái vẻ... che chở cho mình được, làm tao đã thấy... thương hấn ngay.

Còn Uyên, cô để ý tới hấn vì hấn hay xin lỗi và quá...thật thà. Hấn xuất thân từ trường mà đám con gái còn đang theo học. Khi tiệc cưới bắt đầu và thức ăn được dọn ra, hấn khen ngon và nói hấn đang nhớ lại những ngày chỉ ăn mì gói đi học. Hấn kể với nét mặt nghiêm trang và giọng nói thật thà về những ngày "đói" -chữ đói là chữ hấn dùng, chứ không phải Uyên. Nhỏ Kiều tinh nghịch:

-Sao lại đói hả anh? Commondore nhiều gián lắm mà!

Một cô trả lời giúp hấn:

-Có lẽ thời anh ở, Comondore còn sạch, đâu bẩn như bây giờ nên làm gì có gián mà ăn!

Đám con gái cười khúc khích, nhưng rồi khi thấy hấn tỉnh queo đưa đũa gắp thêm một miếng thịt vịt quay bỏ vào miệng thì tụi chúng đâm ra cụt hứng. Hồi lâu hấn chậm rãi nói:

-Tôi hay đi nhà thờ vì...mấy bà nấu ngon, mỗi lần gặp mục sư Thiết ông hay bảo kỳ này nhớ đi nghe giảng nghe, vì có ăn uống. Té ra là vì vậy, chứ không phải vì ngoan đạo! Uyên không hiểu hấn tiểu lâm, hay quá... chân thật, vì hấn không cười. Con Du giả vờ thương hại, trời, nếu mà biết, dẫn anh đi chùa Cổ Lâm, ở đó, cơm chay rất ngon. Con Du hay đi chùa đó vì có đám thanh niên trẻ gia đình Phật Tử của chùa. Chùa King thì toàn...các cụ, mà lại các cụ Bắc nữa, các cụ làm tụi nhỏ mất tự nhiên, lạng quạng đứng ngồi không nghiêm chỉnh là bị các cụ la. Không biết có ai một ngày nào đó tự phân vân về những sự khác biệt đó, và biết được những lý do làm mất con chiên, bốn đạo.

Trở về việc trước khi hấn nhập bọn. Hấn đi trễ vì kẹt xe hay lạc đường? Hay là vì lý do nào khác? Nên hai chỗ ngồi để dành cho hấn và khách của hấn (?) trong cái bàn có đôi có cặp đó đã được một cặp khác ngồi vào cho đầy bàn rồi, vì ai cũng muốn bữa tiệc bắt đầu, đợi đã quá lâu. Hấn đến lại...lẻ loi, cứ đổ mặt xin lỗi cho sự chậm trễ của mình. Hấn tưởng mình quan trọng đến như vậy, có biết đâu tiệc vui có bắt đầu cũng chẳng ai nhớ đến hấn. Cô dâu là em họ hấn mà cũng không nhớ mặt hấn! Và để tỏ ra là không muốn làm phiền thêm gia chủ, để chuộc tội, khi được hỏi muốn ngồi ở đâu thì hấn trả lời ngồi đâu cũng được.

Thấy khuôn mặt của anh chàng quá lạ, nhỏ Vân hỏi ngay xem anh chàng có ở trong băng The Phoir nào không. Phoir có hai nghĩa: không đào để dẫn đi bát phở, để đưa đi dạ vũ nên còn phoir, không gióp nên ở nhà nằm phoir trước cái TV với mấy bộ phim chương. Hay vừa không đào vừa không gióp? Cái đạo ấy W có lắm hội The Phoir. Hấn ngớ ngẩn một cách tội nghiệp, cứ nhìn Vân chăm chăm. Giờ lại làm con bé vụng về! Yên phải giải thích và rồi hỏi:

-Vậy anh có ở trong băng The Phoir nào đó không?

Hắn tỉnh bơ trả lời cộc lốc:

-Không!

Cũng chưa biết tên hắn là gì nên lại có một màn giới thiệu. Vì hắn là dân thiếu số nên để hắn tự nhiên-hay bắt hắn kéo dài sự hồi hộp?-tụi con gái mới tự giới thiệu trước, theo một vòng tròn, bắt đầu từ Vân đang ngồi bên mé phải của hắn. Cái đầu của hắn xoay một vòng tròn, kèm với nụ cười nhẹ và cái gật đầu chào. Uyên là người cuối-bên trái hắn. Lừng khừng, hắn khen:

-Tên Uyên dễ thương quá nhỉ! Tú Uyên, Quỳnh Uyên, hay..?

-Thực Uyên.

Đám con gái để bụng mà không nói, hắn thiên vị, đúng là cha này thiên vị, sao hắn chẳng khen tên đứa nào mà chỉ khen tên Uyên.

-Còn tôi là Thương.

- Cái gì? Sao mà có cái tên khôn thế? Như thế là lấp lửng ăn gian...Anh Thương ơi kêu như anh thương...Có ai tinh nghịch gọi hắn là anh Ghét không?

Một tuần sau đó là một ngày đẹp trời. Cả bọn với shorts, T shirts sẵn sàng nhào ra sông hồ. Rủ nhau đi chơi Greenlake. Nắng chiếu óng ánh trên mặt nước như vô khối viên kim cương lấp lánh. Một cái đàn dương cầm đặt trên một chiếc du thuyền để lênh đênh giữa hồ, một chàng Mỹ đen vừa đánh nhạc vừa hát. Bạn bè mượn thuyền chèo theo con nước quanh co, bên bờ có hàng liễu rủ xuống mặt nước lả lơi. Từng đàn vịt trời nô đùa với nước hay lên nằm trên cỏ phơi bộ lông. Uyên đâu dám thố lộ là không biết bơi, vì sợ chúng bạn tinh nghịch đem liệng xuống hồ.

Hắn chèo thuyền cho Uyên. Ở một khúc vắng vẻ, hắn nói nhỏ:

-Tôi phải hồi lộ Phi Yến mới hay Uyên sắp lấy chồng.

-Ồ làm gì mà anh phải hồi lộ dữ vậy. Uyên tưởng ai cũng biết rồi. Anh mới nhập bọn, chẳng lẽ Uyên lại đi kể lể với anh là mình sắp lấy chồng. Nhưng đừng lo, sẽ không quên mời anh đi dự đám cưới đâu.

Bọn Uyên trải khăn bàn, bày thức ăn ra. Thương bỏ than nướng thịt. Thịt nướng mỡ chảy kêu xèo xèo. Khói tỏa lên trời. Hương thơm phức bay theo chiều gió. Ăn xong, Uyên với Thẻ Dung ngồi ngắm trời đất mây nước. Những cánh buồm thấp thoáng xa xa.

-Giá gì có Hưng ở đây ...Tao nhớ chàng, Dung ơi!

-Mi thật là hạnh phúc. Mi có anh Hưng rồi bây giờ có anh Thương nữa ...Mi không thể bắt cá hai tay!

Uyên sợ Dung hiểu lầm nên vội vàng đính chánh là Uyên không có để ý tới hấn. Đời rắc rối như thế đấy! Thế Dung yêu hấn, Uyên biết được nhờ vô tình đọc nhật ký của Dung viết dở dang đang để trên bàn học, hấn ...thích Uyên, Uyên đã có người yêu, tạo thành một cái vòng luẩn quẩn, như cái vòng luẩn quẩn trong truyện Tình Buồn của Quỳnh Dao ...cái cha Hà Mộ Thiên đẹp-trai-học-giỏi-con-nhà-giàu như vậy mà suốt đời cứ đeo đuổi yêu cái cô vợ của chàng họa sĩ nghèo bạn của mình chỉ cho cô đơn suốt đời. Đúng ra là người cũ của chàng nhưng vì hiểu lầm và hoàn cảnh phải đi lấy chồng. Còn cha họa sĩ thì chắc là muốn cái địa vị của cha Hà Mộ Thiên.

Uyên có một ông chú. Ở tuổi hai mươi, chú nàng tới đất Mỹ làm ăn, lúc đó thím đang sống ở miền Hậu Giang. Qua sự giới thiệu bằng thư từ của người quen, chú của Uyên và thím quen biết nhau. Bắt đầu bằng những lá thư trao đổi và rồi...chú nàng cầu hôn, và với một giấc mơ về một đời sống tốt đẹp hơn ở đất Mỹ, thím rời bỏ gia đình, bạn bè, và quê hương yêu dấu sau lưng, để đi kết hôn với một người hoàn toàn xa lạ. Thuở ở tuổi mộng mơ, Uyên hay ngồi hình dung cảnh chú thím lần đầu gặp nhau tại phi trường...hai người chưa từng có cơ hội của...bốn-mắt-nhìn-nhau-con-tim-rung-động bởi tiếng sét ái tình. Họ chỉ mới yêu nhau qua những lá thư trao đổi, vậy mà dám phó thác cuộc đời của mình cho nhau, gan thật. Mà họ đã sống, đã có một bầu con, một gia đình hạnh phúc.

Nghĩ tới tình yêu đơn giản của chú thím rồi nghĩ tới bạn, nhiều năm trôi qua, Uyên thật cứ mong chờ một cái gì đó. Uyên là gạch nối giữa Dung và Thương. Họ biết tin tức về nhau qua Uyên. Trong ba người bạn, Uyên là người duy nhất đã lập gia đình. Nàng sống hạnh phúc với chồng và các con. Thương làm giám đốc một bộ phận của công ty sản xuất máy bay Boeing, ở Seattle; ngoài ra, thì giờ rảnh rỗi còn lại anh còn viết lách nữa. Thế Dung bây giờ đã là một nhà văn nổi tiếng viết cho độc giả Mỹ. Sách của nàng được các nhà xuất bản dành nhau mua cả triệu bạc. Nàng đi du lịch nhiều nơi để lấy cảnh lấy ý cho những cuốn tiểu thuyết của nàng. Tuần trước truyện của

Dung được quay thành phim trình chiếu trên TV. Dung xuất hiện xinh đẹp với lời giới thiệu. Con bé Thế Vân hỏi hỏi mẹ từ phòng ngoài:

-Mẹ ơi mẹ! Má Dung xuất hiện trên TV kia, mẹ ra coi mẹ!

Thế Vân kêu Dung là Má vì Dung là mẹ đỡ đầu của nó.

Uyên yêu mến cả Thương và Dung. Mà Uyên không tài nào giúp Dung được. Thương vẫn căm ghét không chịu tỏ tình với Dung, để hai người lấy nhau. Đâu phải là họ chẳng hợp nhau. Họ cũng sống bằng nghề viết. Và cũng trai tài gái sắc cả. Chú thím của Uyên ngày trước đâu có biết nhau mà họ vẫn sống với nhau được đó thôi, và lại sinh cả đám con. Uyên mơ ước một ngày, Thương sẽ hỏi Thế Dung câu tiếng Việt kiểu nói của mấy ông bà Tàu trong những phim bộ Hồng Kông mà nàng hay coi:

-Em gả cho anh đi!

Nhưng Uyên cứ chờ hoài . . .

Cuối năm học thứ ba, một hôm Thế Vân gọi điện thoại về nhà nói có người đi hỏi nó và nó đã bằng lòng-đúng là thời buổi này con cái đặt đâu cha mẹ ngồi đó, chứ không như thời trước cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Uyên giật mình tưởng như bị điện giật, vì trong thâm tâm nàng cứ nghĩ con nó còn bé lắm. Nàng nói:

-Ba Mẹ chưa gặp bạn trai của con, con không nên quyết định nhanh như vậy được. Con cái nhà ai, ăn học như thế nào.ê Nhớ đưa về giới thiệu với ba mẹ...rồi có tính gì thì tính, con nhé!

-Mẹ à, mẹ còn lạ gì cậu Thương?

-Cháu của cậu Thương à?

Nàng cũng thắc mắc là lâu nay có nghe Thương nhắc tới người cháu nào đâu.

-Mẹ! Cậu Thương hỏi cưới con, chứ cháu nào?

Bên này phen nàng lại giật mình. Cái tình yêu gì lạ vậy, tôi có nghe lầm không? Bạn mẹ lại đi tán con. Mà bạn mẹ-Thế Dung-cũng yêu anh chàng. Rồi biết ăn nói làm sao với Thế Dung đây? Nóng ruột, nàng gọi phen kêu chồng về nhà ngay mà không nói tại sao, không có thời giờ dài dòng. Nghe nàng thở hỏn hển trong phen, chồng nàng lại tưởng con lạc đà để khó như kỳ trước. Mấy con thú dễ thương này là của nàng, nhưng cứ gặp khó khăn là nàng gọi chàng quỳnh lên. Bình

tĩnh, bình tĩnh, anh về ngay...Anh trấn an nàng với giọng trêu chọc vì biết là chẳng có chuyện gì đáng khản trương cả.

Nghe xong chuyện, anh cười tỉnh bơ:

-Thì cũng được thôi. Thương đâu có liên hệ bà con gì với mình. Đẳng nào bao nhiêu năm nay mình cũng coi Thương thân thiết như là người nhà rồi. Còn em sợ Thương lớn hơn con mình, đàn ông ở tuổi đó đâu đã già. Con Thể Vân của mình cũng hai mươi rồi. Hồi đó em lấy anh cũng bằng tuổi nó bây giờ...mà có ai nói em còn nhỏ, cấm cản em đâu.

Uyên nói gỡ gạc:

-Em đã xong đại học và 22 tuổi.

-Thì nó cũng chỉ còn một năm học nữa thôi-và anh phì cười nói thêm-Nó thông minh học nhanh hơn em! Con hơn mẹ là nhà có phúc...

Ai lại nói vậy! Đúng ra cái câu nó như thế này: Con hơn cha là nhà có phúc.

Tâm lý của một bà mẹ mà, Thể Vân của nàng trẻ đẹp, học giỏi, chưa đứa con trai nào xứng đáng với nó hết, Uyên thở dài:

-Thương lớn tuổi, biết đâu lâu nay Thương lãng nhăng với cô này cô kia!

-Cho dù vậy, trên giấy tờ cũng chưa từng có cô vợ nào mà. Em à! Con nó yêu ai là mình gả. Với lại, thấy Thương nó cũng thương con Vân, tại em không để ý đó thôi. Nhiều lần Thương có tâm sự với anh là nó thương con mình (trong lúc hai người nhậu nhẹt những khi Thương từ tiểu bang Washington về thăm gia đình nàng?).

Nàng kêu lên:

-What?

Rồi nàng chợt nhớ:

-Nhưng Thể Dung ...yêu Thương!

-Hai chục năm rồi, sao em chắc là cô ta còn yêu Thương.

Nàng nhớ là lâu rồi Thể Dung cũng không còn nhắc nhiều về Thương nữa, chỉ là những câu thăm hỏi thông thường. " Nhưng hồi xưa Thương theo đuổi...em!", suýt nữa là nàng đã nhắc đến điều này. Chắc là chồng nàng sẽ nói " thì đã sao" , nhưng anh vô tình nói tiếp:

-Sáng nắng chiều mưa, ngay cả ông Trời cũng đổi thay mà em! Em đừng có lo lung tung nữa.

Mấy ngày sau, nàng mới liên lạc được với Thế Dung. Nàng ngập ngừng vài phút rồi mới kể hết mọi sự...và nàng đã nói như là xin lỗi:

-Mi không trách tao đã không dạy con chứ... Chuyện cũng thật bất ngờ!

Tiếng Thế Dung cười vui vẻ trong phon:

-Uyên ơi! Tao mừng cho gia đình mày, chứ trách gì, sao mày lẫn thần thế. Còn chuyện ngày xưa tao mê ...Thương ... xưa ơi là xưa! Đừng lo cho tao nữa, bà má non. Tao không có chồng nhưng đâu phải vì vậy mà không sống được! Nhớ cho tao biết ngày cưới để tao về dự ngày vui của cháu...Mới ngày nào mình còn học W, còn phá phách đùa nghịch mà mi bây giờ lại sắp có rể, sắp làm bà ngoại ...trách nhiệm thật nặng nề tao thấy thương cho mi quá.

Uyên thở phào nhẹ nhõm, nàng không khỏi ngạc nhiên, mọi chuyện đều đơn giản như thế ư ?

Xuân Nồng

Thanh Liêm

Chương còm ngáp dài một cái gân toác đến mang tai. Gã vạch cổ tay áo, nhìn đồng hồ. Gã thoáng giật mình, đã 2 giờ sáng. Thế là gã đã ngồi mọc rề trước chiếc máy điện toán gần 8 tiếng đồng hồ. Không biết từ bao giờ, Chương còm đâm ra "ghiền" cái trò chơi "xa lộ tin học" này. Cũng như người dùng ma-túy lâu năm, liều lượng chỉ có tăng chứ không có giảm.

Ngày xưa, lúc mới được giới thiệu với cái trò chơi này, Chương còm bắt đầu bằng cách tham gia mạng lưới thông tin của nhóm Việt Nam, có tên gọi là "VietNet". Cái diễn đàn này hợp với bản tính tò mò của Chương còm. Trên đó thiên hạ hàng ngày đăng tải cả trăm lá thư điện tử, những lá thư đôi khi viết bằng tiếng Anh, đôi khi bằng tiếng Việt. Nội dung của những lá thư này rất đa dạng; có người mang chuyện chính trị, tôn giáo lên đó mà bàn cãi, cũng có những mầm non văn nghệ chia sẻ với thiên hạ những mẫu truyện ngắn, những bài thơ con cóc, cũng có kẻ lại mang chuyện tư thù lên đó mà giải quyết.

Thời gian sau Chương còm đi xa hơn một bước là trực tiếp liên lạc với người gửi thư, thay vì đi qua diễn đàn. Sở dĩ gọi xa hơn một bước là vì trường hợp này có vẻ riêng tư hơn. Cũng nhờ cái trò chơi này mà Chương còm làm quen được vài cô, mà cũng không biết có phải là mấy cô thiệt không hay là lại mấy gã giả gái. Dễ quá mà, không thấy mặt nhau thì có trời mới biết được kẻ ở đầu bên kia là ai,

và chỉ cần biết sơ về hệ thống điện toán thôi là người ta có thể dễ dàng sửa cái tên trên máy cho nó có vẻ nữ phái một tí.

Có ai ngờ được những người vẫn tự xưng trên máy là Bích, Kim Anh, Loan, Liên, Mai, Ngọc, Uyên, hay Yên là mấy gã đực rựa chính hiệu. Cũng có trường hợp bé cái lắm vì trên bàn máy tiếng Mỹ không có bỏ dấu, như Hoa chính là Hòa, Dung là Dũng, Truc và Van tưởng là Trúc và Vân nhưng lại là Trục và Văn! Đó là chưa kể trường hợp những cái tên Việt Nam đều có thể là trai hay gái cũng được.

Thời gian sau này có người mách cho Chương còm về một dịch vụ mới của xa lộ tin học, gọi là "Internet Relay Chat (IRC)". Với dịch vụ này người ta có thể đi thẳng vào những băng tần, tương tự mấy băng tần của đài phát thanh, để mà nói chuyện trực tiếp với nhau bằng cách gõ vào bàn máy. Theo quảng cáo, với dịch vụ này, người dùng có thể liên lạc với nhau từ khắp bán cầu mà không tốn một xu tiền điện thoại. Chương còm quan niệm chỉ có cách liên lạc như vậy gã mới có thể phân nào đoán được người đang gõ máy là nam hay nữ.

Thế là Chương còm tham gia vào dịch vụ IRC này không một chút do dự. Cho đến hôm nay cái hậu quả của việc làm này thật là tai hại, không lường được. Chương còm vẫn ý thức được sự tác hại này, nhưng gã không thể dứt được, cũng như người nghiện thuốc lá, biết là hại phổi nhưng vẫn cứ hút. IRC có một mảnh lực ghê hồn, nó chiếm hết mọi sinh hoạt thường nhật của Chương còm. Hàng ngày gã dính chấu IRC từ sáng đến tối, không lo học hành gì hết. Chương còm hiện đang còn là sinh viên n. Năm nay chỉ mới là năm thứ hai đại học của gã, nhưng gã có triển vọng được mời ra trường sớm nếu cái đà học hành này cứ tiếp tục. Nhưng mặc kệ. Chương còm bất chấp. Gã vẫn quan niệm "học mà không chơi hại đời tuổi trẻ". Năm nay Chương còm mới tròn 25 cái xuân xanh.

Cũng nhờ làn sóng IRC này mà Chương còm đã làm quen được một vài cô bé Việt Nam. Trong số đó, Chương còm có cảm tình nhất với Oanh. Phút đầu gặp gỡ trên máy, Chương còm đã chú ý tới Oanh ngay; với một lối đàm thoại dễ thương và hoạt bát, Oanh đã nổi bật lên so với các nàng có mặt trong IRC hôm đó. Thế là Chương còm bắt đầu tiến hành kế hoạch tán tỉnh trên máy. Gã bắt đầu bằng cách bắn đến địa chỉ thư điện của Oanh một loạt thơ tình, trích ra từ cuốn Việt

Nam Thi Nhân Tiền Chiến của Nguyễn Tấn Long. Gã còn bỏ thời giờ ngồi vẽ trên máy những đóa hoa hồng để gửi đến nàng.

Chỉ có nhiều đồ chơi cũng đủ gây được sự chú ý của Oanh. Thế là Chương còm thành công. Qua tìm hiểu trên máy điện toán và thư từ qua lại, Chương còm biết được Oanh hiện đang sống và làm việc ở Schenectady, một thành phố nhỏ, tọa lạc phía Bắc của tiểu bang New York. Nàng sang Mỹ được 5 năm, tuổi đời 24, tức là thua Chương còm 1 tuổi. Cổ nhân có câu: "Gái hơn hai, trai hơn một!" Như vậy là rất xứng đôi vừa lứa, Chương còm nghĩ thầm. Sau này, nhận được hình của Oanh, gã càng thấy nàng gần gũi và thân thương hơn. "Khi yêu quả ầu cũng tròn, bồ hòn cũng ngọt!" Chương còm có cảm tưởng hoa hậu Hoa Kỳ, cô Heather Whitestone, đẹp lắm thì cũng chỉ bằng Oanh của gã là cùng.

Ba tháng trời trôi qua, mối quan hệ mật thiết giữa gã và Oanh thật là gắn bó. Thoáng đó mà cái Tết Nguyên Đán đã gần kề. Tết năm nay Chương còm nhất định sẽ thực hiện cái kế hoạch mà gã đã nung nấu suốt ba tháng trời nay. Như bao nhiêu cái Tết Ta trôi qua trên xứ người, ngoại trừ những vùng đông Việt Nam như Cali hay Texas, ai cũng biết rõ những tiểu bang miền Đông bằng giá làm gì có chuyện ăn mừng Tết Âm Lịch, và cái thành phố quê mùa Schenectady cũng không phải ngoại lệ. Kế hoạch của Chương còm trong mấy ngày Tết nhất này là bay lên tận vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, cho người tình "điện toán" của gã một cái ngạc nhiên.

Suốt mấy tháng trời qua Chương còm đầu tắt mặt tối, cày một lúc hai "job", cuối cùng gã cũng dành dụm đủ tiền cho chiếc vé máy bay khứ hồi và vài trăm để tiêu vặt, dẫn người yêu đi chơi. Chỉ mới tưởng tượng ra cái cảnh ôm Oanh trong vòng tay, ngắm nhìn tuyết rơi bên ngoài khung cửa thôi mà gã đã cảm thấy châu thân nóng bừng. Và Chương còm âm thầm thi hành kế hoạch. Gã mua vé máy bay, đáp xuống phi trường Albany, thủ phủ của tiểu bang New York, vào đúng đêm Giao Thừa.

"Anh đến thăm em đêm ba mươi. Còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi." Đêm ba mươi, Chương còm khăn gói quả mướp đến thăm người tình điện toán của mình. Theo địa chỉ trên phong bì Chương còm tìm ra nhà dễ dàng, cũng nhờ ở đây đất rộng người thưa, nhà

cửa phân chia rõ rệt. Chương còm ghé tai vào trong khe cửa, gã nghe rõ có tiếng trẻ con Việt Nam đang nô đùa bên trong. Gã mừng thầm là đã tìm đúng nhà. Chương còm hít một hơi dài lấy bình tĩnh trước khi gõ cửa. Ra mở cửa là một thằng bé khoảng trên dưới 10 tuổi. Thằng nhỏ nói tiếng Việt khá sõi:

"Dạ thưa chú kiếm ai?"

"Cho hỏi đây có phải là nhà của cô Oanh không?"

Có một đứa bé gái, trông có vẻ lớn hơn thằng bé, thò đầu ra:

"Mợ cháu đi ra chợ có việc, mời chú vô nhà ngồi đợi, tí xíu mợ về."

Chương còm tưởng mình đi lầm nhà. Theo gã biết, Oanh mới có 24 tuổi, làm sao mà có được những đứa cháu lớn tòng ngồng như thế được! Chắc có lẽ là họ hàng xa. Gã nhìn lại địa chỉ một lần nữa, không thể lầm được. Gã tự nhủ: "Thôi thì đã lỡ đến đây, cứ vào trong cái đã, mọi chuyện sẽ hạ hồi phân giải." Có điều gã lấy làm lạ là dân tình ở đây có vẻ hiếu khách, người lạ mới gặp lần đầu mà dám mời vào trong nhà.

Chương còm bước vào phòng khách. Chiếc máy điện toán đặt trên bàn đập vào mắt gã trước tiên. Gã đi đến tò mò dò xét. Hình như người dùng vừa mới xài IRC xong, dấu tích còn ghi lại trên màn ảnh. Rồi Chương còm giật bản người. Tám ảnh người con gái mỹ miều mà gã nhận được cách đây mấy tháng, đang bày ra đầy dẫy trên bàn. Nhìn kỹ thì thấy đây là những bản chụp lại trên giấy cứng. Tám ảnh gốc được cắt ra từ một tờ tạp chí người mẫu Á Đông. Chương còm nhặt nhanh một tấm, đi đến hỏi 2 đứa bé:

"Đây có phải là mợ Oanh của mấy cháu không?"

Hai đứa bé lắc đầu. Chương còm hỏi tiếp:

"Trong nhà có tấm hình nào của mợ Oanh không?"

Thằng bé chạy nhanh vào phòng ngủ, một lát sau trở ra, trên tay là một khung hình lớn, cỡ cuốn tập học trò. Chương còm đỡ lấy khung hình từ tay thằng bé. Hai mắt gã bỗng trợn trừng, chân tay cảm thấy rụng rời. Hỡi ôi! Trước mắt gã là chân dung của một thiếu phụ ở lứa tuổi tứ tuần với nhan sắc của một người đàn bà mà "trời bắt phải xấu".

Có tiếng xe đỗ lại trước nhà. Chương còm sực tỉnh. Gã phải thoát nhanh ra khỏi đây. Gã chào hai đứa bé rồi phóng nhanh ra cửa sau. Trước khi mất dạng gã còn nghe rõ mẫu đối thoại từ trong nhà vang ra.

"Hồi nãy lúc mợ đi vắng có người đến tìm mợ." Đứa bé gái lên tiếng.

"VẬY họ đâu rồi?" Chương còm đoán đây là giọng nói của Oanh.

"Chú ấy vừa mới đi khỏi thì mợ về đến."

"Thế à?" Có tiếng đóng cửa. Và giọng nói của thiếu phụ tiếp tục:

"Dạo này trộm cướp tợn lắm đấy! Lần sau mợ đi vắng, các con tuyệt đối không được mở cửa cho người lạ vào nhà nghe chưa?"

Hóa ra Oanh là mẹ của hai đứa bé kia, c hỉ vì người Bắc gọi mẹ bằng mợ vậy mà Chương còm cứ thắc mắc nãy giờ. Gã băng qua đường, đón tắc-xi trở về khách sạn tạm trú, chờ ngày rời khỏi cái vùng khỉ ho cò gáy này. Tuyết đang lất phất rơi, tô điểm thêm trên bầu trời lãng mạn mùa xuân. Theo lẽ thường thì "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Nhưng bây giờ, thậm chí đứng trước khung cảnh mùa xuân vui tươi rộn rã, lòng Chương còm vẫn tan nát, trong một tâm trạng mất mát, cả chì lẫn chài.

Sáng trăng sông

Hồ Dzếnh

Chị đỏ Đương có một cuộc đời không đỏ chút nào. Tóc chị rối ren như tâm hồn chị bận rộn, bập bùng và sâu thẳm như ánh đèn dầu lạc soi không đủ sáng một góc nhỏ trong căn nhà tranh.

Chị đỏ Đương lạc chồng từ năm mười tám tuổi. Chồng chị, một buổi sáng kia, ngừng lưỡi cày đang thao thao rẽ những luống cỏ điển trên mảnh đất nghìn đời, để nghe ngóng một tiếng gọi từ nơi nào vắng lại: "Sà Goòng! Sà Goòng!"

ấy thế là người dân đình của xã Hòa Trường kia, giữa lúc máu trai chạy cuồng loạn trong người, đã ném cày, bỏ vợ, vắt bà con, bước lên tàu sang... sang Tân thế giới.

Và chị đỏ Đương đỏ mắt đợi chồng.

Nhưng anh đỏ Đương không bao giờ còn trở lại. Chị đỏ Đương khóc đến đau mắt, và ba mùa thu qua, ba mùa thu của một tấm lòng nghi ngờ, thắc mắc, ba mùa thu đã trải lên đời chị đỏ Đương, như đã trải lên xã Hòa Trường, sự nguôi quên, lạnh lẽ.

Chân trời xanh.

Mặt hồ lặng.

Người thiếu phụ Việt Nam đã thấy chết trong lòng niềm đợi chờ đau xót, bây giờ trở lại với cuộc sống bình thường, nhỏ mọn, nổi sáng theo chiều, qua mùa hạ sang mùa thu.

Chung quanh chị đỏ Đương không ai nhắc đến anh đỏ Đương nữa. Mà có nhắc đến thì nghĩa gì mấy cái tiếng khô khan này:

- à, ở mãi bên kia Tân... khí giới!

Xa. Xa. Và xa. Lòng chị đỏ Đương tưởng tượng làm sao ra cái màu xanh mênh mông của biển cả, để với qua đó bóng một người đã mang đi nửa cuộc đời của chị.

Chị đỏ Đương cần phải lấy chồng. Người làng ai cũng thấy vậy. Và chị đỏ Đương rất thẹn mỗi lần người ta khuyên chị bước đi bước nữa trong đời. Là vì chị đỏ Đương còn đẹp, có phần đẹp hơn trước đây, tuy không bao giờ chị dám chắc rằng mình đẹp hết. Đôi lúc, chị đỏ Đương soi trộm bóng mình lên mặt giếng, ngấm vội vàng, rồi thẹn thùng đưa mắt nhìn xung quanh, như sợ có ai vừa chợt thấy.

Mùa xuân năm đó...

* * *

Cuộc đời thơ ấu của tôi đang diễn ra trong tiếng chim ca, trên bờ sông làng Chung Thượng giáp ngay nách làng chị đỏ Đương. Con đường đưa tôi đến nhà trường, hơn nữa, lại chạy qua trước nhà chị, một căn nhà nhỏ núp trong bóng dừa xanh, khiến tiếng nói của chúng tôi thêm thân nhau, cuộc đời chúng tôi thêm gần gũi. Đôi mắt người thiếu phụ ấy đã nhiều lần nhìn tôi qua hàng rào, và cái nụ cười chị từng nở trong bóng mát của một tấm lòng giàu thương yêu cũng như nhiều cực nhọc, khiến tôi sung sướng nghĩ đến một ngày rất gần đây, tôi sẽ có chị đỏ Đương trong số những người thân thích.

Tôi chỉ biết rằng chị đỏ Đương đẹp, đẹp kín đáo, và tôi lựa ngay được một người để gán cho chị. Người đó là anh Hai tôi.

Rồi tôi mang theo trong lòng từ đấy, trên dải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát, giấc mộng phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình, mà là cho một người, cho hai người thân thích.

Tôi nhìn nhận chị đỏ Đương bằng một vẻ niềm nở riêng, và chị đỏ Đương dãi lại tôi theo hàng thân thích.

Hàng rào râm bụt che khuất căn nhà chị đỏ Đương vẫn mùa mùa nở hoa, ngày ngày tươi thắm. Bên kia hàng rào, qua những kẽ lá loáng thoáng, về những buổi sáng mùa đông, tôi vẫn thấy hơi nóng bốc lên từ cái miệng thấm nước trầu không, theo câu hỏi:

- Em đi học sớm thế? Có rét lắm không?

- Chả rét chị ạ. Em có áo bông rồi.

Một lần, mừng được tin anh tôi sắp về ăn Tết, tôi chạy đến báo chị đồ Dương:

- Chị đồ ạ, anh em sắp về Tết đấy. Mời chị xuống nhà em mà xem.

- Thế à?

Tôi tiếp theo, quên rằng những câu nói tự nhiên của mình đang làm cho một cô gái quê e thẹn:

- Thật đấy, ai nói dối chị. Anh em ở Hà Nội về ấy mà. Tết chị đến chơi với anh em nhé.

Nói xong, tôi sung sướng cười, trong khi chị đồ Dương đưa tay vin cành cây, ngó xuống đất, ngón chân cái đi đi lại lại hòn đất trong vườn...

- Hà Nội chắc là vui lắm đấy, em nhỉ?

Tôi đáp như khi đứng trước các bạn cùng tuổi:

- Mà nào em có biết Hà Nội là cái... cóc gì. Nhưng chắc là vui vì nghe anh em bảo thế.

Không đợi cho tôi sắp nói nữa, chị đồ Dương bước vào nhà, sau khi bảo tôi:

- Thôi, em đi học không lại muộn.

Trời thôn quê xanh ra, cao lên, soạn sửa đón ba ngày của một mùa thái bình, thịnh vượng. Gió trong ruộng đã thoảng lẫn hương xuân, và trong khi tấm biếc thêm lũy tre mườn mượt nhưng, đã làm rớm chảy sự tươi thơm trong những tấm lòng trai trẻ. Trăm nghìn lần dò hỏi nổi thanh tịnh của dòng sông, điệu hiền hòa của chim gió, tôi cảm nghĩ đến những tiếng pháo sắp sửa cười vang để rồi, bất thần, ngừng bước chân, tôi đưa tay viết lên không gian cái chữ con con, xinh xinh, mà tâm hồn tôi đã nhiều lần nhắc đến: Tết!

Chỉ còn ba ngày nữa là hết năm.

Tôi mong đợi kỳ hạn về của anh tôi bằng cách ngẩn người đếm từng tiếng trống trể nải, những tiếng trống chậm chạp lắm mới đập được vào tai tôi, trong khi, từ đằng xa, tôi ngạc nhiên thấy người khán già đã nhắc hẳn lên cái dùi gõ...

Chị đồ Dương không có vẻ đợi Tết. Chị không biết trông chờ, mong ước, thì nghe làm sao được sự vùn vụt màu sắc của không gian,

thấy làm sao được nổi rộn ràng của thời tiết. Chị đỏ Đương gói bánh, giã giò, và nhờ những công việc này, chị biết rằng sắp Tết.

Hôm chạy một mạch từ nhà lên báo với chị tin anh tôi về, tôi vẫn thấy chị đỏ Đương ngồi yên lặng nấu bánh.

- Chị đỏ ạ, anh em đã về đây. Chị xuống nhà em ngay đi!

Nói xong, tôi đặt vào bàn tay chị hai chiếc bánh trứng gà, nói là quà của... anh tôi biếu chị. Lần đầu tiên, tôi thấy người thiếu phụ ấy buồn bã rõ rệt, lần đầu tiên đang vui, tôi bỗng thấy lòng mình rạo rức, thắc mắc vì tôi trót lỡ lời.

Chị đỏ Đương không nói, không nhìn tôi, đôi mắt hướng cả về phía lửa cháy như người tính toán một điều gì. Sợ chị không bằng lòng, tôi hỏi gặng:

- Chị đỏ giận em à?

Chị đỏ Đương ngoảnh lên nhìn tôi, mỉm cười gượng gạo:

- Không, chị không giận, nhưng chị không muốn lên.

- Chị chê nhà em chật à?

- Không phải, nhưng chị không muốn lên.

- Thế thì em bảo anh em... đến với chị vậy!

Chị đỏ Đương sắc lên cười. Tiếng cười dữ dội quá, lạnh lẽo quá, vì nó đột nhiên, vì chưa bao giờ chị đỏ Đương cười như thế hết.

Ra đến ngõ, tôi còn quay với lại:

- Chị Đương đừng giận em nhé!

Có tiếng đáp lửng lơ:

- Không!

* * *

Tôi ngồi lọt vào giữa đám đông người nhà quây quần trên chiếc phản ngựa đặt hỏa lò, vì hôm đó là sáng mừng một Tết. Anh tôi hỏi tôi:

- Lâu nay bé học có khá không?

Tôi đáp:

- Em học cũng được anh ạ. Nhưng em có chuyện này muốn nói với anh...

Mẹ tôi mỉm cười, nói xen vào:

- Nó muốn nói đến con đỏ Dương ở làng bên đấy. Con ấy nó đã có chồng rồi, nhưng thằng va đi Tân... khí giới đã mấy năm nay không thấy về.

Sợ có sự dè pha không tốt cho người tôi yêu mến, tôi nói trước:

- Chị ấy tốt đáo để. Anh cứ lấy đi, đến lúc chồng chị ấy về thì đã... xong rồi!

Anh Hai tôi ngồi yên lặng. Mãi sau anh mới chậm rãi:

- Cứ kể ra lấy vợ nhà quê cũng tốt. Đỡ được mẹ. Nhẹ cả cho mình.

Ngay chiều hôm ấy, lấy chỗ tình quen biết, tôi đến mừng tuổi chị đỏ Dương và nhân tiện để anh tôi xem mặt chị. Thấy chúng tôi đến, chị đỏ Dương luống cuống cầm gậy ra đánh chó, rồi quên cả chào hỏi khách, chị cứ nắm lấy tay tôi mà yên lặng.

Cảnh nhà chị đỏ Dương thanh bạch quá, Tết đến càng làm thanh bạch thêm. Mấy que hương đèn ngậm ngùi cháy trên bàn thờ vắng vẻ, vài bông hoa giấy trơ trên thò ra ngoài chiếc bình sứ, không đủ điểm sáng sự u tịch đã có từ nhiều đời.

Chị đỏ Dương sống bên một người chị gái lỡ thời, tàn tật, thiếu hạnh phúc sum vầy, nhưng lại giàu lòng nhân đức. Hai tâm hồn ấy, một đã bị sa thải khỏi cảnh hoa nắng của đời, và một còn mang nặng cái dĩ vãng tình duyên không đẹp, đã ghé lại bên nhau, như bóng chiều nghiêng xuống túp lều rách, và cùng cảm hiểu nhau trong thứ tiếng nói thâm kín của đau thương.

Chị đỏ Dương có thật dễ lòng rung động trong buổi sơ ngộ với anh tôi hay không, tôi không dám chắc. Nhưng bảo rằng người con gái ấy đã để thoáng lẫn ý nghĩ muốn lập một gia đình thứ hai, tôi đã có một nhận xét không quá sai lệch. Điều khiến chị đỏ Dương dè dặt trước ngưỡng cửa cuộc sống mới, do chính là cái hình bóng chỉ còn là hình bóng thường run run ở một nơi mà chị mơ hồ đoán là xa lắm, có thể thôi.

Anh Hai tôi thì đã nếm mùi ăn chơi ở Hà Nội. Anh đã biết qua thế nào là chán nản, cái cảm giác tẻ ngắt, vô vị, rớt lại sau những buổi tiệc đời, sau những cái xoay lưng hung tàn của mấy người con gái. Rồi giữa lúc lòng anh rộn cảm sự hoang vắng, u tịch, anh tự nhiên nghĩ đến gia đình, cứu cánh của những tâm hồn bị ruồng bỏ.

Lần ấy, anh tôi nói trước:

- Năm mới, nhân dịp được về chơi, tôi đến mừng tuổi cô.

Chi đỏ Đương cúi mặt xuống, giọng nói run run:

- Cảm ơn anh...

Chi đỏ Đương chỉ nói được có thế, rồi bỏ tôi đi tìm trâu, pha nước. Tôi đứng lấp ló sau thân cây cột, mỉm cười với anh tôi, đôi mắt nhìn anh dò hỏi...

Ra về, thấy tôi xoắn xuýt đến chuyện cưới chị đỏ Đương, anh tôi gât nhưng với vẻ hiền hậu:

- Trẻ con... thì biết gì!

Cách đây ít lâu, theo lời yêu cầu của anh tôi, mẹ tôi sang bên nhà chị đỏ Đương dặm ngõ. Lễ ăn hỏi thật là đơn giản với những người thoát sinh ra đã sống một cách đơn giản. Chị đỏ Đương trốn biệt vào trong buồng, nghe qua kẽ vách, và nhìn trộm cũng qua đó.

Tiếng người anh chị đỏ Đương hỏi:

- Bây giờ thì cô định thế nào? Có bà bên làng sang bỏ trâu đây.

Mấy phút yên lặng trong buồng, rồi có tiếng đáp vọng ra, tiếng đáp của người chị ruột chị đỏ Đương:

- Cô ấy... bằng lòng rồi!

Tiếng "rồi" bị ngắt trong cái bàn tay chụm lại.

Trên đường về nhà, anh tôi giờ cho xem một cái bã trâu không và nói:

- Đương nó ở trong buồng, nó ném ra cho anh.

- Thế là anh chị xong xuôi với nhau rồi đấy!

Thực ra thì công việc chưa xong xuôi được. Anh tôi phải trở ra Hà Nội làm, và việc cưới xin phải gác lại đến sang năm.

Hôm anh Hai tôi lên tỉnh, nơi sẽ đáp tàu ra kinh đô xứ Bắc, chị đỏ Đương cũng vắng chợ, sắm hàng. Cùng đi một đường, trong cùng một ngày, hai người bạn ấy đã trao đổi rất nhiều tâm sự với nhau, giữa những bông cỏ may phân phát theo một chiều gió dịu hiu... Tôi dừng lại ở đầu làng, trông theo họ, hai cái bóng mà tôi ước ao gần nhau mãi, mất dần đi trong lớp nắng mờ...

Rồi tôi mang theo trong lòng, từ đây, trên dải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát,

giấc mộng cao quý, phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình, mà cho một người, cho hai người yêu dấu.

Trong cảnh yên lặng của những ngày thôn dã, mất đi đều đều, không tăm không tiếng, đôi lúc người phu trạm gầy khổ đến gõ cái gậy tre trên cổng nứa, trao cho tôi những phong thư từ Hà Nội chuyển về. Những bức thư ấy, tôi đều đem đọc cho chị đỏ Dương nghe, và chị đỏ Dương đều xin tôi đem về giữ lấy.

Tôi còn nhớ mãi một đoạn này:

Hôm anh ra Hà Nội, không nỡ xa Dương, vì tàu chạy rồi, anh còn thấy Dương lau nước mắt. Em nên vì anh đối với Dương tử tế, vì dầu sao, Dương cũng đã là con mẹ, là chị em.

Phải, chị đỏ Dương đã là chị tôi. Và tất cả những người như chị đỏ Dương đều là chị tôi hết.

Cứ gì phải chung sống dưới một mái nhà, chia uống một ngụm nước, cùng ngắm một dòng sông, người ta mới yêu được nhau? Tình yêu, nếu thực là tình yêu, thì không có quê hương, cố quận, bởi nó tỏa ra từ một tấm lòng nghệ sĩ mệnh mông, tự nó đã sẵn có sức hun nấu, và thấu suốt qua, và bao trùm lấy tất cả những gì đáng được sự thờ kính thiêng liêng.

Tôi yêu chị đỏ Dương của tôi và nhiều chị đỏ Dương khác, vì tôi yêu vô cùng cái dải đất cần lao này, cái dải đất thoát được ra ngoài sự lọc lừa, phản trắc, cái dải đất chỉ bị bạc đãi mà không bạc đãi ai bao giờ.

Anh tôi đã không bao giờ còn trở lại làng Chung Thượng nữa. Những năm truy lạc, tù tội đã làm cách biệt con người ấy với cuộc tình duyên ngày xưa, và làm phai dần những lời thề thốt cũ.

Rồi tôi cũng ra Hà Nội để chứng kiến cuộc đời lệch lạc, thiếu tin tưởng của anh tôi. Xa lắm rồi, lũy tre xanh vây kín xã Hòa Trường êm ái, và xa lắm, hình bóng người thiếu phụ thuở trước, tay vin cành găng, cổ hỏi tôi bằng một giọng kín đáo:

- Anh em sao lâu về thế nhỉ?

Cách đây vài năm, tôi được tin chị đỏ Dương đã lấy chồng và đã có con ẵm. Tôi đem chuyện ấy nói với anh Hai tôi thì anh cười chua chát:

- Người định nhưng trời đặt, ai biết đâu!

* * *

Một hôm, nhân có việc trở lại chốn cũ, tôi tạt đến thăm chị đỏ Dương. Tôi tìm lại nhà chồng chị, bày đặt ra chuyện mua thóc và hỏi thăm về mùa màng. Tôi cốt nói to để chị đỏ Dương hay rằng tôi đã về. Nhưng đáp lại cách ân cần kín đáo ấy, một điệu hát ru con từ gian buồng bên đưa lại, một điệu hát náo ruột, đều đều:

Hầu hơi...

Trăm năm đành lỗi hẹn hò

Cây đa bến cũ, con đò khác đưa...

Tôi nhận ra tiếng chị đỏ Dương. Một cảm giác gì chán nản chạy lướt qua đầu óc tôi, chạy khắp người, khiến tôi rùng mình khó chịu.

Tự nhiên, tôi không muốn gặp chị đỏ Dương nữa, bước ra ngoài, trong lúc bóng đêm hắt hiu về đầy cả bốn phía.

Trời sáng trăng suông.

Những Mảnh Vụn Trần Gian

Dương Văn Toàn

Đèn bắt đầu được trưng lên, giăng giăng như mắt thưa giữa hai hàng phố. Rất sáng. Tôi nhìn rõ bóng mình đang lúp xúp đi. Đường tấp nập, hối hả, những biển hiệu nhấp nhoe. Những tiệm ăn phung phức, ngậy ngà những món ăn hấp dẫn. Có đầy cái "hương vị chết người" ấy ra khỏi đầu óc, tôi hướng những mã lực yếu ớt của cỗ xe thần kinh vào vị ngon ngọt, xôm xốp của chiếc bánh mì lúc ban trưa.

Nó cũng ngon. Ăn tốt. Chả sao. Nhưng bây giờ trong đôi tay vã đầy mồ hôi của tôi không có lấy một mảnh vụn. Một cái gì tựa hồ như một cơn lốc nhảy xổ vào bụng, gây nên một cơn chấn động. Bắt đầu từ cửa miệng rồi sang đầu lưỡi, xuôi xuống dạ dày. Mới đầu là những nhịp nhẹ nhẹ từ từ, rồi nó lao xông xộc hối hả, với tốc độ phi mã. Cứ như có ai thúc, ai cào, lại như có ai đánh trống ngũ liên trong ruột. Thống ngữ trong tâm trí tôi là một từ : " Đói" . Cái từ đáng ghét này lần hồi ám ảnh tôi bao nhiêu ngày nay, ngay cả trong những mộng mị nhọc nhằn.

Tôi vừa đi vừa nghĩ, thật tuyệt vời, nếu một ai đó gọi : " Ê, đánh giày" . Như vậy thì cuộc đời vẫn cứ đẹp. Cả ngày đi rạc cẳng mà chẳng ai thuê cả. Tay tôi chạm phải bọc tiền trong túi quần cộc. Một thằng người khác trong tôi xuất hiện. Nó bảo " Cứ lấy ra mà ăn. Đói thì chết" . Thằng tôi quyết liệt " Không. Tiền đó mai gửi cho bà rồi. Ăn thì lấy đâu ra" . Thằng tôi đã thắng. Tôi đi trong cái đói vằn vữa, mang theo hy vọng mong manh về một vị khách nào đó, dọc theo con

phổ dài. Cái hy vọng cứ xẹp dần như chiếc ruột xe bị lủng. Mắt tôi hoa lên. Đành cố dẫn dụ cái dạ dày bằng một chiếc bánh mì ở một cửa hiệu nào đó, ngay thật gần.

Tôi cứ đi. Đến khi cái hộp đồ nghề trở thành một khối nặng trĩu trên tay và niềm hy vọng mong manh như hơi thở, thì gặp được vị khách gọi vào : " Xi gì?" - gã hỏi. Tôi bảo : " Xi Thái. Đảm bảo bóng lộn mà không sợ nứt mặt da". Gã chìa đôi chân ra. Gã chừng 16 tuổi, người ốm nhóc ốm nhách, chân trông đôi giày khủng bố to tướng như tranh đả kích. Tôi dùng hết khí sức bình sinh còn lại để phết, đánh, lau cho kỳ láng bóng mới thôi. " Trả tiền !" . Gã vút toẹt tờ bạc xuống mặt đường. Một ngàn đồng. Tôi im lặng nhất, chẳng dám đòi hỏi thêm. Rất có thể gã sẽ ném tôi vào bất cứ xó xỉnh chết giấm nào đó nếu tôi đòi thêm, dù chỉ là một cái thôi.

Sự sống đang quấy đạp trong tay tôi, nó hưởng ứng cuộc biểu tình của cái dạ dày. Một cái bánh bao nhân thịt. Tôi đi về hướng cầu, mang bánh về chỗ ngủ để vừa ăn vừa thở. Chuông đồng hồ đầu đó vọng lại chín tiếng. Đêm đã thông soái mặt đất rồi. Tôi chui xuống gầm cầu. Bọn ăn xin, bọn bán báo, cả bọn móc túi đã túm tụm ở góc kia, bật diêm let xẹt để ăn tối. Trời om om tối. Muối đàn vo ve âm ập đến, lao sần sật vào mặt người. Tôi lần tìm cái bao tải trong góc để lấy bật lửa. Bỗng giật thót mình vì một cánh tay lạnh giá của ai đó. " Ai ?" . Có tiếng trở mình. " Tôi !" . " Tôi là ai ?" . " Ai vậy ?" . Nó không đáp. Tôi giật cái bao, lần tìm bật lửa, gom rác và bã mía đốt lên. Nó là thằng nhóc chừng mười ba mười bốn, đen nhẻm, già cằn.

Cái áo nó mặc dợt hết cả vai, chỉ còn một vài sợi mỏng. Tôi mở áo lấy chiếc bánh bao. Hai mắt nó lập tức mở thao láo, cái yết hầu chạy lên chạy xuống. " Ăn đi" - tôi chia cho nó một nửa. Hai thằng ăn một nắm tay bột mì nhân thịt, chẳng nói và chẳng kịp nói. Nó phui tay : " Ngon nhỉ !" . Tôi lôi tấm chăn đơn cũ đã phai hết tuyết ra, tự nhủ, giá thằng kia biến đi đâu thì tốt. Nhưng nó đã vội lên tiếng : " Có chăn à, ấm nhỉ ! Cho tao ngủ nhờ một đêm" . Nó chui luôn vào chăn. " Mà tên gì, ở đâu ?" - nó hỏi. Tôi bảo : " Tên Phận. Quê xa lắm" . " Còn tao tên Quân, bố tao cứ gọi là thằng cu. Nhà tao ở bờ con sông Mã, sóng mạnh dữ dội nhưng mà bơi thì thật thích. Tao từng bơi qua sông năm tao mười tuổi" . " Thế mày lên đây làm gì ?" - tôi

hỏi. " Định làm cửu vạn, nhưng họ bảo bé loắt choắt thế này chỉ có ma nó thuê. Giờ thì bạ việc gì làm nấy. Bữa nay không ai muốn, đôi meo. May mà gặp mày..." .

Tôi im lặng. Nó bảo : " Mày nghĩ gì vậy ?" . Tôi thờ ơ : " Chẳng nghĩ gì" . " Còn tao chỉ ước, giờ có tiền, tao về nhà luôn, ăn cơm độn củ rong với ông già vẫn sướng" . Tôi định bảo nó là ngủ đi, nhưng thôi. Tôi cũng thích về nhà, nhưng về bây giờ thì bà tôi sẽ phải gồng thêm một miệng ăn và cái Mai, em tôi sẽ phải nghỉ học, ra bờ biển đi ngẫu nhật những con cua con ốc về bán. Còn bây giờ tôi phải ở lại, chờ cho đến Tết, lúc ấy làng quê tôi đang bùng độ xuân về. Tay tôi bỗng chạm vào nắm tiền trong túi quần. Ngày mai tôi sẽ gửi tiền về cho bà, để cho cái Mai kịp mua áo len mặc Tết. Ba năm rồi, cái áo mút từ hồi lên 8 giờ cọc cựa ngang bụng rồi.

Thằng tên Quân nói lơ mơ một hồi rồi ngủ mất, tiếng ngáy nhẹ bên tai. Tôi nhắm mắt lại mà sao đầu óc cứ ong ong, không làm sao ngủ. Ngày cuối năm, nửa đêm người ta vẫn đi lại rầm rập trên cầu. Ngồi bật dậy tôi nhìn đăm đăm ra mặt sông. Sông thăm thẳm tối, bóng tối vạm vỡ phủ lên những con thuyền, phủ lên những cư dân lầm lụi của gầm cầu. Lục tục tiếng người nói mê, tiếng cầu nhàu của người đàn bà mỗi mệ. Mắt tôi dỗi xuôi theo dòng chảy. Ở tít tắp xa, ngõ như cuối cùng của con nước, thấy le lói một ánh đèn. Phía ấy là quê tôi. Tôi cứ ngồi như thế, cho đến khi thấy người mình chiu xuống. Khung trời tím thẫm đổ xập xuống lòng sông tạo ra màu sông đêm vừa bịt bùng vừa mờ hoặc. Tôi gục xuống, thiếp đi. Đêm mệ mỗi thở dài.

Sáng sau, lúc tôi tỉnh dậy thì Quân đã bỏ đi rồi. Và những đồng tiền mồ hôi nước mắt của tôi cũng bay hơi theo. Tôi lao đi. Tôi tìm nó. Qua đường. Leo dốc. Ga Long Biên chật ních những người. Nó đang lếch thếch trong đám người chen chúc. Biết ngay mà, ăn trộm tiền để trốn đây. Nhìn thấy tôi nó vùng bỏ chạy. Chạy bán mạng. Tôi rượt theo. Đến ngõ cụt. Nó bị dồn vào chân tường. Tôi túm áo nó rồi đâm túi bụi. Nó đứng im, không chống cự. Tôi dừng lại, thấy từ hai hốc mắt nó trườn ra hai giọt nước, nhều qua má, xuống bờ môi : " Tại tao thèm về nhà quá. Hăm ba tháng chạp là giỗ mẹ tao" . Người tôi như quả bóng xì hơi. Ngồi phịch trên hè phố, giữa đông rét mà mồ hôi tôi

túa ra. " Tha lỗi cho tao. Hết cách rồi, tao mới thế. Lúc nào mày về nhà tao mà xem, nó nghèo lắm. Nhưng tao phải về. Vì ở đó bố tao đang sống và đợi chờ" .

Tôi bỏ đi. Con tàu hụ từng hồi còi dài, đưa nó về quê. Còn tôi, thực tình, tôi chưa dám chắc chuyến tàu vét nào sẽ dành cho mình trong một ngày chót năm.

oOo

Sau rất nhiều ngày, kể từ khi Quân về quê, tôi vẫn chột giật mình mỗi khi về lại góc nhỏ nơi gầm cầu. Tôi nhớ rõ Quân nằm ở đó, từng tiếng ngáy dậy thì vỡ vạc ra một mối giữa đêm khuya. Tôi không trách Quân. Chỉ thương nó nhiều.

Bây giờ gầm cầu thêm nhiều dân cư mới, cuộc giành giật chỗ nằm quyết liệt hơn. Nhưng hàng đêm tôi vẫn ngóng về phía cuối dòng sông, nơi có ánh đèn hắt sáng. Phía ấy có bà, có em Mai với những bát cơm đỏ đót màu phù sa, miếng cháy lót nôi chỉ đủ ăn thêm... và những hơi thở lòng người ấm nóng. Mỗi buổi sáng, tôi khắc lên mố cầu một vạch than đen và khoắc khoải một ngày trở về. Cũng chỉ còn vài hôm nữa là đến năm 2000 rồi.

Ôi những ngọn đèn phía quê hương, đang canh gác cho ngày mai của đời tôi.

Người đẹp bên suối

Nguyễn Mạnh Tuấn

Đó là bờ suối Đoan ở xã Đoan Tĩnh, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vào thời điểm xảy ra câu chuyện này, cuối năm 1966, dân số Móng Cái còn thưa thớt, với hơn 90% người Hoa, phần còn lại là người Dao và người Kinh.

Hồi đó, tôi mới 21 tuổi, là trưởng tổ thợ theo đội xe 5, Công ty ô-tô Lâm nghiệp, từ Cẩm Phả, ra chở gỗ mới khai thác từ Lâm trường Hà Cối, cách Móng Cái chừng 25 cây số, theo quốc lộ 18B, ngược ra Móng Cái, đổ ở bãi chân cầu Ka Long, để từ đó, gỗ được đóng bè hoặc đưa lên sà-lan, theo sông Ka Long, con sông lớn chảy dọc biên giới Việt - Trung, ngoại vi thị xã, phân phối đi các nơi. Đội xe đóng quân nhờ ở khu nhà ngói cong mới xây của đội trồng rừng Đoan Tĩnh, bên bờ suối Đoan, cách quốc lộ chừng 2 cây số, vùng đất hoang vắng, chó ăn đá, gà ăn sỏi, không có cả khỉ ho, cò gáy, ban ngày có việc làm còn đỡ, hễ chiều tối xuống là buồn đến nhát miệng, đỡ mắt.

Tổ thợ chúng tôi có 5 đứa, cùng lứa học sinh Hà Nội đi Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế miền núi. Có xe hư thì sửa, không có xe hư thì làm bảo dưỡng định kỳ, hết việc thì hoặc theo xe đi Hà Cối, hoặc la cà vào mấy bản người Hoa, người Dao cho đỡ buồn.

Nhưng kể từ tuần thứ hai, khi đã quen đất, quen đường, không đứa nào chịu ở nhà, mà đều kiếm chuyện để theo xe đi Hà Cối.

Nguồn gốc bắt đầu từ khi cánh lái xe, kể cả đội trưởng kiêm bí thư chi bộ Vụ, mỗi chiều tối, sau khi đổ gỗ ở Ka Long về, trong bữa

cơm, rượu vào, lời ra, hể hả tán như pháo rang đủ chuyện về đường ngầm "tiên nữ". Đó là đoạn đường ngầm qua công trường muối Quất Đông, cách Đoan Tĩnh chừng 5 cây số, chiều đến, sau giờ làm việc, hàng trăm chị em công trường kéo nhau ra con đập phía trên đường ngầm chừng 30m, tắm theo kiểu tiên nữ; thấy xe lâm nghiệp chạy qua, chị em không những không tránh mà còn hò hét vẫy chào, tự giới thiệu tên mình, hỏi tên cánh lái xe, tìm đồng hương, thậm chí, thách xuống tắm chung. Kể từ khi đường ngầm "tiên nữ" được phát hiện, năng suất vận chuyển của đội xe tăng vọt hẳn, không thấy anh nào chê Móng Cái buồn tẻ như lúc mới đặt chân.

Vĩnh "cận" theo xe có một ngày, tuyên bố không đi nữa. Tôi hỏi:

- Tại sao?

- Không hiểu sao họ có thể tắm như thế? Và tại sao chúng mày lại có thể thích thú trước những cảnh như thế?

Lúc đó, hai đứa đang ngồi trong nhà bếp, ăn sáng bằng khoai sọ luộc chấm muối vừng. Tôi cố nuốt mà không trôi. Không may cho Vĩnh, câu nói đổ lạt vào tai đội trưởng Vụ tình cờ bước vào.

- Nói bố láo - Vụ mặt đỏ tía tai, chỉ mặt Vĩnh: Đừng giả giọng đạo đức giả. Chúng nó tắm cách đường hàng trăm mét, xe chạy vào một cái là qua. Chỉ những thằng đeo kính tiểu tư sản như mày mới nhìn méo mó, chứ Phú Thọ quê tao, đàn ông đàn bà cùng tắm tròng bên bờ giếng là chuyện thường. Không thích theo xe thì ở nhà trồng sắn.

Vụ đi rồi, Vĩnh vẫn ngồi cúi gằm. Cặp kính gọng nhựa thông cảm với chủ, rơi trể xuống cánh mũi như muốn chạy trốn khỏi khuôn mặt. Giá hồi đó, 24% học sinh cả nước cận thị như bây giờ, thì một anh thợ đeo kính cận như Vĩnh chắc chắn không bị lên án nặng như thế.

Hôm ấy, vì thương bạn, tôi cũng không đi theo xe, ở nhà trồng sắn với Vĩnh. Đối với thợ và lái xe trong đội, trồng sắn, trồng rau, nuôi gà, không phải hình thức kỷ luật, mà là chỉ tiêu thi đua tự túc lương thực, nên hai đứa chẳng có gì bực mình.

Cuộc đụng độ giữa Vụ và Vĩnh, nghĩ cho cùng, cả hai đều có lý. Vụ chỉ sai ở chỗ khoảng cách giữa đập, nơi các tiên nữ tắm, đến đường xe chạy, là 30m chứ không phải trăm mét. Còn Vĩnh sai ở chỗ

lấy cái thước văn hóa ở thủ đô để đo diện tích kinh tế nghèo nàn lạc hậu ở miền núi.

Một buổi chiều, sau khi cùng chinh xong bơm cao áp một chiếc xe, tôi lên nhà, không thấy Vĩnh đâu. Đoán cậu ta đi vun gốc sắn, tôi theo con đường mòn sườn đồi sau nhà, ra bãi sắn của đội xe phía bờ suối. Kể từ hồi bắt đầu vui hom đến nay hơn 4 tháng, lườn đồi đầy cỏ dại ngày nào đã thành bãi sắn tươi ngan ngát, cây nào cũng tăm tắp ngập đầu người.

Vĩnh đang ngồi nghỉ trên cán cuốc trong luống sắn, mắt nheo nheo hướng xuống đập nước ngăn dòng suối dưới chân đồi. Từ hồi Vụ quy kết chiếc kính tội tiểu tư sản, Vĩnh không dám đeo kính vào ban ngày. Theo hướng nhìn của Vĩnh, tôi giật mình. Bên bờ suối, một cô gái khỏa thân trắng ngần, tóc vấn cao, đang vốc nước lên bộ ngực đầy nhựa sống của thân vệ nữ.

- Ai đấy? - Tôi hỏi.

- Cái Ngần. Chiều nào cũng hái dâu bên kia suối rồi xuống tắm ở đây.

- Tao khuyên mày từ nay nên chấm dứt.

Tôi bỏ về. Vĩnh miễn cưỡng đứng dậy, về theo:

- Tao chiêm ngưỡng vẻ đẹp thánh thiện để vẽ nghệ thuật, khác với chúng mày xô bồ tán dung tục.

Về đến nhà, sợ tôi giận, Vĩnh lục ba lô, đưa tôi xem xấp tranh ký họa khổ A4 bằng giấy crôki, tấm dùng chì đen, tấm dùng màu nước, một số là phong cảnh rừng, suối, làng, bản, cảnh sinh hoạt quanh lâm trường, đa số còn lại đều là hình Ngần khỏa thân nhiều tư thế đứng ngồi rất đẹp khi tắm, lúc dưới suối, lúc trên bờ. Tôi ngỡ ngẩn thâm phục tài năng của Vĩnh.

- Theo tao... - Tôi nói - ... tốt nhất là đốt đi.

- Mày cũng khuyên tao thế à? - Vĩnh tiu nghỉu.

Trong tôi, lúc đó, có hai con người. Một thằng bạn cùng lớp với Vĩnh suốt 10 năm phổ thông, muốn trân trọng lưu giữ những bức tranh ấy; một thằng tổ trưởng tổ thợ, kiêm Bí thư chi đoàn đội xe, biết trước những bức tranh ấy lộ ra sẽ thành đại họa cho chính Vĩnh.

Ngần là người Hoa lai Dao, con gái Chủ tịch xã Lý Voòng, cô giáo dạy Trường cấp 1 Đoan Tĩnh. Trường nằm cạnh quốc lộ. Xe

chúng tôi ngày nào cũng qua lại ít nhất hai lần. Ngăn lại đẹp, nên dân đội xe chúng tôi phát hiện ra cô rất nhanh. Cô mảnh người, nhưng đầy đặn, làn da trắng tơi, mắt đen láy, đôi môi lúc nào cũng đỏ tươi; ở tuổi 20 nhưng gương mặt cô trong sáng chỉ như 16, 17.

Gia đình Lý Voòng thuộc loại giàu trong xã. Vợ ông, người Dao, khoảng 45 nhưng vẫn trẻ đẹp, rất giỏi nghề dệt vải cạp xửa và thổ cẩm. Những người làm nghề dệt khắp vùng Hải Ninh cũ và bên Đông Hưng, Trung Quốc vẫn đến mua mẫu hàng của bà. Nhà Lý Voòng cách đội xe hơn hai cây số đường đồi rừng bạch đàn, lại phải lội qua hai con suối, nhưng đám lái xe và thợ sửa chữa chúng tôi, dù chẳng ai biết giá trị của vải cạp xửa lẫn vải thổ cẩm, tối nào cũng kiếm chuyện xem hàng để đến chơi, tán tỉnh cô giáo Ngần. Ông bà Lý Voòng và mấy chị em Ngần chẳng lạ gì mấy đứa đội xe gốc Hà Nội.

Chiều muộn. Tôi đang tắm ở giếng để lên ăn cơm, thì Vụ đâm bổ từ khu nhà ở ra gọi:

- Tuấn! Lên ngay có chuyện.

Tôi mặc vội quần áo, tất tả theo Vụ. Trong gian phòng đầu hồi dãy nhà ở tập thể của đội trồng rừng, dùng làm văn phòng, có Cầu, đội trưởng, Tơn, thư ký công đoàn, còn Vĩnh mặt cúi gầm, ngồi ở chiếc ghế bên ngoài, đối diện với Cầu. Thấy tôi vào, Vĩnh hơi ngước lên, mặt tuy tái xanh, nhưng mắt vẫn chứa đầy sự ương ngạnh.

Vụ căng thẳng nói với Cầu:

- Đồng chí Tuấn, bí thư chi đoàn đội xe, tổ trưởng tổ thợ, đồng chí làm việc đi.

Cầu đặc ý nhiều hơn nghiêm trang:

- Chiều nay, cô Tơn tưới rau gần bãi sân đội xe đã bắt quả tang anh Vĩnh ngồi trong luống sân xem cô giáo Ngần tắm ở bờ đập dưới suối.

Tôi tê tái nhìn Vĩnh, rồi hỏi Tơn:

- Lúc đó, cậu Vĩnh đeo kính không?

- Không.

- Cậu ấy cận thị, không đeo kính làm sao từ trên bãi sân nhìn thấy tận dưới bờ suối?

- Sao lúc tôi nói, đồng chí ấy không cãi?

Vụ vội lẩn át:

- Nó đang đi đồng trong luống sắn, không lẽ tô hô mà cãi à? - Anh nhẹ nhõm vỗ vai Vĩnh: Về.

Ba chúng tôi cùng hiên ngang ra khỏi phòng. Lúc khuất hẳn dãy nhà của đội trồng rừng, Vụ với túm ngực áo Vĩnh, kéo ra hẳn phía sau rừng bạch đàn.

- Lẽ ra tao phải đâm vỡ mặt mày. Chúng tao công khai xem bọn con gái công trường muối tắm, mày khinh, còn mày lén lút xem cô giáo Ngần tắm thì sao? Mày tưởng gỡ cái kính ra là hết thói tiểu tư sản hả? - Vụ đẩy Vĩnh ngã bệt: Tao sẽ báo cáo phòng tổ chức công ty về việc này. Rồi anh ta hăm hăm bỏ đi.

Tôi đỡ Vĩnh đứng dậy:

- Tao bảo rồi, sao mày không nghe?

- Tại cô ta vẫn cứ tắm ngay trước mắt.

Mấy ngày sau, khi ông Bắc, Phó giám đốc phụ trách tổ chức công ty ngồi xe com-măng-ca GAT 69 từ Cẩm Phả, chở theo viên đại úy công an tỉnh, ra đội xe, tôi mới biết Vụ không chỉ dọa.

Và tại đội xe, ông Bắc đã làm những chuyện mà ngay cả Vụ cũng phải hối hận về việc báo cáo của mình. Nhìn vấn đề to ra thành quan điểm tiểu tư sản và vi phạm chính sách dân tộc, ông Bắc và viên đại úy đã gặp lại Cầu, Tôn, hỏi kỹ về hành vi của Vĩnh ở bãi sắn, sau đó, mời hai người này làm chứng để kiểm tra ba lô của Vĩnh, lúc cả đội xe không có nhà, phát hiện ra 52 bức tranh chì và màu nước, trong đó có 34 bức vẽ Ngần khỏa thân.

Vĩnh bị nghỉ việc để làm kiểm điểm. Còn đội xe, suốt hai tuần, ngày đi làm không sao, cứ tối về, sau bữa cơm, là họp đến 12 giờ đêm để kiểm điểm Vĩnh.

Vĩnh sợ đến phát ốm. Cậu ta khổ sở thanh minh, đó là những bức tranh nghệ thuật! Vô ích. Cậu ta vừa khóc vừa nói, hồi ở nhà, khi theo học hệ trung cấp hội họa, việc xem người mẫu khỏa thân để vẽ là chuyện bình thường, nên khi xem Ngần tắm để vẽ, cậu ta cũng nghĩ đơn giản. Thực tế, cậu ta chỉ xem 7 lần. Sau khi tôi nhắc, cậu ta đã thôi rồi... Vô ích nốt. Xem trộm gái Kinh tắm, tội một; xem trộm gái Hoa tắm, tội mười. Ông Bắc dứt khoát khẳng định: Vẽ khỏa thân là đồi trụy. Căn cứ vào 34 bức tranh rất rõ mọi đường nét, ông quả

quyết Vĩnh phải xem Ngàn tám 34 lần và phải nấp ngay cạnh bờ suối chứ không phải tít trên bãi sán.

Đội trưởng Vụ và anh em trong đội xe, lúc đầu, do định kiến với vài cá tính của Vĩnh, cũng tham gia phê phán; sau thấy sự việc đi quá xa, mọi người chuyển sang thông cảm, không giơ cao đánh mạnh nữa. Nhân đà đó, khi được ông Bắc chỉ định phát biểu với tư cách bí thư chi đoàn, tôi nói:

Theo tôi, chúng ta nên phân tích việc chiều nào anh em đội xe, trong đó có tôi, cũng xem chị em công trường muối tám ở đập Quất Đông với việc đồng chí Vĩnh xem cô giáo Ngàn tám ở suối Đoan Tĩnh, khác nhau chỗ nào, nếu không, sẽ bị hiểu, cùng một hành vi, nếp tập thể thì được coi là lành mạnh, còn cá nhân, lại là suy đồi bệnh hoạn. Còn việc đồng chí Vĩnh vẽ cô giáo Ngàn khóa thân, tôi cũng công nhận là vi phạm đạo đức đoàn viên, cần nghiêm khắc phê phán, nhưng khi những bức tranh đó còn cất trong ba lô, chúng ta chưa nên nói đồng chí ấy tuyên truyền văn hóa đồi trụy.

Ông Bắc chỉ ngay mặt tôi:

- Bí thư chi đoàn mà mất lập trường thế hả? Có người ở lâm trường báo tôi, anh cũng có ít nhất một lần cùng anh Vĩnh xem cô Ngàn tám.

Mấy hôm sau, ông Bắc bảo tôi đưa đến nhà Chủ tịch xã Lý Voòng. Theo ông, người đội xe gây ra vụ “vi phạm” nghiêm trọng như thế, lãnh đạo công ty không thể không có lời với chính quyền địa phương và gia đình cô Ngàn. Tôi can ông:

- Ở xã và gia đình Ngàn có ai biết gì đâu, mà mình phải “lạy ông tôi ở bụi này”?

- Phải đợi đến khi họ biết, báo cáo lên huyện, lên tỉnh, rồi lãnh đạo công ty nhận luôn kỷ luật về tội bao che thằng Vĩnh hả?

Tôi đành đưa ông Bắc đến nhà Lý Voòng.

Ông Voòng nghe xong, cười xòa:

- Không có gì đâu, đồng chí à. Ở miền xuôi, con trai, con gái nhìn nhau tám không được, chứ miền núi chúng tôi là chuyện bình thường, gia đình không bận tâm đâu - Ông vui vẻ gọi vào nhà trong: Ngàn à! - Đợi Ngàn ra chào khách, ông nói: Đồng chí giám đốc đoàn xe đến nói có người đội xe thấy con tám ở suối đội tròng rùng...

Ông Bắc lúng túng:

- Dù đồng chí thông cảm, coi là chuyện nhỏ, chúng tôi vẫn phải nhìn nhận vấn đề nghiêm túc. Trước hết, chúng tôi xin lỗi gia đình và cô Ngần.

- Không sao đâu ạ - Ngần chỉ thoáng đỏ mặt, sau đó cười nhẹ: Em đi hái dâu ở đó, nên tắm luôn cho tiện thôi. Chuyện ai nhìn thấy không sao đâu.

- 34 lần cũng không sao? - Ông Bắc hỏi.

Ngần hơi sững ra, sau đó tái mặt. Dường như nhận ra 34 lần khác 1 lần không chỉ ở số nhiều, cô ứa nước mắt, quay ngoắt luôn vào gian trong.

Câu chuyện bỗng trở thành vụ án lớn. Vĩnh bị khởi tố về tội tuyên truyền văn hóa đồi trụy. Và chính ông Bắc cũng bị bất ngờ. Thâm tâm, tuy giơ cao, đánh mạnh, nhưng ông không hề muốn kết thúc vụ việc bằng phiên tòa.

Ngần bị ốm liệt giường. Lúc đó, tôi mới hiểu tâm lý phụ nữ, khi họ tắm, bị đàn ông nhìn lướt một lần là khác, còn bị nhìn kỹ nhiều lần là rất khác. Tôi bàn với Vĩnh: - Dù ốm, mày cũng phải đến nhà, xin lỗi ông bà Lý Vòng và cái Ngần. Vĩnh đồng ý. Nhưng anh em trong đội bảo tôi nên đi trước thăm dò. Để Vĩnh sang đột ngột, nhớ thương con gái, ông nổi giận, chém cho một nhát là thiệt thân.

Vừa thấy tôi đến, ông Lý Vòng nói:

- Hôm nay, lên huyện họp, nghe vụ chú Vĩnh vẽ hình con Ngần, sẽ bị xử điển hình ở thị xã Móng Cái, sau đó, tuyên truyền ra toàn tỉnh để làm gương, tôi và nhiều người phản đối, bí thư huyện cũng không muốn, nhưng về đây vẫn thấy lo cái bụng quá. Bây giờ, chú Vĩnh thế nào?

- Nó đang sợ phát ốm, muốn sang đây xin lỗi hai bác mà không dám.

Bà Lý Vòng ở nhà trong đi ra, ngồi xuống chiếc ghế gần tôi:

- Chú Tuấn này. Tôi biết chú Vĩnh nhìn con Ngần tắm rồi vẽ cũng như tôi tìm mẫu để dệt vải cặp xá, vải thổ cẩm thôi. Nhưng con Ngần, lúc đầu, không biết ai nhìn, nó ốm vì sợ. Nhìn 34 lần. Đến là chồng, cả đời cũng không nhìn vợ tắm nhiều như thế. Nhưng bây giờ

biết chú Vĩnh nhìn, nó không còn sợ, mà chuyển sang ôm tương tư rồi.

- Ai bảo bà thế? - Ông Lý Voòng trừng mắt với vợ. Một lúc sau, ông chậm rãi bảo tôi: Chú về nói với chú Vĩnh, nhà tôi không ai giận đâu. Nhất định tôi sẽ nói với nhiều người để cứu chú ấy.

Biết tôi đến nhà Lý Voòng, ông Bắc yêu cầu tôi phải báo cáo lại. Khi nghe tôi nói, Ngần đang ôm tương tư, ông bất ngờ hứng thú với việc ghép Vĩnh vào với Ngần.

- Chỉ có cách ấy mới gỡ được tội thành Vĩnh. Một mối tình Kinh

- Hoa nảy nở sau những sự hiểu lầm văn hóa. Đẹp quá đi chứ.

Nhưng Vĩnh kiên quyết phản đối. Cậu ta phần nộ nói với tôi:

- Mày quên Ngọc Châm của tao ở Hà Nội rồi à? Tao thà vào tù còn hơn lấy người tao không yêu.

Tôi chỉ còn biết thở dài. Không lẽ lại bảo nó: Người không yêu mà đẹp như Ngần, cũng có thể lấy được.

Bố Vĩnh, họa sĩ Huy Ngọc nổi tiếng, nhận được công văn khẩn của ông Bắc, vội đi xe ca từ Hà Nội ra tận Móng Cái. Không biết trong công văn ông Bắc nói gì, nhưng vừa gặp tôi, ông Ngọc nói ngay:

- Chuyện thằng Vĩnh vẽ tranh khỏa thân, không lỗi 10 cũng lỗi 5. Người ta có đánh quá tay, mình cũng tiên trách kỷ, hậu trách nhân. Bác sẽ tùy tình hình tìm cách gỡ cho nó được tí nào hay tí đó. Nhưng bác kịch liệt phản đối việc ghép nó cưới con ông chủ tịch xã để xóa tội. Thời buổi bây giờ, hôn nhân phải dựa trên tình yêu và đồng cảm văn hóa chứ.

Ông không mắng mỏ, nặng lời với Vĩnh một câu. Sau khi cảm ơn và làm việc riêng khá lâu với ông Bắc ở đội xe, buổi chiều mát, ông bảo tôi đưa ông đi thăm nhà ông bà Lý Voòng.

Ông Voòng đi họp trên huyện chưa về. Bà Voòng sang Trung Quốc bán hàng thổ cẩm và mua thuốc bắc về sắc cho Ngần. Nhà chỉ có Ngần và mấy đứa em. Vào nhà, mặc tôi trò chuyện với Ngần, ông Ngọc đứng đi quanh phòng, chăm chú xem những tấm thổ cẩm treo trên vách vừa để trang trí, vừa làm hàng mẫu bán cho khách.

- Những tấm thổ cẩm này, ai dệt?

- Mẹ cháu.

- Lấy mẫu từ đâu?

- Những mầu mầu sẫm của mẹ cháu, còn mầu tươi của cháu.
- Ông Ngọc ngồi xuống ghế, ngắm kỹ gương mặt Ngần. Rồi hỏi:
- Cháu ốm tương tư vì thằng Vĩnh nhà bác à?
- Tại vì anh ấy nhìn cháu tám những 34 lần.

Ông Ngọc khẽ lắc đầu, cười nhếch miệng với tôi. Chờ đến tối, không thấy ông, bà Lý Voòng về, ông từ chối lời mời ở lại ăn cơm của Ngần, điềm đăm chào cô, rồi cùng tôi ra về. Trăng đầu tuần lên sớm từ sau những dãy núi cao trùng điệp mé Đông Hưng. Suốt đường đôi bạch đàn hơn hai cây số, lội qua hai con suối, ông Ngọc không hé miệng nói một câu nào.

Cuối cùng, đám cưới "vui duyên mới không quên nhiệm vụ" giữa Vĩnh, anh thợ sửa xe dân Hà Nội, với Ngần, cô giáo Hoa lai Dao, diễn ra rất vui vẻ do ông Bắc, phó giám đốc phụ trách tổ chức công ty, đứng làm chủ hôn, không hẳn từ thiện chí.

Sau đám cưới, ông Ngọc không để Ngần ở Móng Cái mà đưa ngay về Hà Nội "làm dâu", thực ra là để tích cực ôn tập, sang năm kịp thi vào hệ trung cấp Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội.

Sang năm 1968, Vĩnh lên đường nhập ngũ. Tôi và Vĩnh chia tay nhau từ đó.

Rồi chúng tôi cùng lần lượt trưởng thành theo thử thách khắc nghiệt của thời gian và trường đời. Ngần bây giờ là một họa sĩ tài năng, trong số các nữ họa sĩ hàng đầu Việt Nam. Còn Vĩnh, sau chiến tranh kết thúc, mới giải ngũ về học Đại học Mỹ thuật, hiện là nhà lý luận phê bình hội họa rất nổi tiếng.

Ông Bắc, sau này, về Hà Nội làm Thứ trưởng một Bộ, thuộc ê kíp lãnh đạo có tinh thần đổi mới nhất trong lịch sử của ngành đó. Khi chưa về hưu, thỉnh thoảng có dịp vào Sài Gòn công tác, ông vẫn ghé nhà tôi. Uống với nhau ly rượu, chúng tôi vẫn hay nhắc lại những kỷ niệm cũ ở Quảng Ninh, trong đó có chuyện tình bên bờ suối của Vĩnh và Ngần.

- Không thể ngờ chúng ta lại có một thời ấu trĩ đến cực đoan như vậy - ông Bắc hay nhắc lại nhiều lần câu này.

Tôi rất muốn biên tập lại hai chữ "chúng ta", và cũng chưa tin lắm một người hôm qua như vậy, hôm nay lại có thể đổi mới, nhưng mấy chục năm xa cách, gặp nhau vẫn tốt hơn không gặp.

Mỗi khi có dịp ra Hà Nội, tôi vẫn đến thăm vợ chồng Vĩnh, Ngân. Họ có hai con, một trai, một gái đã trưởng thành, cùng theo nghề bố mẹ và đều khá nổi tiếng. Trong phòng tranh rộng nhà Vĩnh, Ngân, lúc nào cũng treo đủ 34 bức tranh sơn dầu và sơn mài, hình Ngân khỏa thân bên bờ suối ở Đoan Tĩnh, Móng Cái thời xa xưa. Khách đến trả vài chục ngàn đô-la một bức, hai vợ chồng nhất định không bán. Ông bà Huy Ngọc vẫn ở với họ.

Thấy tôi ra, ông bà mừng lắm. Ông nói:

- Hồi đó, bất ngờ, phát hiện con Ngân có năng khiếu hội họa đặc biệt, nên tôi quay ngoắt 180 độ, đồng ý cho thằng Vĩnh cưới nó ngay.

- Bác bất chấp chuyện Vĩnh không yêu Ngân và có Ngọc Châm ở nhà?

- Ôi chà! Hy sinh mười mối tình lãng mạn, để đất nước có thêm một họa sĩ tài năng, cũng chẳng lấy gì làm tiếc.

- Nhưng ai bảo thằng Vĩnh không yêu vợ? - Bà Ngọc nói: - Chúng nó phải như thế nào, ông mới gọi là yêu?

Có trời biết việc Vĩnh treo đầy hình ảnh vợ trong phòng tranh là tình yêu hay nghệ thuật. Nhưng tôi thừa nhận, thường xuyên hai mắt của Ngân và Vĩnh vẫn có những nét buồn lặng âm thầm. Vĩnh vẫn nhớ thương Ngọc Châm, dù bây giờ Châm đã có chồng con. Ngân cũng biết như vậy.

Nhưng biết làm sao được. Trên thế giới này, tình yêu không có bi kịch, các nhà văn lãng mạn sẽ chẳng có chuyện gì để viết.

Hoa gạo đỏ

Ma Văn Kháng

Khi những người U Ni ở vùng biên sau mấy tháng trời đông giá, ngồi trong nhà đánh cuộc, sửa dao, đan lát bước ra khỏi căn nhà đất đầy kín như cái kén, đặt vai vào cổ trâu, đi những đường cày đầu tiên, hoặc rủ nhau đi bán công khắp các nơi trong vùng thượng huyện Bát Xát thì hoa gạo bắt đầu nở.

Khắp đất nước, có lẽ không ở đâu hoa có cung màu đẹp tuyệt như ở đây. ở đây, trời xanh trong vắt, thanh lọc đến kỳ hết vẩn bụi và mắt người nhìn được vào tận cõi vô cùng. ở đây, sau một mùa đông giá lạnh, xo ro, cây bung nở hết mình cái sức tích tụ bao tháng ngày.

Suốt một rẻo biên giới, trên những nương lúa đã bỏ hóa, hoa gạo rừng rực cháy đỏ một vệt dài tít tắp. Trong cái ngẫu hứng tài tình của tự nhiên ấy, ta cứ nghĩ tới một sự sắp xếp cố tình của con người. ối chao, thì ra thiên nhiên cũng muốn tham gia vào đời sống con người. Biên giới không chỉ hoạch định bằng cột mốc. Mà còn bằng cây cỏ. Và như vậy, những hạt gạo, đuôi xòe lông tơ từ một miền nào miền nào theo gió tán tới đây, giống như một hiện tượng chim đậu đất lạnh, lại như là có ý thức hẳn hoi trong việc xác định ranh giới quốc gia.

Đất vắng, rộng, thật là thung thỏ hợp với loài gạo. Gạo ưa hạn, chịu sáng, quen chịu đựng mọi khắc nghiệt. Cho đến bây giờ thì gạo

đã thật sự có những hàng đại thụ, thân hai ba người ôm, mùa xuân này, nghênh ngang các nhánh ngang vùng vẫy, đốt đuốc trên bầu trời. Chẳng có thứ cây nào mà lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Và hoa thì vừa to vừa lực lưỡng đến thế. Kỳ lạ, bông nào bông ấy bằng cái cốc vại một. Mỗi bông đậu trên cành trông không khác một đốm lửa, pháp phối vậy gọi những đàn sáo từ xa đến thưởng ngoạn cái đẹp của chính mình. Bọn sáo vô tư, lú lo, nhẩy nhót, đôi lúc vô ý đánh gãy một bông hoa. Nhưng, hoa chỉ giật mình trong chốc lát, trên đường rơi nó đã kịp thời giữ thế cân bằng quay tít như cái chong chóng năm cánh hoa đây.

Ông Lý A Lữ, người làng San Cha Chải áp quả núi cao có cột mốc biên giới, vào mùa hoa gạo nở, là vác cái rìu, đeo con dao, tạm biệt bà vợ trẻ, ra đi. Ông Lữ đi làm thuê. Như tất cả những người ở vùng cao heo hút nghèo đói này, cấy lúa xong là đem thân đi đục đá, phá ruộng, xây nhà, thu hái lâm sản thuê, cho tới tháng mười, vào vụ gặt, mới quay trở về làng, lúc ấy cũng là lúc cây gạo trụi lá.

Thời gian để lại dấu chân trên cây gạo.

Với ông Lý A Lữ hiền lành, chất phác và kham khổ, cây gạo còn có một mối quan hệ gắn bó hơn. Xưa nay, cây gạo là loại cây cho thứ gỗ kém cỏi lắm. Bộp đến mức cho vào bếp người ta cũng chê là chỉ tổ khói. Nhưng, sự ra đời đã có một biến đổi đến bất ngờ, vào mùa xuân ấy bỗng nhiên loài gỗ nọ trở thành một đối tượng để kiếm tìm. Thì ra đã có một phát minh. Một nhà chế biến gỗ làm một thí nghiệm: họ xẻ ván gạo, cho xuống nước ngâm, ngâm cho kỳ mùn gỗ ra, rồi mang lên phơi, thì ôi chao, thứ gỗ bộp nọ đã biến thành loài tứ thiết, không biết cong vênh là gì. Và rần đanh đến mức dính tây đóng vào cũng nhứt!

Nhà chế biến gỗ nọ là người hàng năm vẫn thuê ông Lữ hạ cây, xẻ ván, đem chuyện đó ra kể. Ông Lữ kêu:

- Thế thì lên làng tôi. Làng tôi nhiều cây gạo lắm.
 - Có to không?
 - Không biết nó mọc từ bao giờ. Tôi nghe các cụ già kể: từ thời lập quốc, cây gạo bắt đầu mọc rồi. Giờ to lắm.
 - Vậy thì vụ xuân tới tôi sẽ lên và bác làm giúp tôi nhé.
- Vụ xuân này chính là vụ hạ gỗ đã hẹn hò đây.

Nhưng, cuộc hò hẹn của người thợ chặt hạ và nhà chế biến nọ đã không thành. Vừa quay vào đóng cửa, ông Lý A Lữ nghe thấy tiếng mõ gõ, mõ tre khua động từ nhà lý trưởng Tráng Vân Đa. Đó là mõ gọi họp toàn thể dân làng. Chẳng còn cách nào, vốn người gắn bó với việc làng nước, ông Lữ bước vào nhà cất rìu, dao rồi ra bãi chơi đầu làng. Trong cái lều nhỏ ở giữa bãi chơi, lý trưởng Tráng Vân Đa mặc cái áo dạ xám, đội mũ lưỡi trai dạ đen, đứng với mấy người lính lệ mới từ huyện về. Người làng lục tục đến, người đến trước ngồi trên những tảng đá nổi, người đến sau ngồi trên cái đu quay, trò chơi còn sót lại từ ngày hội gà ma thú của cả bản.

- Mọi người đến đủ cả chưa?

Lý trưởng Đa bước ra khỏi lều, chống tay lên sườn, cổ cho đáng to ra và bệ vệ, để hợp với lời nói hách dịch:

- Cả làng nghe cho rõ rồi theo mà làm. Mùa này từ hôm nay, trai làng, ông già không ai được đi bán công nơi xa nữa. Huyện vừa có giấy sức về đây. Việc này hệ trọng hơn mọi việc. Vua nước An Nam ta sắp vào thăm bản ta, tổng ta. Bởi vậy, làng phải cắt cử người sửa đường, sửa cầu, và ra huyện khiêng kiệu rước Đức Kim thượng về.

Lý trưởng Đa chưa dứt lời, vùng đất đã như có đàn sáo bay tới. Chưa bao giờ San Cha Chải vang động đến như thế vì một cái tin do lý trưởng Đa nói ra.

Ông Lữ là người đi bán công xa nhà bản, ông lại đã gặp, đã làm việc với người Kinh, chính là nhà chế biến gỗ nọ, nên bếp lửa nhà Lữ đông người tới chơi nhất.

- Vua là thế nào, ông Lữ?

- Vua là người to nhất nước An Nam mình.

- Tôi cứ nghĩ, ta chỉ có một ông vua là Tráng Vân Đa.

- Ông Đa là vua cái nước nhỏ San Cha Chải ta thôi.

- Còn nước An Nam ta?

- Ồi! Tôi đi ra huyện mất hai ngày đường. Người Kinh từ dưới xuôi lên mua gỗ đi từ kinh đô lên bằng tàu thuyền, bằng xe ngựa tới huyện này mất hơn nửa tháng. Như vậy, tính từ hàng cây gạo trên núi...

- Sao lại hàng cây gạo?

- à, ở chỗ bắt đầu là nước ta, ông giới gieo xuống một thứ cây ra hoa đỏ để đánh dấu, để ta dễ nhớ. Từ đó ra đến biển... rồi ra nữa... Rộng vô kể, ta đi ngày qua ngày, tuần qua tuần...

Mọi người cùng ngẩn ra. Cái câu nói của người đàn ông đã ra tới huyện vẽ một khoảng rộng mênh mông, chẳng biết đo bằng gì, chỉ hình dung ra bằng những ngày những tuần đi dằng dặc từ đầu này là màu đỏ hoa gạo đến thăm thẳm xa xăm là sóng biển trùng trùng. Một đất nước như thế là rộng, là đẹp. Và San Cha Chải đúng là có cây gạo mọc, nên nó đúng là đất của vua. Vậy nên vua xa giá tới viếng thăm là phải rồi.

Làng sửa soạn đón Vua thật náo nhiệt. Đường dài mấy chục cây số qua rừng gianh, rừng nứa phải phát quang. Hai cây cầu gỗ trôi từ mùa lũ năm ngoái phải bắc lại. Lại thêm lan can, để nhớ Đức Kim Thượng nẩy ý thích xuống kiệu đứng ngoạn cảnh còn có chỗ vịn. Thôn xóm sạch sẽ. Trâu bò đuổi hết lên rừng. Nhà nào cũng cố tìm mua đèn lồng đỏ, treo hai cái như má con gái, ngoài hiên. Người nào việc ấy, phấn chấn hẳn lên. Riêng ông Lý A Lữ thì phấn chấn hơn hẳn người khác. Bởi vì, ông và ba tráng đinh nữa được lý trưởng Đa cất cử ra tận huyện để vừa là dẫn lộ vừa là theo hầu Vua, thậm chí khiêng kiệu Vua vì có thể Ngài không quen cưỡi ngựa.

Ông Lữ mừng lắm. Như vậy ông được biết mặt Vua trước mọi người. Được theo chân Vua mấy ngày trời nữa thì thật là vinh hạnh không thể mua được bằng vàng. Ông Lữ sửa soạn áo quần, khắp khối chờ đợi. Nhưng hình như càng chờ mong thì càng thấy cái điều ngóng đợi lùi ra xa thêm. Bộ áo quần mấy lần vứt vào thùng chàm nhuộm lại rồi hong khô, chưa dám mặc. Ra vào, đi đứng, lúc nào cũng bồn chồn, không yên. Làm việc gì cũng dang dở, nhảm lẫn. Hồn vía cứ như bay lượn ở đâu ở đâu.

Rồi một buổi ông như chim én mùa xuân, chạy từ nhà lý trưởng Đa về tới nhà, rồi rít gọi vợ, báo tin mừng.

Thượng hoàng đã lên đường đi kinh lý tỉnh thượng du này thật rồi. Ngài là một ông vua trẻ tuổi, tính tình khoáng đạt, tâm hồn dạt dào, mùa xuân gợi cảm hứng cho ngài. Giang sơn cẩm tú này ngài muốn thu vào tầm mắt. Từ kinh đô ngài đi xe tam mã. Tháp tùng Ngài còn có các cận thần tin cẩn trong triều. Ngoài ra, còn một tốp

thợ nề, thợ mộc kén tuyển tận những làng có nghề truyền thống. Nhân dịp này, Đức Vua muốn sửa sang bờ cõi, tu bổ lại các cột mốc, đường ranh giới quốc gia.

Tới Việt Trì, Đức Kim Thượng chuyển sang cưỡi ngựa, tốp thợ xuống thuyền thay nhau chèo chống, kéo dây ngược dòng. Hành trình chậm dần.

Ngày qua, San Cha Chải và ông Lữ dỗi theo bước chân của Đức Vua. Ngài đã tới địa hạt tỉnh Phú Thọ. Ngài sắp tới tỉnh lỵ tỉnh Yên Bái... Ngài sắp... Ngài đã... Rồi đang xôn xao bỗng bật đi như hòn đá rơi mất tằm dưới lòng vực. Một tuần qua. Một tháng qua. Ông Lữ ngơ ngơ ngác ngác...

Thì bỗng có con ngựa hồng như ánh lửa cháy rần rật một chiều phi tới làng và hôm sau ông Lý A Lữ cùng ba xuất đình nữa, mỗi người một cái gậy dài vác vai, rời làng ra huyện. Mặt mũi ai nấy đều hớn hở khác thường. Lý trưởng Tráng Vân Đa tiễn họ ra tới bãi chơi đầu bản và nó cho mọi người biết: bốn người này xuống huyện để cùng quân lính dưới đó rước kiệu Đức Vua về San Cha Chải. San Cha Chải, ngọn núi, mảnh đất, cái cột mốc xa xôi nhất sắp được một ân sủng không gì sánh nổi.

Mãi miết trong hào hứng bất chấp cả lúc sớm bùng, khi tối trời dễ bị thú dữ làm hại, đi liên tục, cuối cùng ông Lý A Lữ và ba người đàn ông nọ đã vượt trước thời gian. Chiều thứ hai của cuộc hành trình họ đã tới huyện lỵ. Một nhọc, nhưng cả bốn đều khắp khởi. Đi qua phố huyện họ nhận ra vẻ khác thường của bầu không khí cô tịch vốn có. Tuy không thấp lửa, nhưng trước cửa nhà nào cũng treo đèn lồng, kết hoa giấy Đường sá rõ ràng là đã được quét dọn. Nhưng, phảng phất trong khung cảnh một nỗi niềm gì đó rất khó xác định: ấy là sự bức bối pha lẫn cảm giác bẽ bàng. Có lẽ nỗi niềm đó toát ra chủ yếu là do thái độ của người lính đón họ và đưa họ vào nhà trọ ở cuối trấn ngựa. Ông ta động nói là cau cau.

Sáng sớm hôm sau, ông Lý A Lữ và ba người nọ vừa trở dậy thì người lính nọ tới. Bây giờ mới trông rõ ông ta. Vóc thấp, vai vuông, chân nhỏ quăn xà cạp nên hai bắp phòng như hai cái bắp bi. Mặt ông quê mùa, cũ kỹ, lại có mấy nốt rỗ hoa, nhiễm đầy vẻ bất đắc chí.

- Nào, đi sớm không nắng.

Người lính nói. Ông Lữ sẵn đón:

- Đi khiêng Đức Ngài ạ.

Người lính nhướn hai con mắt nhỏ một mí vẻ khó hiểu:

- Các người ở San Cha Chải?

- Vâng.

- Người U Ní chớ gì?

- Vâng.

- Dân U Ní chớ gì?

- Vâng.

- Dân U Ní khiêng, điệu thì nhất rồi. Điệu bằng trán có phải không?

Ông Lữ ngơ ngơ, bụng nghĩ mờ mờ tỏ tỏ, lại nhìn người lính, rụt rè:

- Đi khiêng Đức Vua ạ?

- Thì đi!

Người lính sẵn, rồi phát tay ra hiệu bảo họ đi. Bốn người San Cha Chải cum cúp đi theo người lính. Quanh quanh, ngoặt ngoặt mấy lần, họ đến trước một túp lều gianh, cửa liếp còn khép. Chả lẽ Đức Vua ngài ở đây? Ông Lữ ngơ ngác, chực hỏi thì người lính đã chống nạnh giục:

- Đức Vua của các ông ngự ở trong ấy. Đẩy cửa vào khiêng đi! Nhanh lên!

Ông Lữ đặt tay vào cánh liếp, vừa hồi hộp vừa sợ hãi. Sao lại có thể như thế này được nhỉ? Đến như ông Tráng Vân Đa, Vua San Cha Chải, cũng không ở cái túp lều tồi tàn như thế này. Một là ông bị lẩn, hai là người lính độc bụng, định đưa ông vào bẫy mắc tội phạm thượng. Nghĩ vậy, nên ông rụt tay lại. Nhưng thật không may cho ông, cánh cửa liếp khép hờ hững lại có chiều hướng ngả vào bên trong nên chỉ cần chạm khế vào là nó đã oẻ ra, ẹo ẹt một tiếng dài.

Hai cánh cửa mở một khoảng tối mờ. Bị chi phối bằng một đức tin và niềm sùng kính chất phác, ba người đàn ông và ông Lữ vội quỳ sụp xuống, chắp tay vái liền ba cái. Người lính bật lui trở lại, thoát đầu bưng miệng cười, nhưng thấy thái độ thành kính chân thực của bốn người nọ, vội vàng ngậm miệng, đứng ngây ra.

Trong bóng tối âm âm hiện dần lên hình một phiến đá trắng, có chiều rộng một sải, cao bằng đầu người, dày hơn gang tay, mặt khắc chìm những dòng chữ bay bướm. Phiến đá đứng, hơi choãi chân ra phía trước; do chiều cao, chiều rộng, thể đứng và nhất là do những dòng chữ bí ẩn mà nó trở nên uy nghi khác thường.

Ông Lữ hơi sững người. Nhưng, lập tức lòng kính tín sau mấy giây rung rinh, lại trở lại và cùng với ba người kia, ông bước lại cạnh phiến đá mà run rẩy như được hưởng một ân huệ khác thường.

Người lính được lây truyền cảm xúc trân trọng bỗng dịu giọng:

- Đức Vua ngài bận việc quân nên chỉ ngự thuyền rồng lên tới tỉnh lỵ thôi. Ngài gửi phiến đá này vào. Phiến đá này thay mặt Ngài. Ngài bảo phải đặt nó lên ngọn núi San Cha Chải. Bây giờ các ông sửa soạn khiêng đi! Nhanh, kéo nặng!

Không chút thất vọng, ông Lữ và ba người đồng hương vội hạ đòn, buộc thùng chảo, và sau khi làm thành cái kiệu mộc mạc, họ ngả phiến đá thiêng của Đức Vua lên đó, rồi đều tay nhấc lên vai.

Bốn người đàn ông U Ní khiêng phiến đá của Đức Vua ra khỏi huyện lỵ, trời mới tan sương. Nghe nói phiến đá đã theo Đức Vua từ kinh đô lên. Vua ở đâu, nó ngự cùng ở đó. Tới tỉnh lỵ vào huyện, nghi thức đã bớt đi phần diêm dúa, nhưng vẫn giữ được sự long trọng, nó được ngự riêng một cỗ xe tam mã vào tới tận huyện đường. Và mấy đêm vừa rồi, tuy là ở trong cái lều gianh xoành xính đó, phiến đá vẫn được canh giữ rất cẩn mật.

ấy là câu chuyện mở đầu của người lính đi theo áp tải phiến đá. Câu chuyện có tác dụng kích thích bốn người đàn ông, mặc dầu ra khỏi huyện lỵ, họ trợ trợ, thui thui giữa bóng rừng mênh mang.

- Liệu chiều mai có tới nơi không?

Người lính lạch cạch lưỡi lê ở hông đi cạnh ông Lữ, chưa được mấy bước chân đã có vẻ sốt ruột hỏi. Ông Lữ đáp:

- Đi ra thì hai ngày. Đi vào, dốc, phải hơn.

- Thế đêm nay độ đường ở đâu?

- Cứ đi thôi. Tối đâu ngủ đấy.

- Không được! Phải vào làng Pa Mao Chải ngủ. Trên đã sức cho lý trưởng làng đó đón rước rồi.

Hai người khiêng đòn đi ở phía sau cũng nghiêng lên:

- Không đi đường Pao Mao Chải được đâu. Cầu gỗ to qua suối lớn ở đầu làng trôi rồi.

Người kia tiếp:

- Mua thêm đường hay sao mà đi đường ấy!

Ông Lừ thêm:

- Đi đường ấy phải bốn năm ngày. Lâu quá. Đi đường tắt này nhanh về cho dân San Cha Chải khỏi ngóng.

Người lính than:

- Dốc ngựa ngực, vất vả quá!

- Chịu khó một tí thôi!

Mấy người khiêng phiến đá cùng nói một ý. Và phiến đá trên vai họ lừ lừ chuyển êm như trôi trên sóng lặng, chẳng cần một cố gắng nào. Qua một khu đồn hẹp, họ lội qua con suối rộng nhưng nông. Đó là con suối ở chân cao nguyên vùng San Cha Chải. Đường ít người, rêu xanh phong đá suối, trơn nhội. Bốn người dờ dẫm từng bước ngắn, thận trọng còn hơn khiêng người ốm nặng. Sang tới bờ bên này, họ trút hơi thở đánh phào và thấy người như khỏe thêm ra. Họ đã thấy hương sắc vùng quê.

Hương sắc quê hương San Cha Chải, ấy là những triền núi vàng suộm cỏ gianh như một biển nắng chiều. Là cái khoảng xanh mờ ảo tít xa của những vùng rừng vầu cổ xưa. Là cái mùi hoa thảo quả thơm lừng hòa trộn với làn khí trời tê mát dưới tán rừng nguyên thủy thuần một loại pơ-mu lão đại. Bóng những khoảng rừng già đã mỗi lúc một sẫm màu trong mắt người. Qua ba bốn khúc đường lên dốc xuống dốc như yên ngựa, phiến đá đã lọt hẳn vào một vùng rừng già, tán cây tỏa xuống mặt đất vẻ trầm mặc u tịch. Người lính bỏ nón quạt:

- Nghỉ chứ, các chú ông!

- Cố tý nữa, lên hết đoạn dốc này.

- Chịu các chú ông thật. Đi một thôi mấy tiếng rồi, ông Lừ?

- Đàng nào cũng phải đi, ông ạ.

- Sợ mệt là mệt các ông thôi!

- Việc làng việc nước mình không làm, người khác cũng phải làm, ông lính ạ.

Việc làng việc nước! Cái ý nghĩ tự nhiên mà sâu xa! Vì việc làng việc nước mà vụ xuân này bỏ cả việc bán công sinh nhai. Vì việc làng việc nước mà mang cái khó nhọc vào thân. Việc làng việc nước. Nào phải là đã hiểu thật hết ý nghĩa của công việc mình đảm đương? Nhưng đã là việc làng, việc nước thiêng liêng, cao quý thì phải tận lực mà làm cho trọn vẹn.

Đến trưa thì chính người lính đi chân tay không đòi nghỉ vì mệt quá, không thể đi được nữa. Đám khiêng phiến đá của Đức Vua phải dừng lại. Đó là một khoảng trống giữa rừng già. Vừa hạ kiệu, bốn người cảm nhận ngay được cái hoang lạnh đến rợn da thịt của khung cảnh. Bụi rậm và vòm cây chen kín, xung quanh họ tối mờ. Sương phủ mù mù vây bọc. Từ trong xa xăm, vẳng lên tiếng róc rách của một con suối hoang, như một ám ảnh triền miên, dai dẳng.

- Nay, từ lúc vào khu rừng già này, các ông có thấy cái gì là lạ không?

Ông Lữ quệt mồ hôi trán, hỏi ba người đồng hương. Một người ngây ngây nét mặt:

- Tôi thấy có mùi gây gây.

Người lính đang nằm ngả trên đất, cổ nghển cổ dậy, thều thào:

- Mệt lắm rồi. Nghỉ lại ở đây thôi. Mai đi tiếp.

- Không được đâu, ông ạ.

Ông Lữ nói với người lính và nhìn ba người bạn của mình. Lập tức cả bốn người cùng đồng lòng là phải nhắc đòn lên vai, đi ngay. Có một nỗi hung hiểm chập chờn đâu đó, ai cũng nghĩ tới mà không ai dám nói ra.

Thấy mấy người đã khiêng phiến đá đi, người lính vội nhồm dậy, hơi thở phì phò:

- Tôi đến chết với các ông thôi.

- Cố lên, ông lính ạ. Tôi sợ chỗ này...

- Sợ cái gì?

- Đừng nói! Cố một tí nữa!

Người lính hiểu lời mờ. Ông leo đèo theo sau bốn người nọ.

Đêm ấy đám người khiêng phiến đá của Đức Vua ngủ giữa rừng già. Chỉ có người lính được ngủ liền một mạch. Còn bốn người chia thành hai tốp thay nhau canh gác. Họ đốt lửa thâu đêm.

Sáng bình, mặt trời rọi qua kẽ lá, phân tỏa thành ngàn tia sáng hân hoan, người lính mới mở mắt. Sức đã phục hồi. Những cảm giác tươi sáng trở lại. Ông nhìn bốn người bạn đường bỗng thấy yêu quý họ khác thường. Họ, giản đơn, thô sơ vậy thôi, mà thật là những tấm lòng vàng.

Thấy người lính mở mắt, ông Lữ bước tới:

- Ông còn mệt nhiều nữa không? Hôm nay ta đi cố thì tối có thể tới được.

Người lính nhồm dậy:

- ừ, cố đi.

- Đêm nay tới San Cha Chải, được ngủ trong nhà rồi. Một người nói. Người khác thêm:

- Mời ông lính về nhà em nghỉ nhé.

- Tất nhiên rồi. Người lính vui vẻ - Đưa được phiến đá Đức Vua lên tới cột mốc xong là hoàn tất công việc.

- Tôi biết chỗ cột mốc biên giới.

- ở đâu, ông Lữ?

- Trên núi, chỗ có nhiều cây gạo hoa đỏ. Lạ thật ông lính ạ. Ông trời cũng có ý phân chia địa giới nên mới gieo giống cây gạo bên mình. Còn bên kia, tịnh không một cây, thế mới lạ chứ!

Người lính cười, nhồm dậy:

- Đưa phiến đá của Đức vua lên đó là xong việc của ta. Còn xác định điểm chôn là công việc của người khác. Thôi, rửa mặt rồi ta lên đường đi. Nhưng mà hôm nay dẫu có sốt ruột vì nước mà hồi cũng đừng đi hộc tốc như hôm qua nhé, các chú ông.

- Không phải vì muốn xong việc để về nhà đâu.

- Thế thì vì cái gì?

Ông Lữ chẹp miệng, thoái thác câu trả lời tỉ mỉ:

- Cũng là việc làng việc nước thôi!

Người lính cười bao dung, đứng lên rút cái khăn đeo bên sườn, xách cái bình toong, đi qua một bụi rậm, tìm đường xuống khe suối.

Cuộc sống chẳng bao giờ hết sự ngẫu nhiên. Và chẳng ngẫu nhiên nào giống hết ngẫu nhiên nào. Điều hung hiểm ông Lữ cảm nhận bằng trực giác từ lúc bước vào khu rừng già hôm qua, đã hiện hình thành một sự thật. Một con hổ đói đã theo đoàn người suốt chẳng đường hôm qua, giờ đang chờ ông lính ở bờ khe suối nọ.

Nghe tiếng người lính thét rúng rời, ông Lữ kinh hoàng đâm bổ xuống phía khe suối. Ba người kia chậm hơn, nhưng cũng nhao ngay tới cạnh ông. Và họ cũng rét run lên trong cảm giác sinh tử trước cơn nguy biến, bờ suối chỉ còn cái khăn mặt và chiếc bình toong sắt của người lính.

Họ đốt đuốc sục vào các bụi rậm hú gọi, hò la. Tiếng họ hú gọi, hò la vang rừng, nhưng tập nhiễm nỗi vô vọng cô đơn. Dấu sao thì cũng không thể tỏ ra là bạc nhược, yếu hèn. Dấu sao thì cũng không thể bỏ mặc người bạn đường xấu số. Một ngày đường nên nghĩa, hướng hồ lại đã cùng một việc lớn đồng tâm. Mất một ngày không tìm thấy dấu vết thi thể người lính. Hôm sau ông Lữ nêu ý kiến: để hai người lại tiếp tục tìm kiếm nạn nhân, còn hai người khiêng phiến đá về San Cha Chải cho kịp ngày, xong việc.

Tính toán như thế là vẹn tình vẹn nghĩa, được cả việc chung lẫn việc riêng, nên mọi người đều đồng ý. Ông Lữ và một người nữa tên Lý A Tỉn đảm nhận việc đưa phiến đá của Đức Vua về đích.

Cái nặng của phiến đá đang san sẻ cho bốn người nay đè lên có hai vai. Tuy vậy, vốn là những người nghèo khổ, quen cực nhọc, họ vẫn tỏ ra dư thừa sức lực. Nửa ngày đầu, hai người đi bình thường. Nhưng từ nửa ngày tiếp, đường quá dốc, họ xuống sức rất nhanh. Đường xa, một cây kim cũng trở thành nặng. Hướng hồ đây là đá, là dốc. Dốc quá! Đi người không mà có chỗ đầu gối chạm ngực. Ngựa đi có lúc còn toại móng, phải đùn dít mới lên được. Đã thế lại phơi ra giữa nắng, bọn ruồi vàng khát máu, ngửi thấy hơi người, lại nhao tới nhằng nhằng bám đốt, hút máu.

- Chết mất thôi, ông Lữ ơi!

Đến giữa dốc, ông Tỉn rên một câu rồi khụy xuống phiến đá đồ nghiêng dưới đất đánh phịch.

Ông Lữ quay lại, mắt như tóe những hạt vàng hạt đỏ. Hơi thở trào trào qua cả hai lỗ tai. Ông cũng nhoài xuống, ngực đập đất, tim đập rung cả người. Rồi lim lìm, ông thiếp đi lúc nào không biết. Lát sau, có lẽ là vì mấy con ruồi vàng nên ông Lữ tỉnh. Mở mắt, ông thấy xung quanh mình ửng lạng. Sợ quá, ông vội nhồm dậy và nhìn thấy ông Tỉn nằm bất động cạnh phiến đá của Đức Vua. Chẳng lẽ ông Tỉn chết? Trời ơi! Không thể thế được! Trăm lay vong hồn ông lính, ông sống khôn chết thiêng, ông phù hộ cho việc làng việc nước thông suốt mọi đường. Ông Lữ lẩm bẩm, lê đến cạnh người bạn đường. May quá, ông Tỉn đã mở mắt.

- Ông Tỉn à, nghỉ được một tí cũng đỡ mệt đấy.
- Tôi mệt quá, ông à.
- Tôi cũng vậy. Lẽ ra, ông nên ở lại tìm ông lính...
- Không, tôi cảm tình con lợn, tôi hãi lắm.
- Khổ thật. Còn một chặng nữa là tới làng. Hay là ta cố một tí nữa.

- ừ, cũng phải cố thôi.
- Tôi khẩn vong hồn ông lính rồi, ông Tỉn ạ.

Hai người lại chùn mình ghé vai, nhắc đòn. Miệng ông Lữ lẩm nhẩm cầu khẩn linh hồn người lính, ông tỏ ra vui vẻ để động viên bạn mình. Nhưng, ông biết là ông Tỉn đã phải dùng đến những sức lực dự trữ cuối cùng rồi. Phiến đá ậm ạch đi. Ông Tỉn thở ậm ẹ. Rồi hơi thở biến mất. Lát sau hai người lại nằm cong queo như hai cái rễ cây bên phiến đá. Họ lại ngất đi như lần trước và cơn ngất này dài hơn. Nhưng lần này tỉnh dậy, ông Lữ thấy sức lực như trở lại. Cùng với cảm giác vui sướng râm ran trong lòng, ông nhận thấy ông Tỉn đã mở mắt, nhưng không tài nào cất nổi mình dậy.

- Ông Tỉn ơi, tôi kể ông nghe chuyện này nhé. Là cái lúc ông lính hỏi, tôi không muốn nói nhiều, chứ tôi biết phiến đá này là cái gì. ở San Cha Chải mình, cột mốc bằng gỗ thôi, lại không phải của Đức Vua đích thân gửi lên. Nên người bên kia tính tham vật, mấy lần họ đã nhổ lên, cắm lẹm sang phần đất ta. May mà có hàng cây gạo, chứ không thì họ ăn gian được. Ông Tỉn có nghe tôi nói không?

- Có. Tôi quá mệt...

- Không sao đâu. Nghỉ một lúc nữa sẽ lại sức. Ông tổ mình xưa khỏe lắm, ông Tỉn à. Tôi nhớ bố tôi kể. Một lần đi chợ huyện gặp bọn gian mai phục định cướp đồ hàng, ông tổ mình cầm cái đòn sóc giơ cao, nói: "Các chú nếu nhớ được cái đòn này thì cho tha hồ lấy hết những gì ta có!". Đoạn ông tổ dùng tay cầm phập ngọn đòn sóc xuống đất. Bọn cướp xô tới, cả buổi hò nhau không sao rút nổi cây đòn lên được. Kìa, ông Tỉn... ông đỡ mệt chưa?

- Tôi... chết mất... ông Lừ à.

- Nói đại nào!

Ông Lừ đứng dậy. Ông định cổ vũ bạn, nhưng hóa ra chỉ ông tăng thêm một tí chút sức lực, ông cũng đã sắp cạn hết sức lực rồi.

- Hay là thế này...

Ông Lừ đến gần bạn, ngấp ngừng... Chao ôi! Trong cái ta đã quen thuộc đến nhàm chán, bao giờ cũng ẩn náu điều ta chưa khám phá ra. Sau cái tưởng là kiệt cùng còn một khoảng không dự trữ niềm hy vọng. Sự sáng láng của tâm tưởng là nguồn sản sinh năng lượng. ý thức bốn phận dẫu mang tính giáo điều và màu sắc tôn giáo, bao giờ cũng là một tiềm năng. Nữa là ở đây, ông Lừ tích tụ trong mình cái sức lực quật cường dồi dào của cả bộ tộc đói khổ, ông đã dằn dày trong lao động khổ sai nặng nhọc. Ông mang trong ông tình thương với những người bạn đường khốn khổ.

Tới lúc, ông Tỉn mở choàng mắt, kêu một tiếng kinh hoàng, thì một sự kiện ghê gớm đã xảy ra, chưa hề có trong trí tưởng tượng của mọi người. Ông Lừ đã dựng phiến đá dậy, đặt nó vào hai sợi dây da. Ngồi xuống, áp lưng vào phiến đá, ngoảnh hai đầu dây vào vai tay nắm hai đầu dây còn lại, nhin hơi, mặt căng nhức, ông từ từ đứng lên hai cái đầu gối run lẩy bẩy chỉ chực chẹo đi, gẫy khục.

Nhưng mà không, ông Lừ đã đứng dậy được. Ông đã bước đi. Loạng choạng mấy bước đầu, nhưng ngay ngắn dần. Ông quàng sợi dây da lên trán. Đầu ông giờ là cái cọc nứu giữ phiến đá nặng kia.

Như có một sức mạnh vừa tràn vào, ông Tỉn chồm dậy, vừa ông ngược ho sù sụ vừa đuổi theo ông Lừ.

Ông Lừ xua xua tay bảo bạn im lặng. Ông đang khẩn vong hồn ông linh để ông linh phù hộ ông hoàn thành công việc hệ trọng, qua sức này. Mặt ông nhăn nhúm, nhưng không có cái vẻ đau khổ như vẻ

mặt Đức Chúa Giêsu vác cây thánh giá trên núi Gôgôtha vẫn thấy treo ở trong các nhà thờ Kitô giáo. Bức tranh ông Lữ điệu phiến đá, biểu trưng quyền lực thiêng liêng của Đức Vua An Nam, có công sức, xương máu mồ hôi của bao người, viên quanh là những bông hoa gạo đỏ.

Chiều hôm sau, lý trưởng Tráng Vân Đa lên thăm phiến đá. Ông là người biết đọc chữ Hán duy nhất ở San Cha Chải. Ông bảo: Phiến đá của Đức Vua khắc sáu chữ lớn: "An Nam dân quốc địa mới". Đó là cột mốc biên giới của đất nước. Ông nói thêm phiến đá này nặng hai con ngựa thồ không nổi, làm sao mà người thường điệu nổi.

Xóm người mù

Mường Mán

Xóm người mù. Không biết tự bao giờ cái tên gọi ấy đã trở nên quen thuộc. Không thể nhớ nổi người khiếm thị đầu tiên nào đã dùng bước giang hồ ở khu dân cư trải dọc triền sông này, rồi rủ rê thêm những người đồng cảnh ngộ quy tụ lại, chọn nơi đây làm "đất lành chim đậu".

Ra đi từ nhiều miền quê khác nhau. Trẻ có, già có, gập gờ đầu đó dọc những ngã đường bươn chải kiếm sống họ dặt dìu nhau về, thoạt tiên vài người rồi dần dà đến vài chục và sống đậm bạc khiếm cung giữa bao người lành lặn khác. Ban đầu chính quyền địa phương đặt vấn đề đòi trục xuất, riết làm ngơ vì chẳng nghe ai kiện cáo, tị nạnh gì. Đèn nhà ai nấy sáng, không hắt đèn đục, nhưng tuyệt đại đa số người trong xóm giềng đều tỏ ra thông cảm, sống chan hòa thuận thảo. Có lẽ có cô tôi là ngoại lệ, không thích đã đành, còn hết sức lấy làm khó chịu bởi không đứng phải lọt thỏm giữa một khu xóm như thế. Có lần cô bảo:

- Bạn hàng hể ai nghe tao cho biết số nhà, tên đường, tên phường thì cứ y như rằng người ta hỏi có phải ở Xóm người mù không? Không đứng mang tiếng mù lây. Chun đụt dưới mái nhà này lỗ ăn nên làm ra nên không đành bỏ đi nơi khác, chớ không tao xới khỏi lâu rồi. Cái xóm gì mới bảnh mắt ra ngõ đã gặp người lò dò bị gây phát ngán. Bao nhiêu cái Tết có cáp vàng tao cũng đâu dám xuất hành đầu năm!

Là chị hai của cha tôi, cô xa nhà sống theo kiểu thân tự lập thân hồi còn trẻ, giờ xấp xỉ tuổi năm mươi, chưa chồng con dù nhan sắc đến nỗi nào, khó tính là điều dễ hiểu, nhưng tôi vẫn không thể hiểu nổi sao cô hẹp lòng đến vậy.

Rời quê ra tỉnh học trọ, mỗi sáng sớm tôi ra chợ tiếp cô bày hàng quần áo thời trang, giày dép, mỹ phẩm, chiều tiếp dọn hàng. Từ vài tháng nay bỗng có người tình nguyện làm thay, tôi bỗng rảnh rang. Ông ta kém cô vài tuổi, luôn "hình dong chải chuốt, áo quần bảnh bao". Nhờ ông, hình như dạo này cô đâm ra trẻ lây, đâm ra thích chưng diện với lắm bộ đồ mốt mặc rồi đứng uốn éo trước gương hệt những người mẫu thời trang không khoe chương, cô hỏi, chẳng muốn cô buồn tôi đành miễn cưỡng khen đẹp. Đêm đêm, tôi đến lớp ngoại ngữ học thêm thì ông đèo cô đi chơi bằng xe Dream. Chiếc xe cô nhún nhường cho biết vốn là hàng còn nguyên thùng, mua để tiện việc ông đưa đón. Chưa hết, cô bê về cả dàn máy karaoke để giải sầu. Thỉnh thoảng hai người kê vai song ca trông rất mùi mẫn. Thỉnh thoảng mở tiệc đãi bạn bè tại nhà. Nhưng cái đám cưới lắm lần nghe cô bàn tính mãi chưa thấy thực hiện.

Dù cô luôn rầy la ngăn cấm, tôi vẫn lén chơi với đám người mù trong xóm. Đứa hát rong, đứa bán vé số dạo, đứa đàn sọt đàn thúng,... Trong số ấy tôi thân nhất con Thắm hát rong. Con nhỏ ông Tư đồn cô đã "nhặt" về trên một chuyến tàu Thống Nhất. Nó gầy gò đến độ qua cầu gió có thể thổi bay. Nó hay khiến tôi nhớ tới con em gái dưới quê nên thường lén cô tiếp tế cho hai cha con chút ít lương thực, hoặc thuốc men lúc đau ốm. Thắm bị mù từ thuở lọt lòng, chẳng biết tí gì về thế giới chung quanh, chỉ nghe kể rồi mường tượng. Thuộc khá nhiều bài ca do nghề nghiệp, riêng món vọng cổ luôn bị ông Tư bắt bẻ, ca hoài chưa ngọt, chưa rặt giọng đàng trong theo ý ông muốn. Có hôm nó hỏi tôi:

- Anh ra sao anh Hai?
- Thì cũng giống hầu hết mọi người.
- Có đẹp trai không cơ!
- Đẹp xấu tùy người đối diện - Tôi nói đại. Nó phụng phịu:

- Anh quên người đối diện hồng có mắt sao? Thôi thì chắc anh đẹp như ông Lục Vân Tiên hoặc Thạch Sanh trong truyện bố Tư kể, vì anh cũng tốt bụng như họ.

- Xấu như Trương Chi thì có, đừng có ham tưởng tượng.

- Ai nói Trương Chi xấu, riêng em vẫn cho là đẹp.

- Hiểu rồi, Thắm cũng đẹp lắm.

- Xạo quá mạng vậy anh Hai?

Đại để, chúng tôi thường trò chuyện vớ vẩn kiểu ấy. Uống nước rạch đầu sáu bao năm, cố nói tiếng Nam bộ, giọng Hà Bắc vẫn còn vương lại vài âm hao như là dấu ấn của quê quán, dù quê quán ấy nay đã trở nên xa vời vợi, mờ nhạt trong trí nhớ nó. Những lúc Thắm theo ông Tư đi hát rong đâu đó cả tháng mới quay về, tôi thấy nhớ cái giọng thỏ thẻ nửa Nam nửa Bắc của nó. Sau một chuyến đi xa, bao giờ nó cũng tặng tôi một món quà gì đó, dù rẻ tiền cũng khiến tôi cảm động.

Không ít lần hề nghe ông ấy và cô hát karaoke, tôi bắt gặp Thắm đứng lặng lẽ ngoài rào bông bụp. Biết tổng nó rất thích trò chơi hiện đại ấy, một đêm đôi tình nhân vừa lên xe ra khỏi cổng, tôi rủ nó đến nhà, ngồi vào ghé salon hần hoi, và mở máy cho Thắm tha hồ ca, tôi giúp nó đọc lời những bài chỉ thuộc lõm bõm. Nhìn vẻ mặt hân hoan khó tả, nghe giọng bội phần diễn cảm, tôi cảm thấy vui như đang đãi nó một bữa tiệc thịnh soạn. Hai đứa vui nên "dượng" và cô về lúc nào không hay.

- Trời đất, bộ mày khùng rồi sao Khánh? Dám mời con nhỏ dơ dáy thượng lên cả salon, còn bày đặt hát xướng. Bộ mày mê nó lắm sao thằng ông con? Này, cút mau! - Vừa đay nghiến, cô vừa nhào tới đẩy xua Thắm ra khỏi cửa. Quỳnh quáng, con nhỏ không kịp cầm gậy, ngã lăn từ bậc thềm xuống sân, bể cả mắt kiếng đen, bật khóc tức tưởi. Ông ấy chỉ khoanh tay đứng nhìn lắc đầu cười. Tôi đỡ Thắm dậy, đặc chiếc gậy vào tay nó, dỗ quạu, quên cả giữ kẽ:

- Nhấn tâm vừa thôi, cô không thương xót kẻ tật nguyên chút nào sao?

- Mày, mày dám lên giọng chửi tao hả đồ mất dạy? - Cô gào, chảy chồm xĩa xối. Ông ấy ra vẻ kẻ cả khoác tay ngăn, cất giọng du dương:

- Kìa em, nguôi giận đi nào. Chậc, chỉ là chuyện nhỏ. Thôi, cho anh xin!

Từ hôm ấy Thấm luôn tránh gặp tôi, không nhận cả chiếc kiếng mới tôi mua đền nó. Vào một ngày mưa từ ga Hòa Hưng quay về, ông Tư đồn cò ngã bệnh. Tuy được chòm xóm tận tình giúp đỡ đưa vào bệnh viện điều trị nhưng ông không qua khỏi. Sau đám tang chừng vài hôm, đã nguôi giận, Thấm tìm gặp tôi rủ ra chợ Cái Răng ăn kem với vẻ mặt buồn rười. Tôi ngạc nhiên chẳng nghe nó nhắc đến bố Tư, lại tỉ mỉ nhắc kể từng người tốt kẻ xấu trong xóm, chi li từng kỷ niệm vặt, nhỏ nhoi của hai đứa, đoạn mỉm cười:

- Còn sao trên trời ở xóm mình có giống nơi khác không anh Hai?

- Giống!

- Bèo dưới bến cũng thế chứ?

- Thế! Tôi nhại giọng Hà Bắc cốt làm nó vui.

- Vậy là dù đi bất cứ nơi đâu em ngược "nhìn" trời cũng sẽ mừng tượng ra sao ở xóm mình, qua khúc sông nào cũng "thấy" bèo của bến nhà, chắc là không buồn lắm đâu.

- Thấm nói gì lạ vậy? Tính bỏ đi sao? Đi đâu?

- Đố anh biết? - Nói xong nó cười. Nước mắt lấp lánh trên má.

Ngỡ chỉ nói đùa chơi, hôm sau Thấm mang theo cây đồn cò bỏ đi mất biệt. Câu đố đêm ấy tôi vẫn nhớ nhưng không cách chi tìm thấy câu trả lời.

Bây giờ tôi đã vào đại học. Mỗi lần ra chợ tiếp cô bày hàng và chiều dọn về như trước đây. Cô tôi lại tiếp tục sống cô đơn. Sau trận đánh ghen tàn độc của bà vợ và tám đứa con kéo từ Vĩnh Long sang Cần Thơ vào một ngày không nhớ đẹp hay xấu trời, ông "dượng" ra đi không lời từ biệt, quên cả chiếc Dream. Bây giờ cô tôi luôn mang kiếng đen vì con mắt trái bị axit làm hỏng, trở nên trầm lặng, ít nói và hình như trong con mắt còn lại những người mù chung xóm chẳng còn đáng ghét nữa.

Thầy Khiển

Ma Văn Kháng

Đó là những năm giữa của cuộc Kháng chiến chống Pháp chín năm. Cả nước sau chiến dịch biên giới năm 1950 thắng lợi, rầm rộ chuyển sang giai đoạn tổng phản công dành thắng lợi hoàn toàn.

Xã tôi ở bên này con sông Thi đôi ngạn là cả một vùng tề, bên kia, bỗng nhiên như trở thành tấm gương đại diện, mọi mặt từ đi dân quân, đóng thuế nông nghiệp đến học tập văn hóa đều phát triển mạnh mẽ lắm. Riêng về giáo dục, hơn hẳn các xã xung quanh, xã tôi năm nay có hơn 30 học trò tốt nghiệp kỳ thi tiểu học, được chuyển lên cấp học trên.

Hơn 30 học trò vào năm thứ nhất trung học, hẳn nhiên xã tôi phải cố gắng mở trường cấp hai rồi. Cái thuận để mở trường cấp hai còn là vì ông Chiên, phó chủ tịch xã tôi xuất thân chèo đò ngang, tính tình táo tợn lại có ông anh tên Sự mới được đề bạt phó ty giáo dục. Ông Sự làm nghề nông nhưng những ngày nông nhàn xách túi đồ nghề đi chữa đèn bin, kính bút, mồm miệng như cái tôm cái tép, thâm nhuần câu: Một người làm quan cả họ được nhờ, ủng hộ quyết liệt việc này. Ông nói: "Xét theo quan điểm nịch sử thì mở trường cấp hai ở đây nà có ný ". Ông phó ty nói ngọng muốn nói đến sự phát triển kinh tế, xã hội ở xã tôi. Xã tôi trời cho địa lợi, trên bến dưới thuyền, từ lâu đã hình thành một dãy phố và một khu chợ buôn bán tấp nập; từ ngày phân đôi chiến tuyến ta-địch, chẳng hề suy giảm,

trái lại, lại như được kích thích, trở thành cửa ngõ giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa hai vùng. Giờ thì đêm đêm dân buôn từ vùng tề bơi thuyền, lội sông sang, nườm nượp kẻ bán người mua dưới ánh đèn măng-xông xanh ngời. Nhìn phố xá tụ hội đông vui chẳng hề biết đến bom đạn đã có lúc ông Chiên xạm mặt choắt, gằm ghè cảnh cáo dân chúng rằng: Đừng tưởng bỏ! Tây nó dùng nơi này để nuôi cấy Việt gian và vỗ béo các vị đấy. Rồi có ngày nó cho máy bay đến làm cỏ sạch sanh cho các vị xem!

Việt gian tức là bọn điệp ngầm. Chẳng những thế, với từ đó, ông Chiên còn ám chỉ những kẻ từ bên kia sang, định cư làm ăn, buôn bán ở phố làng này. Phố làng này là nơi qua lại công khai của cả hai bên, và với người dân vùng tề thì đâu chả là đất nước mình, đâu tìm được đất lành là cứ việc đậu, họ có nghĩ có ngày nằm trong vòng nghi ngại của ông Chiên.

Trong số những người từ vùng địch chiếm sang đây ăn ở cùng đợt, tôi nhớ có ba người. Một người dắt cái xe đạp cuốc, được giới thiệu là cua-dơ vô địch vòng đua quanh Đông Dương trước cách mạng. Một người béo lùn mặc áo da, vai khoác khẩu súng săn hai nòng, đi xe mô-tô, có chị vợ tóc phi-dê mở cửa hàng bán thuốc Tây. Và một người nữa dáng mảnh khảnh, đeo kính cận, có bà vợ già hơn tuổi làm nghề may. Đến đây, người thứ nhất mở cửa hàng sửa xe đạp. Ông thứ hai thường đi mô-tô tới chân núi săn bắn chim muông, cày cáo. Còn người cận thị, khi xã tôi mở trường cấp 2 thì chở thành thầy giáo Khiển của chúng tôi.

Thầy giáo Khiển từ vùng địch chạy ra, vốn là giáo học, được mời làm giáo viên kiêm hiệu trưởng trường cấp 2 của xã. Trường chỉ có độc một mình thầy, thầy dạy tất cả các môn từ toán, lý, hóa đến văn, sử, địa, vẽ, nhạc.

- E hèm chúng ta làm quen với nhau nào.

Tôi vẫn nhớ như in buổi đầu thầy vào lớp. Thầy nhấp nháy hai con mắt trẻ trung, nghịch ngợm sau làn kính cận nhìn chúng tôi, lữ thiếu niên quê mùa, từ mười một mười hai tuổi như tôi đến loại lộc ngọc mười sáu mười bảy tuổi, cười cười đi giữa hai hàng bàn, bảo từng người đứng lên, tự giới thiệu mình; tới lượt anh Ngôn lớp trưởng

mười bảy tuổi, thấy anh đỏ mặt, nhú nha nhú nhí nói rằng anh đã có vợ, thầy liền vỗ vai anh, cười xòa:

- Có gì mà ngượng! Trước sau hỏi rằng có ai thoát được cuộc sống lứa đôi?

Thầy bảo: chính thầy cũng lấy vợ năm 16 tuổi đó là tệt tảo hôn! Thầy kể: 12 tuổi. Bố mẹ dẫn đi xem mặt vợ, lúc về hỏi: Mày thấy nó thế nào? Thầy ngơ ngẩn hỏi: cái gì cơ ạ? Đêm tân hôn, thầy leo lên gác chuồng trâu trốn biệt. Hôm sau ông cậu đến, phân giải điều hay lẽ phải, rồi bảo: "Đêm nay cháu cứ vào nằm cùng giường với nó. Đàn bà ấy vậy mà nó có nhiều cái hay lắm cháu ạ". Thầy bị đẩy vào buồng cô dâu, nhưng thầy leo lên cái bàn ngủ suốt đêm. Cứ thế một tháng liền, cho đến khi cô dâu tủi thân đòi bỏ về nhà bố mẹ, mưu mô của thầy mới bại lộ. Thế là thầy lâm cảnh đành phải nhắm mắt đưa chân lúc tắt đèn. Và bây giờ thầy mới 28, mà đã một trai hai gái, người tốp như cành củi khô, còn bà vợ 34 xổ ra như cái đụn rạ. "Ấy, cái sự béo của bà ấy giải thích cái sự gầy của tôi, các em à". Thầy gãi tai, giả vờ ngượng ngịu, thanh minh cho cái thể trạng gầy còm của mình.

Con trai nhà quê sớm phát triển tính tò mò, nghe chuyện thầy khoái lắm. Chuyện lan ra làng phố, ai cũng bảo thầy Khiển là người vui tính; người vui tính thường là người tốt bụng. Còn dưới con mắt lũ học sinh quê mùa chúng tôi, thầy hiện ra tài giỏi như một bậc thánh nhân. Lĩnh vực nào thầy cũng tinh thông, tỏ tường. Lịch sử Đông Tây kim cổ thầy lầu lầu. Động tới cái gì thầy cũng có thể đào sâu tới tận gốc rễ.

Đã sâu sắc thầy lại tài hoa. Giỏi giang chắc không chỉ mình thầy, nhưng cái duyên, cái tài hài hước thì khéo chỉ mình thầy có. Thầy bình chuyện Kiều thì cả lũ chúng tôi cứ ngây ra ngỡ ngàng, kinh ngạc như lần đầu thấy được tòa lâu đài nguy nga tráng lệ. Thầy bắt chúng tôi học thuộc lòng bài Cái hồ của La-mác-tin, Mùa xuân của Vích-to Huy-gô, lại dạy chúng tôi mấy câu tán gái tục tĩu dân dã. Từng bước thầy làm bừng lên trong chúng tôi ngọn lửa khao khát hiểu biết và nhìn ra xung quanh chúng tôi nhận ra những vùng còn tối tăm mù mịt.

Nhưng rồi đã xảy ra một cái gì đó như một sự trục trặc, khởi đầu là một tiết dạy của thầy. Tiết ấy thầy dạy về cơ thể con người, tôi

đi học muộn. Vừa bước vào lớp tôi liền bị thầy gọi lên bảng và còn đang ngơ ngác đã thấy thầy chỉ cái mặt bàn bảo tôi đứng lên. Ô hay! Lớp học hôm nay sao đông thế! Tôi dụi mắt: Thì ra ở cuối lớp có kê thêm một hàng ghế, lúc này trên hàng ghế nọ đã chật người và tôi nhận ra đứng đầu tốp người nọ là ông Chiên chủ tịch xã.

"Em cởi áo ra!?" Tôi vừa định thần thì nghe lời thầy Khiển. Cởi áo? Thế là thế nào? Tôi hơi co người lại, nhưng kìa thầy đã giục lần nữa. A, thế thì tôi hiểu rồi. Thầy dùng thân thể tôi để làm đồ dùng giảng dạy. Thầy dạy cho chúng tôi biết: thân thể người ta chia làm ba phần, đầu là đầu, đâu là tứ chi. Chỗ nào là ngực, phần nào là bụng, là lưng.

Xoay người tôi đối diện với các vị chức sắc và lớp học, lần này thầy làm tôi đỏ dừ mặt vì thầy lại ghé tai tôi, nói thầm: "Em cởi quần ra!" Ôi, cởi quần! Tôi run lấy bầy vì sợ, vì ngượng ngùng. Nhưng, kìa thầy đã lại ghé tai tôi thầm thì: "Chú bé can đảm! Hãy giúp thầy để thầy dạy các bạn...".

Tôi không hiểu mình đã cởi dây nút và tụt cái quần đùi ra như thế nào. Người tôi cứng đơ. Mắt tóa vòng xanh đỏ, rồi nhòe nhòe. Tôi như cái máy, mặc thầy xoay trước đặt sau, lẩn mẩn giảng giải và chỉ trỏ từng bộ phận ở phần dưới cái cơ thể hoàn toàn trần trụi của tôi, cho cả lớp học nghe.

Cuối cùng tôi nghe thấy thầy bảo các bạn hoan hô tôi đã can đảm, và tôi vội xỏ hai chân vào hai ống quần, kéo ngược lên, rồi nhảy phịch xuống đất, chạy về chỗ ngồi, giữa tiếng vỗ tay âm ỉ của bạn bè và tiếng xô ghế của ông Chiên ngồi ở cuối lớp.

Câu chuyện tôi cởi truồng ở giờ dạy nọ của thầy Khiển không ngờ gây ồn ỉ và trở thành đầu đề của bao cuộc phiếm luận, đàm tiếu của những người nhiều sự. Những người này bảo thầy Khiển thế mà thâm. Rõ là trật c. ra trước mặt lão Chiên mà lão chẳng làm gì được. Cứ hằm hè, dậm dọa chúng tao đi nữa, hời thằng chèo đò ngang gặp thời thế lên mặt hống hách kia! Ha ha được dịp thế là quán nước bên đò râm rĩ câu chuyện về anh em Chiên-Sự.

Hai anh em nhà này y hệt nhau, cùng thất học mà hung hăng lắm. Rõ là thời lai đồ điều thành công dị chưa! Chiên chỉ là anh trỏ đò ngang mà nghênh ngang một cỡi, bất chấp luật lệ, muốn chệt ai

cứ tự tiện. Còn Sự được cất nhắc, vì hay lên mặt với mấy người tản cư, dị ứng với người trí thức, coi kẻ có học tuốt tuốt là Việt gian gián điệp. Cả hai cùng mắc thói tí tởn đàn bà con gái. Chiên thì công khai ăn ở với một chị chồng đi bộ đội. Còn Sự thì được đặt tước danh Sự sờ nắn vì nhắc ông nhớ viết đúng chính tả tên ông vì hồi học bình dân ông hay viết sai và cũng ám thị luôn tặc xấu hay sờ soạng nữ nhân viên trong cơ quan.

Tất nhiên chuyện đến tai bố tôi, một nông dân đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ và võ vẽ dăm ba chữ thánh hiền. Một hôm, ở trụ sở ủy ban xã về, mặt hầm hầm, ông gọi tôi lên, bảo tôi kể lại câu chuyện rồi đấm mạnh xuống bàn, nói rằng ông sẽ kiện thầy Khiển vì đã làm nhục con ông.

"Thôi ông ơi, chẳng qua là cái sự bất đắc dĩ chứ thầy nào có dụng tâm vậy ". Nghe mẹ tôi can ngăn, bố tôi lặng đi một lúc, xem có vẻ nguôi, rồi thở ra nhè nhẹ: "Tôi thì tôi sẵn sàng bỏ qua, nhưng anh em nhà lão Chiên thì nó không để thầy yên đâu".

Thầy Khiển tôi chẳng yên được với anh em ông Chiên-Sự đâu. Cả lớp tôi ngày ngày đều dõi theo thầy với tâm trạng nơm nớp lo ngại cho thầy. Chiên, Sự đều chẳng phải tay vừa. Chiên thì bạo tợn, Sự thì lợi khẩu. Mà trong tay họ giờ là quyền hành. Nhưng hình như thầy Khiển chẳng biết gì đến điều nguy hiểm đang đe dọa thầy. Thầy vẫn một phong thái tề chỉnh, đoàng hoàng, vô tư và hồn nhiên, không thiện không ác, như bẩm sinh tính người. Mỗi giờ dạy của thầy vẫn đều đặn là một dịp thầy phát tiết anh hoa. Thầy vẫn là thầy, bất cần biết ngoại cảnh.

Thầy Khiển không biết gì về anh em lão chèo đò, chữa đèn pin kính bút ư? họ có thể trả thù thầy. Họ có thể bắt thầy kiểm điểm. Họ có thể thi hành kỷ luật thầy. Thậm chí có thể sa thải thầy. Mà thầy, tiếng vậy cũng yếu thế lắm. Thầy chỉ có bà vợ xồ xề với chiếc máy khâu cộc cạch cùng ba đứa con nhỏ. Thêm nữa có chẳng là ông cua-rơ mở cửa hàng sửa chữa xe đạp và ông thợ săn cùng bà vợ bán thuốc tây. Nhưng bạn bè nếu là chỗ dựa của thầy cũng đã lung lay rồi. Vì sau câu chuyện nọ ít lâu họ đã biến mất có lẽ họ đã trở lại vùng tề. Họ đi, để lại nỗi dị nghị về tư cách chính trị của thầy. Rồi giữa lúc đó lại xảy ra việc một chiếc máy bay của Pháp đã xà xuống phố thấp

đến nỗi cánh quạt nó thổi tung cả mái cọ lợp chợ, và ông Chiên quả quyết rằng: máy bay Pháp nó rà soát lại những địa điểm bọn gián điệp báo cáo, để chuẩn bị oanh tạc nay mai đây, hãy liệu hồn.

Lúc này chúng tôi mới nhận ra thoáng qua gương mặt thầy Khiển một chút nén chịu nỗi tủ nhục đang vây quanh mình. Thoảng qua thôi vì ngay lập tức tất cả chúng tôi bị lôi cuốn vào không khí bận rộn chuẩn bị đón đoàn cán bộ Ty giáo dục về thăm và kiểm tra trường.

Đoàn cán bộ Ty giáo dục có ba người, dẫn đầu là ông Sự. Ông Sự, chỉ hao hao giống ông Chiên vì hai người cùng mẹ khác cha. Mặt mỏng, mắt trầm, trông bề ngoài ông Sự hơi lù đù. Ngồi trên chiếc ghế tựa ở cuối lớp suốt ba giờ học, mặt ông cứ lì lì, mắt ông cứ gườm gườm và thỉnh thoảng như thạch sùng đánh lưỡi tách một cái hoặc giả vờ ngúc ngoác cái cổ để liếc mắt về phía mấy chị nữ sinh lớn của lớp. Thầy Khiển đáp lại thái độ thiếu cởi mở của ông là một phong cách linh hoạt, biến hóa tài tình.

Giờ thứ nhất thầy ôm chồng vở bài tập tới cửa lớp. Cửa đóng vì gió lạnh. Hai tay vướng bận. Thầy xoay người lại, dùng móng hích vào cánh cửa rồi đi dật lùi vào. Sau đó ngoảnh lại, mắt thầy tươi vui và đặc chí như vừa vượt qua được vật chướng ngại. Đó là giờ số học. Thầy giảng bài thật khúc triết và văn hoa, nhưng thỉnh thoảng lại như vô tình, hát hàm về phía ông Sự và hai ông trong đoàn Ty giáo dục, hỏi rất trịnh trọng: "Có hiểu thật không mà sao lăm lì thế, các cậu? ".

Giờ thứ hai là giờ hóa học. Giờ này thầy dùng toàn tiếng Nghệ An. Ôi cái tiếng miền trung âm sắc lạ tai gây ấn tượng lạ lùng về sự phong phú của tiếng nói Việt Nam. Kết thúc giờ dạy, Thầy nói: "Tiếng Nghệ cũng hay lắm chứ. ở đời, đừng có bao giờ nghĩ chỉ có mình là hay, là đẹp, các em à! ".

Giờ thứ ba là giờ chính tả. Ba ông cán bộ Ty giáo dục cùng ngỡ ngác hơn vì thầy dùng toàn giọng Sài Gòn. Lại có phần giống như mọi lần, anh Ngôn trưởng lớp vẫn có tật hay quên và nhanh nhẩu, sau khi thầy đọc một câu dài, liền bật dậy gãi đầu gãi tai, hỏi: "Thưa thầy sung sướng với xấu xa viết như thế nào ạ? ". Nghe anh Ngôn hỏi vậy thầy liền bảo cả lớp buông bút, nhìn lên bảng. Trên bảng đen

hiện lên hai chữ s. và x. to đùng thầy vừa vẽ xong. Nói thầy vẽ là đúng, vì khi thầy hỏi: chữ s. giống con gì, chúng tôi đều đồng thanh đáp là giống con chim.

Và cũng thế, chữ x. giống con bướm." ấy thế thầy nói, miệng tùm tùm, mặt tỉnh không, anh Ngôn nhớ cho thầy: "sung sướng viết ét sì, chữ ét sì trông giống hình con chim, còn xấu xa viết ích xì, chữ ích xì giống hình con bướm. Hay nói một cách ngắn gọn dễ nhớ: sờ chim là sung sướng, xờ bướm là xấu xa. Được chưa nào ". Các chị nữ sinh nháy cảm gục đầu ngay xuống mặt bàn cười ngen. Còn thầy, đi ngay xuống cuối lớp, đến trước mặt ông Sự đứng đĩnh: "Tôi chỉ nhân nhượng anh, một lần này nữa thôi đấy nhé, anh Ngôn". Các anh học trò lớn lớp tôi đều hiểu hàm ý trêu chọc của thầy, nhưng không ai dám quay lại nhìn ông Sự, vì cũng còn đang thú vị về sự ứng đối, liên tưởng thông minh của thầy.

Sấm sét hiển nhiên là sẽ dội xuống đầu thầy Khiển tôi rồi. Chuyện từ miệng học trò, từ mồm hai ông cán bộ tháp tùng loang ra ngoài sân. Bố tôi cũng biết. Bây giờ ông cũng nhận ra là hồi xảy ra câu chuyện tôi cởi truồng ở lớp, ông đã bị ông Chiên xúi dục, kích động. Ông cũng đã có phần nhận ra thầy Khiển tôi không phải là người xấu. Và ông lo ngại cho thầy. Chiên, Sự đều chẳng phải tay vừa.

Quả nhiên, ông phó ty đã chằng chằng nhìn vào hai mắt kính thầy Khiển và nhếch mép, kẻ cả:

- Thế mới biết nàm ông thầy nà khó nắm!
- Ông nói như lời thánh dạy vậy.

Thầy Khiển đáp, tay chập một như là khúm nịnh. Ông Sự chọn mắt:

- Khó nà ở chỗ nào, ông giáo có biết không?
 - Dạ, ở chỗ phải tri kỷ tri bỉ.
 - Cái gì?
 - Phải tri kỷ tri bỉ. Tức là phải tự biết kém cỏi, bỉ tiện của mình.
 - Phải giỏi chính sách! Chính sách! Hiểu chưa!
- Ông Sự quát. Thầy Khiển ngẩng lên, ngập ngừng:
- Vâng phải giỏi chính sách và... chính tả nữa ạ!

Tới đây thì ông Sự không giữ bình tĩnh được nữa. Ông xả một tràng liên tục. Ông kết tội thầy là vô chính trị. Ông nhắc lại lai lịch thầy vốn là dân vùng tề. Ông kể chuyện thầy tán chuyện trai gái buổi đầu nhập học. Ông dựa vào thế kẻ có quyền, lấy cái lý để bắt buộc và cho rằng thầy là kẻ phản nghịch, xỏ lá, ba que, là thành phần bất trị, là quân phá hoại. Suốt một buổi họp ba tiếng đồng hồ nhận lời mắng mỏ, quy kết xối xả nặng nề của ông Sự, thầy Khiển cứ nín thít. Tới khi thấy ông phó ty đã có vẻ mệt, thầy mới rụt rè nhìn ông, hỏi: "Ông đã nói hết chưa ạ" và thầy khẽ khàng rành rọt:

- Tôi từ cha sinh mẹ đẻ, thầy mẹ bán hai mẫu ruộng lấy tiền cho ăn học, chỉ cốt thành người tử tế. Tôi tự nghĩ, trừ cao nhân dật sĩ, thiên tài ra, còn thì kể từ ông giáo trưởng làng như tôi, tới nhà nông canh điền, kẻ chèo đò ngang, anh thợ chữa khóa dong, cũng là sắn sắn như nhau, thì nên coi vui vẻ sống là đức tính hàng đầu. Nước trong là vì nguồn không đục. Lòng có thiện thì mới biết vui cười.

Ông Sự nghe đến đó thì rối trí quá, liền đập bàn, át: "Thôi thực tế sẽ trả lời ông".

Và, thực tế đã trả lời.

Tháng 8 năm đó, vào một ngày nước sông Thi dềnh tới cao điểm, ngập tràn hai bờ, một đàn đacôta Pháp tới ném bom triệt hạ làng tôi. Thiên tai phối hợp với địch họa, thật tàn bạo. Hơn một trăm người chết. Cái phố đông vui trên bến dưới thuyền trống trơn một vùng tóc tang, sau cơn khùng khiếp chỉ còn sót lại mấy cây gạo cụt cành tươi tắn. Thầy Khiển bị sa thải khỏi ngành giáo dục sau trận bom nọ ba hôm. Thầy rộc rạc cả người, sự sống chỉ còn lại đôi mắt kính cận, nhiều lúc ngây đờ như vô cảm. Nhìn cảnh thầy còm nhom, một chiều thu vàng hiu hắt cùng ba đứa con gầy guộc, nước mắt trước mặt mẹ, chúng tôi không sao cầm được nước mắt. Ôi cuộc sống! Chi phối chúng ta không phải là một sức mạnh vô hình. Tất cả đều rất cụ thể và đơn giản đến không ngờ.

Đơn giản như hôm nay ngủ ở đâu, ăn cái gì? Ngày mai ăn cái gì, ngủ ở đâu? Hỡi ôi, người thầy giáo tài hoa, vui tính và nông ngạo đã đem cả sở tri sở thức của mình mà tu bổ dân trí, người sẽ sống thế nào đây trong hoàn cảnh hẹp hòi và khắc nghiệt này? Hay là người rơi vào cơn quẩn trí, tự mình chứng minh cho sự nghi ngại của mọi

người là đúng. Đã gây còm nay thầy thêm choắt cheo lại như thần khí đã vơi cạn, hồn vía đã mất vài phần, thầy ngẩn vơ, vật vờ như cái bóng vô định.

- Tao lo cho thầy quá, nhưng nói với thầy, thầy lại cười khà, đáp: quân tử dựa vào mình, em ạ. Tao đã mua cho thầy một mảnh đất ở cạnh nhà tao, dựng một túp lều cho bốn bố con thầy rồi. Tao chắc là thầy sẽ qua khỏi, sẽ xoay sở được.

Anh Ngôn nói vậy một hôm tôi đến anh từ biệt để theo chú tôi lên tỉnh học tiếp. Cơ sự này, Tây nó sẽ còn cho máy bay bắn phá tiếp, năm học đầu tiên cấp trung học có lẽ chỉ còn lại là những kỷ niệm đầy luyến nhớ với chúng tôi thôi.

- Thôi mày đi. Thịnh thoảng viết thư về thăm thầy. Tin chắc sẽ có những người rộng lượng, biết đánh giá cái tài, cái tâm thật sự của thầy. Anh Ngôn nắm tay tôi rồi lắc lắc, cười ứa lệ.

Tôi xa làng từ đó. Và không ngờ xa thế, cả ba chục năm liền. Cả ba chục năm, khi ngồi trên ghế học đường, lúc trong quân ngũ, vậy mà có lúc nào thôi bồn chồn về số phận thầy Khiển? Con người ta không nhất đán mà thành. Hình thành một con người là cả một công cuộc lâu bền và khi đã hình thành thì con người ta là vĩnh viễn, bất biến. Vẫn biết thầy Khiển là vậy mà vẫn lo âu. Liệu người thầy kính yêu của tôi, con người tài năng, tâm huyết thật sự nọ có vượt qua được cái nhỏ mọn của chính mình và tận đời dị khí tương thù để thoát khỏi kiếp phận long đong?

Cuối cùng thì một khúc sông trắng lặng đã hiện ra trước mắt tôi như để nhắc nhở tôi ý tưởng một cách ngôn cổ đại: người ta không bao giờ tắm hai lần trên một con sông. Tôi bước lên đò ngang, nhập vào đám các bà các chị gánh gồng qua sông sang phố chợ khi người lái đò đã chống mái chèo đẩy con thuyền gỗ khỏi bờ. Người lái đò ! Chợt nhận ra ông trong sừng sốt và không nén được tò mò, tôi cúi xuống bà lão có gánh trầu cau ngồi trên cồng thuyền bên cạnh mình. Bà lão nhỏ bé, da bánh mật, phụng phịu miếng trầu, nghe tôi hỏi, hai mắt như hai hạt bạc, lặn tẩn ánh cười nửa như nhạo báng nửa như vô tư:

- Chẳng ông Chiên thì còn ai nữa! Ông anh ông ấy tên Sự, vừa mất tuần trước. ấy, hùng hùm hỏ hỏ được ít lâu, rồi cuối cùng đầu lại vào đây!

Tôi ngẩng lên, hiêng hiêng mắt nhìn về phía đuôi thuyền. Thuyền đã ra đến giữa dòng và người lái đò chừng đã nghe thấy câu trả lời tôi của bà lão, giờ mới hát hăm về phía tôi bắt chuyện.

Trả lời câu hỏi của ông, tôi là ai, có việc gì mà hỏi ông, tôi đáp: tôi quê ở đây, nhưng giờ họ hàng cha mẹ đã chuyển cư ra tỉnh cả rồi. Tôi về đây là để thăm thầy giáo Khiển. Tôi chính là chú bé can đảm đây. Tới chi tiết này, ông lái đò và cả chuyến đò như sực nhớ, bật cười à à. Và ngay lập tức, như đã nắp sẵn đâu đó trong ký ức người này người nọ, những câu chuyện vui có buồn có về thầy giáo của tôi được dịp sỗ lông, sống động cả lòng thuyền, mặt sông.

Ngắt cái cười đang hồi nắc nẻ, bà lão bán trầu cau hát mắt về phía ông lái đò, đột ngột đay đả mà nhẹ tênh:

-Mà sao anh em nhà ông hành người ta quá thể thể! Không cho người ta dạy học. Người ta chuyển sang làm nghề chụp ảnh, cũng lại lấy có là mua lậu giấy ảnh, để cấm đoán. Người ta chuyển sang nấu kẹo mạch nha, cất tinh dầu bạc hà cũng lại tìm cách triệt vi tróc vẩy. Nhưng mà sinh sự thì sự sinh, hạ được người ta có dễ đâu ông nhẩy!

Cứ tưởng người lái đò bị khích như vậy thì nổi giận. Nào ngờ ông lại chành cái miệng chuột, cất tiếng cười khề khề:

- Nó là cái chuyện đôi địch thì địch lại đây. Bên là thường, bên là chèo. Chẳng bên nào chịu bên nào.

- Sung ngái một lòng, buổi bồng một dạ mà làm sao đỡ trò thăm ngược với nhau thể!

- Bử ời, nó là cái tức khí vật, nông ngao vật, sĩ diện vật, được thua vật. Ông có chữ nghĩa thì khinh ông thất học. Ông thất học thì ganh với ông có chữ nghĩa.

Con đò chệnh mạn tránh một lượn sóng, dẫn qua dòng nước chảy giữa sông. Bỏ qua câu hỏi móc máy đáo để của bà cụ am hiểu sự đời, ông lái đò đứng dậy, nhoai cánh tay đẩy mái chèo và nhìn tôi, chuyển giọng vui vẻ khác thường:

- Chú bé can đảm ời, chú không gặp may rồi. Thầy Khiển của chú vừa qua đò sáng nay. Thầy lên tỉnh đón cậu con trai vừa đỗ tiến

sĩ, trên ấy thầy còn có cô con gái làm Hiệu trưởng trường trung học nữa đây. ở đây, thầy chỉ còn cửa hàng sinh vật cảnh thầy nhờ tôi trông coi hộ thôi.

Tôi đã lên bờ bên này. Ngõ ngang trước một thị trấn làng quê tấp nập, càng kinh ngạc khi đứng trước cửa hàng sinh vật cảnh của thầy Khiển. Si, tùng, trúc bách diệp, thiên tuế, đại lộc bên đào, mai, sủng, lựu. nguyệt quế, ngô đồng, gốc lớn, u nổi sần sùi, mốc mốc, thân thành thanh nhã, cách điệu tranh đua cùng lưới hổ, xương rồng, ngà voi, cúc mốc dáng điệu kỳ cục, lạ mắt. Xanh om cây lá một vùng vừa quần tụ trong chế ngự, vừa quấy động ngoài dằng buộc, cây nào cây nấy gò gẫm mà vẫn tự nhiên, in dấu nét tài hoa của người gây trồng. Tôi đi qua các dáng trực, siêu, hoành, huyền, các thế long giáng, phượng vũ, hạc lập, dừng lại ở một gốc si cổ thụ, thế "phụ tử nương thân" ở đó thân lớn là cha già gốc to, dáng thẳng đứng, thô cứng mà vẫn phảng phất vẻ hồn hậu vui tươi.

Một bà mẹ

Andecxen

Một bà mẹ đang ngồi cạnh đứa con nhỏ. Bà rất buồn vì lo nó chết mất.

Đứa bé xanh rớt, mắt nhắm nghiền đang thoi thóp. Thấy nó rên rỉ rất thiếu não, bà cúi xuống sát mặt nó, lòng se lại.

Có tiếng gõ cửa. Một ông già nghèo khổ, chòm kín trong tấm chăn rách bước vào. Bên ngoài tuyết phủ khắp nơi, gió vun vút quất vào mặt.

Ông già rét run cầm cập, ngồi xuống ru đứa bé. Mẹ nó đương nhóm lò hâm lại cốc sữa. Xong việc bà quay lại ngồi vào chiếc ghế cạnh ông già, nhìn đứa bé ốm yếu vẫn đang thoi thóp thở. Bà hỏi:

- Liệu nó có việc gì không? Thượng đế có tha bắt nó đi không?

Ông già - chính là thần chết lắc đầu một cách khó hiểu. Bà mẹ gục đầu xuống, nước mắt ròn ròn trên gò má. Đã ba hôm nay, bà không ngủ, người rã rời. Bà thiếp đi một tí, rồi chợt rùng mình vì rét bà choàng dậy.

Đâu rồi nhỉ? Bà hoảng hốt kêu lên, mắt nhìn tứ phía. Ông già và đứa con bà biến đâu mất. Lão đã đem con bà đi rồi. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn tích tắc trong xó nhà.

Bà mẹ tội nghiệp vùng dậy chạy ra ngoài gọi con.

Một bà cụ mặc áo dài đen, ngồi giữa đám tuyết trên sân bảo bà mẹ:

- Tôi thấy thần chết mang con chị chạy đi rồi. Lão ta chạy nhanh hơn gió. Đã cướp ai đi, lão không bao giờ mang trả lại.

Bà mẹ khẩn cầu:

- Xin cụ bảo tôi lão đi đường nào. Tôi sẽ đuổi kịp.

Bà cụ đáp:

- Được! Nhưng muốn ta chỉ đường, chị phải hát cho ta nghe tất cả những bài hát mà chị đã ru con chị. Ta đã được nghe chị hát ru con chị nhiều, ta rất thích. Ta là thần đêm tối. Ta đã từng trông thấy nước mắt chị tràn ra khi chị ru con.

Bà mẹ van vãn:

- Tôi xin hát tất cả, sau đó bà chỉ đường giúp để tôi đuổi theo thần chết đòi lại đứa con tôi. Nhưng thần đêm tối chẳng nói gì. Bà mẹ vịn vẹo đôi tay, nước mắt đầm đìa, vừa nức nở vừa hát, tiếng nấc át cả lời hát.

Nghe hát xong, Thần đêm tối bảo:

- Rẽ sang phải rồi đi vào rừng thông tối om kia. Thần Chết mang con chị biến vào đấy.

Đến giữa rừng, gặp một ngã ba, bà mẹ phân vân không biết rẽ trái hay phải. Chỉ có một bụi gai không hoa, không lá, tuyết phủ đầy, cành nặng trĩu là xuống đến mặt đất. Bà mẹ hỏi:

- Có biết thần chết đem con ta đi lối nào không?

Bụi gai trả lời:

- Có nhưng muốn tôi chỉ, bà phải ủ tôi vào lòng cho ấm lên. Tôi đang rét cóng, sắp thành băng đến nơi.

Bà mẹ ôm bụi gai vào lòng để sưởi ấm cho nó. Ngực bà gai đâm toé máu. Bụi gai nóng lại trở hoa xanh tốt ngay giữa đêm đông giá lạnh. Được sưởi ấm rồi, bụi gai chỉ đường cho bà mẹ.

Bà đến một cái hồ lớn, chẳng thấy có một bóng thuyền. Mặt hồ lớp băng mỏng quá không giẫm lên để đi được, nước hồ lại quá sâu không lội qua được. Bà mới cúi xuống để uống hết nước hồ. Bà cũng biết việc ấy là quá sức mình, nhưng vì quá đau khổ. Bà mong thượng đế cứu giúp.

Hồ nước bảo bà:

- Không làm thế được đâu. Ta thương lượng với nhau thì hơn. Tôi rất thích ngọc trai. Hai mắt bà là hai viên ngọc trai rất rất trong.

Bà hãy khóc cho đến lúc rơi hai mắt xuống. Tôi sẽ đưa bà đến một cái nhà kính là nơi thần chết vun trồng các cây hoa, mỗi cây là một kiếp người.

Bà mẹ nức nở, nước mắt tầm tã, hai mắt theo dòng lệ rơi xuống đáy hồ hoá thành hai viên ngọc.

Bà được hồ nước nâng bổng lên và thoát một cái đũa đến một ngôi nhà kỳ lạ, chẳng biết đây là một quả núi với hang sâu rừng thẳm hay là một công trình tuyệt hảo, tuyệt mỹ của con người. Mắt bà không còn nên không trông thấy gì, bà hỏi:

- Có thấy thần chết đem con tôi đi đâu không?

Một bà già canh vườn ươm của thần chết nói:

- Thần chết chưa về đến đây. Bà làm thế nào mà đến được nơi này? Ai đã giúp bà?

- Thượng đế giúp - bà mẹ trả lời - Người đã thương tôi, vậy bà cũng rủ lòng thương bảo cho tôi biết con tôi ở đâu.

Bà già nói:

- Tôi không biết mặt con bà. ở đây nhiều cây lắm. Mỗi cây tượng trưng sinh mệnh một con người. Chúng cũng có tim, tim chúng đập. Bà cứ lại gần các cây, nghe nhịp tim đập chắc bà sẽ nhận ra cây nào mang sinh mệnh con bà. Nhưng bà muốn tôi hướng dẫn thì bà trả ơn tôi cái gì nào?

- Tôi còn gì để cho bà nữa đâu! Bà mẹ trả lời.

- Bà có mớ tóc đen nhánh - bà già nói - bà cho tôi và nhận lại mớ tóc bạc của tôi. Đổi nhau mà.

- Nếu chỉ có thể thôi thì được - bà mẹ vội trả lời, rồi bà trao mớ tóc đen cho bà cụ và nhận lấy mớ tóc bạc.

Hai người bước vào vườn kính rộng lớn của thần chết. Nơi đây có rất nhiều cây cỏ đủ loại. Có những cây mọc lan hương mảnh dẻ, những bông thược dược to và mập mạp. Có những cây mọc dưới nước, cây xanh tươi, cây khô cần, rần quẩn quanh gốc. Đây là những cây cọ, cây tiêu huyền, kia là đám mùi và xạ hương. Mỗi cây mỗi hoa mang một tên người, tượng trưng một kiếp người.

Có những cây lớn trồng trong chậu nhỏ tí đang sắp làm vỡ chậu. Ngược lại có những cây bé con lại trồng trên những vuông đất rộng phủ rêu xanh mượt. Người mẹ đau khổ rạp xuống từng gốc cây,

lắng nghe nhịp đập từng trái tim của chúng. Và giữa muôn vàn trái tim ấy bà nhận ra nhịp đập của trái tim con bà.

- Con tôi đây rồi! Bà reo lên, chìa tay trên một gốc ky phù nhỏ màu lam ôm yếu thân nghèo sang một bên.

Bà già ngăn lại:

- Đừng đụng vào hoa. Cứ đợi ở đây. Thần chết sắp về. Không cho Thần nhỏ cây hoa này.

Ngay lúc đó một làn gió lạnh buốt nổi lên. Thần chết đã đến. Thần hỏi:

- Sao ngươi lại tìm được đến đây? Mà lại đến trước ta?

- Ta là mẹ! Bà mẹ trả lời.

Thần chết vươn bàn tay dài ngoẵng về phía cây hoa mảnh dẻ, bà mẹ vòng đôi bàn tay giữ lấy không cho Thần chết lấy.

- Ngươi không chống lại được ta đâu! - Thần chết nói và hà hơi vào tay bà mẹ, bà thấy lạnh buốt - Ta cũng chỉ tuân theo lệnh của thượng đế mà thôi. Ta trông nom khu vườn của người mang theo những cây cỏ ở đây lên trồng trong vườn của thượng đế theo lệnh người. Còn sau đó trên ấy ra sao ta không biết.

- Giả con cho tôi! - Bà mẹ van xin và định túm lấy tay hai cây.

Thần chết bảo:

- Chớ đụng vào! Ngươi nói rằng ngươi đau khổ mà ngươi lại muốn làm cho một người mẹ khác phải đau khổ hay sao?

Bà mẹ đau thương buông hai cây hoa ra

Thần chết nói thêm:

- Đây là đôi mắt của ngươi, ta thấy lóng lánh dưới đáy hồ ta vớt lên đây. Ngươi hãy nhận lại. Và nhìn xuống đáy giếng gần đây. Ta sẽ cho ngươi biết tên hai đứa trẻ có hai hai bông hoa ấy. Ngươi sẽ thấy rõ cả cuộc đời và quá khứ và tương lai của chúng, thấy rõ tất cả những gì mà ngươi định huỷ hoại.

Bà mẹ nhìn xuống đáy giếng. Bà thấy một trong hai bông hoa ánh lên niềm vui đầy hạnh phúc, còn bông hoa kia thì hoàn cảnh trầm luân, khổ ải.

Thần chết nói:

- Cả hai kiếp hoa đều do Thượng Đế định đoạt cả

Người mẹ hỏi:

- Thế hoa nào là hoa hạnh phúc, hoa nào là hoa bất hạnh?

Thần chết đáp:

- Ta không thể tiết lộ thiên cơ. Nhưng một trong hai bông hoa ấy chính là của con người, là hình ảnh tương lai của nó.

Bà mẹ gào lên:

- Hoa nào trong hai hoa ấy là của con tôi? Hãy bảo cho tôi biết. Nếu đời nó sau này sẽ đau khổ thì hãy mang nó đi, mang ngay về Thiên đường. Xin hãy tha thứ cho những lời tôi cầu nguyện. Xin hãy quên đi tất cả cả, coi như tôi đã mê sảng.

Rồi bà vịn tay vào nhau, quỳ xuống cầu khẩn:

- Xin thượng đế đừng nghe lời con nếu con có cầu khẩn những lời sai trái với ý người.

Rồi bà gục đầu xuống ngực:

Và thần chết mang đứa bé đến cái xứ sở xa lạ ấy.

Thằng cháu đích tôn

Hồ Dzếnh

Chỉ mãi cách đây không lâu, sau mười năm từ ngày ba tôi mất đi, tôi mới kịp nhận thấy lòng thương yêu của người trao cho thằng cháu đích tôn là hợp lẽ. Và, càng chân nhận cái giá trị của tấm lòng yêu thương ấy, tôi càng cảm thấy mình là nhỏ nhen, ích kỷ.

Nó lớn hơn tôi năm tuổi, và mồ côi từ ngày mới biết đi. Đó là một tâm hồn rất lạ, tôi có thể nói là lạ hơn mọi tâm hồn tôi gặp từ trước đến nay. Đó là một đứa trẻ sinh ra trong cảnh túng thiếu, gạo ít, khoai nhiều, để rồi lớn lên dưới một trời binh lửa. Trong cặp mắt thâm và sắc của nó, tôi thoáng thấy vẻ cương quyết thâm kín của một tấm lòng phơi ra trước sự tàn ác của số mệnh, thử thách những nỗi khe khát nhất đời.

Một người khác vào tuổi thằng cháu tôi không thể nào sống hơn những cảnh gian nan như thế: nó đã từng nhịn đói ròn rã trong sáu ngày trời để tránh loạn, và đã từng thăm viếng cảnh mất còn của gia đình sau bao ngày giặc giã.

Cuộc Cách mệnh vĩ đại của đất nước Trung Hoa tôi tin như thế, nếu đã tạo ra những Tôn Dật Tiên, Uông Tinh Vệ, thì nó cũng đã tạo nên thằng cháu tôi, một tâm hồn dạn dày và đau khổ. Có khác là những bộ mặt trên được sáng ngời qua lịch sử, còn cái dưới thì bị chìm đắm trong tối tăm.

Vậy trải những nỗi gian nan quá lớn lao cho một tâm hồn còn bé bỏng, thằng cháu ấy đã đặt chân lên đất nước Việt Nam của tôi - tôi viết rõ: đất nước Việt Nam của tôi - với cái thân hình thô bỉ, tâm tính cục cằn.

Tôi thì còn đương ở thời kỳ yêu những cái gì mảnh dẻ, bé nhỏ, và những bước chân đầu tiên của thằng cháu tả trên dội xuống thêm gạch nhà tôi, đem lại ngay cho tôi sự khó chịu của một người thốt nhiên thấy mình bị ngáng trên con đường đi. Thừa ấy, tôi sống gần như lơ đãng hẳn, nên tôi chưa từng để ý đến những dòng máu thân thiết đương còn chảy trên một mảnh đất khác đây. Hồn tôi chỉ đầy đủ khi nào nó có lẫn một phần lớn linh hồn Việt Nam. Tôi yêu nhớ nước tôi thật, nhưng tình yêu ấy, trước khi gieo vào tôi, phải được lọc qua màu cây xanh thắm vây kín lấy những làng mạc thân yêu.

Đôi phen lòng tôi se lại, nhưng sự se lòng vì một tình cảm khác lập tức được hòa vào trong âm điệu của một thứ tiếng nói âu yếm, cái tiếng nói của trái tim tôi. Ngày xưa, cho đến bây giờ nữa, hồn tôi nhiều lúc bỏ tôi đi, và ánh chừng không tìm thấy phương trời nhất định, lại trở về với tôi, để lại rời xa tôi như thế mãi. Nếu vào những lúc bị phân chia trong cảm tình như thế, có ai hỏi tôi yêu nước Nam hay nước Trung Hoa, thì tôi chỉ còn biết... khóc! Tôi khó mà nói ra đây, cái tâm trạng phức tạp của một người mà huyết quản chứa đựng hai thứ tinh hoa, ngoài sự để cho lòng mình rung động, rung động đến tận cùng vì một tấm tình nghìn đời không có lời phân giải.

Tôi còn nhớ rõ hôm đó, sau buổi học chiều, về nhà, tôi đã thấy cái con người là lạ ấy ngồi xếp bằng tròn lên tấm phản, gần bàn thờ, vây chung quanh là họ hàng, thân thích. Không hiểu sao tôi nghĩ ngay đến một trò lạ mắt, thứ trò vẫn diễn ở ngoài đường của mấy người Tàu mãi võ. Đôi mắt thâm của thằng cháu xa lạ bật lên nhìn tôi, khiến tôi lùi lại. Thấy dáng điệu sợ sệt của tôi, anh tôi cười:

- Ông cháu của chú đấy! Thằng Quán đấy mà!
- Thằng Quán! Thằng Quán là thằng nào?

Tôi nhìn anh tôi, ngờ vực:

- Anh đừng nói dối nữa, ai đấy anh?
- Con anh chị ở bên Tàu đấy. Ba yêu nó hơn mày kia!.

Biết không ai nói dối tôi nữa, tôi mới tin. Nhưng lúc tôi tin là lúc tôi ghét. Một sự ghen tuông nổi dậy, xâm chiếm lấy tôi. Tôi vát sách ra giường, lau nhàu:

- Cháu với chả cháu!

Chạy xuống bếp, tôi phụng phịu hỏi mẹ:

- Sao anh Hai lại bảo ba yêu nó hả mẹ?

Mẹ tôi cười:

- Vì nó là cháu!

- Thế mẹ cũng yêu nó à?

Mẹ tôi biết tôi ghen, nên vừa dịu giọng, vừa lấy tay đánh vào má tôi:

- Con chó con của mẹ thì ai mà ghét được!

Vẫn chưa yên lòng, tôi còn hỏi gặng người thêm:

- Mẹ đừng yêu nó nhé, mẹ yêu con kia! Mẹ thề đi!

Mẹ tôi vụt cười, nhưng cũng chiều lòng tôi:

- Nào, thề nào. Đứa nào mà yêu nó hơn con thì đứa ấy... không ăn cơm nữa!

Từ đấy, tôi gieo cái ác cảm vô lý xuống đầu thằng cháu xa lạ. Tôi hạch sách nó, kèn cựa nó, nhưng về mặt thiết bị lạnh lùng kia vẫn không vì thế mà thay đổi. Mỗi lần tôi có làm quá lắm, thì nó chỉ:

- Chú hay ghẹo cháu lắm!

Đến thế mà vẫn cho là ghẹo, thì chỉ có một mình thằng cháu tôi mới nghĩ được sự đó. Đôi khi tôi gắt lên:

- Cút, cút về Tàu đi! ở đây làm hại ông!

Nhưng nó vẫn lằm lì, suốt ngày. Mẹ tôi bảo nó thâm. Ba tôi cho là nó biết nghĩ. Hình như ba tôi có lý hơn. Nó đi thơ thẩn hết trong sân lại ra đường, mồm lẩm nhẩm đọc những gì không rõ. Tôi hỏi mãi nó mới đáp:

- Cháu học bài!

Tôi lườm lườm:

- Mà thì có mà học ăn!

Tôi gắt, nó im lặng. Và sự này càng làm tôi thêm tức. Thậm chí tôi ngờ nó nịnh ba tôi, để người yêu nó. Nhiều lần đi học về, lên gác, tôi thấy nó nằm sóng xoài bên cạnh khay đèn của ba tôi, không để

hút mà để trò chuyện. Những lúc ấy, nó tươi cười, vui vẻ, nhưng hề thoáng thấy tôi, là im bật.

Ba tôi thường bảo tôi:

- Con làm gì mà xung khắc với nó thế. Chú cháu không biết thì dạy bảo nhau mới phải chứ.

Tôi vâng dạ cho có chuyện. Tôi không dám làm nũng ba tôi nhiều, vì người nghiêm, vì người ít nói. Ba tôi là nước Tàu, nước Tàu bí mật. Lòng mẹ tôi mới thật là cái địa hạt tình cảm của tôi.

Sống với chúng tôi được một năm, khi đã nói hơi thạo tiếng Việt Nam, thằng cháu tôi bắt đầu đi học. ý kiến ấy là của ba tôi. Ba tôi cho rằng nó thông minh, có thể học chữ Pháp được. Hẳn là tôi không thích có người bạn đồng học và đồng hành như thế. Tôi bảo mẹ tôi:

- Nó thì học gì được chữ Tây, mẹ nhỉ?

Mẹ tôi gật đầu đồng ý.

Từ đấy ngày bốn lần, chúng tôi men theo con đường nhỏ hẹp đến nhà trường. Tôi không phải cấp sách nữa. Tôi lấy sự đi tay không là một cái thú của những người trịch thượng và kiêu căng. Thằng cháu tôi không bao giờ biết thẹn. Hắn ứng đáp mạnh bạo những câu hỏi của thầy giáo, giữa bao nhiêu cặp mắt nghịch ngợm mở to ra vì tò mò.

Có nó đi bên cạnh, tôi được cái lợi là thấy lảng ra xa những người bạn trước kia làm tôi kinh hãi nhất.

Tôi ngồi ở lớp ba và cháu tôi, lớp bét. Tôi học hơn nó hai lớp nên tôi nói tiếng Pháp có cơ thạo hơn. Hồi đó, vì chương trình ban sơ học chưa đổi mới như bây giờ, nên một người học trò lớp ba mà biết lõm được mẹo luật chữ Pháp là thường. Nhưng dẫu "tài" đến đâu, tôi bắt buộc phải nhận rằng thằng cháu tôi học tấn tới đến nỗi thầy giáo phải cất nó lên lớp tư cùng trong một năm. Với một khiếu thông minh sắc nhọn, một bản tính ham học và ham biết, nó cơ hồ có thể tiến sát đến bậc học vấn của tôi lúc nào không biết.

Tôi đâm ra lo và... ghen. Nhưng thằng cháu, thằng cháu ghê gớm ấy, vẫn tuân tự tiến, vẫn tuân tự đọc rõ từ quyển sách này sang quyển sách khác. Hắn học chữ Pháp theo lối cổ điển Trung Hoa, nghĩa là dịch bừa sang bên cạnh những chữ nào khó nhớ. Thí dụ như "pơ tí tơ" thì nó chưa sang chữ Tàu là "pồ tí tồ", để dễ nhớ. Không

cần tôi dậy, người học trò lòng đầy hoài bão to lớn ấy vẫn xáo trộn cả Đông, Tây dưới ánh đèn hoa kỳ, để nhấn nạy phá thủng bức màn đen vây bọc chân trời văn chương Pháp.

Bắt đầu từ ngày nghe nó chào bạn bằng một câu tiếng Pháp rất oai vệ, tôi không còn dám khinh nhờn người cháu ấy nữa. Tôi ước đoán rằng, chỉ chậm lắm là một năm nữa chúng tôi sẽ được cùng nhau ngồi một lớp, học chung một thầy, để rồi nó lại bỏ tôi mà đi xa hơn.

Giữa năm ấy, ba tôi mất. Trước khi tắt thở, người vẫn nhắc nhở đến đứa cháu yêu và ân cần dặn mẹ tôi phải chăm sóc nó tử tế. Tuy có lời dặn của người đã khuất, cháu tôi từ đấy sống rất bơ vơ, có lẽ vì nó cảm thấy chung quanh mình sự xa vắng, tuy luôn luôn sống giữa gia đình.

Người cháu đau khổ ấy đã thấy chết lần thứ hai niềm thân thiết nhất trong đời.

Cái chết của ba tôi mở đầu một cuộc sống khác giữa chúng tôi, cuộc sống dần dần trở nên êm ái vì thiện cảm, nhưng đúng hơn là vì lòng xót thương. Khi tôi không còn lòng ghen tị đối với người cháu ấy nữa, thì lại chính là lúc những sự uất ức nổi lên trong lòng nó, sự uất ức mà không một lần nào nó thém thổ lộ ra ngoài.

Như tôi đã có dịp nói trong bài Người chị dâu tôi, nhà tôi hồi ấy, cơm toàn ghé khoai. Riêng phần tôi được một niêu cơm trắng với đĩa cá thu kho; hay giò mận. Những đĩa đồ ăn ngon lành ấy, mẹ tôi thường có ý đẩy lại trước mặt tôi, vì người chỉ muốn có một mình tôi ăn thôi. Cái sung sướng ích kỷ của tôi được diễn ra trong hơn hai năm, và có thể còn diễn ra được mãi, nếu không có một lần...

Một lần, thằng cháu tôi mua hai xu kẹo trước bữa cơm. Nó nói thầm với người nhà là ăn cho chắc bụng, vì ăn cơm khoai mãi đã chán đi rồi. Nghe chuyện, và từ đấy, tôi xóa cái phần cơm ích kỷ trên kia đi, để chịu chung sự khó nuốt với những người chung quanh.

Ngày tháng lạnh lùng qua...

Nhà quê An Nam như một tấm lòng hiền từ rộng mở, nhà quê An Nam niềm nở, thân thiết tiếp đón chúng tôi, vào lúc mà tương lai chỉ là sự mù mịt, còn dĩ vãng thì lưu lại những dấu vết đau lòng. Chúng tôi sống những ngày tàn ở đấy, như nhà ẩn sĩ vui quên những

sự bất đắc chí một thời. Cái cảm xúc lần đầu nhận được ở hoàn cảnh, tôi đem hòa nó vào tình yêu thiên nhiên, và tôi khẳng khít giữ lấy từng mẩu kỷ niệm của thiếu thời, do đấy, lòng thương sâu xa đất nước Việt Nam.

Sau ngày ba tôi mất đi, cảnh túng thiếu của gia đình tôi lại càng rõ rệt. Mẹ tôi lo lắng trăm nghìn công việc, đến quên cả chăm nom sự học của chúng tôi.

Không ai bảo ai, thằng cháu kể trên và tôi cùng biết thu ngắn những hàng chữ trước kia hoang toàng trên mặt giấy. Chúng tôi bắt đầu bỏ những cái gạch ở dưới mỗi bài học đi để được lợi thêm một hàng chữ. Không phải vì nhà tôi nghèo đến nỗi không mua cho chúng tôi được một thếp giấy, nhưng vì chúng tôi thấy sự x in tiền mua vở là một điều khó khăn.

Nếu cái gạch trí khôn thường được nảy ra trong những lúc nguy biến, thì chính trong cảnh nghèo khó, các sáng kiến của người ta mới được dịp đâm chồi. Thằng cháu thân yêu của tôi biết tự may lấy quần áo mặc, bằng cách phá bốn cái quần đùi một lúc để làm thành một cái quần dài. Nó đem những bẹ cau, bẹ dừa, đóng thành dép, thành những đôi giày Tàu xinh xinh một cách bất ngờ. Nó trau dồi "nghệ thuật", cần mẫn và tinh vi đến nỗi tôi tưởng sau này ra đời, nó sẽ không cần mang một chút ơn nào của nhân loại.

Duy có giấy tây là nó không chế ra được. Một hôm nó bảo tôi:

- Chú có giấy trắng cho cháu mấy tờ.

Tôi hỏi lấy giấy làm gì, thì nó không đáp. Vài ngày sau, giờ vở học của cháu, tôi thấy những tờ giấy tôi cho được dán nối sau mấy trang viết đặc chữ, cái mưu mô tuyệt hảo làm dài hạn hết của những quyển vở ở đám học trò nghèo.

Một hôm khác, đương buổi học, tôi được thầy giáo bên lớp ba cho gọi sang. Thầy vừa bảo tôi, vừa chỉ thằng cháu đương quỳ ở cuối lớp:

- Có phải thằng này là cháu anh không? Sao anh không bảo nó mua giấy đóng vở học?

Tôi sợ quá, không biết đáp thế nào thì thầy đã tiếp:

- Tôi bảo nó mua vở tất cả bốn lần, mà vẫn chưa có. Nếu chiều nay không có nữa, thì đừng trách tôi ác nhé! Rõ đồ Tàu!

Câu nói sau cùng vừa hết, tôi thấy nổi dậy trong lòng nổi công phẫn, cái đau đớn khi có người - dẫu là người trên - chạm đến quốc thể tôi. Tôi nói:

- Thưa thầy, sách vở nó thiếu, để con mua. Nhưng thầy đừng mắng chúng con như thế thì hơn.

Giọng tôi nói hơi bướng làm thầy đỏ mặt. Và, tiếp theo câu mắng: "Đúng là đồ... Tô Định!!" một tờ giấy kê khai rõ tội tôi gửi lên ông đốc trường. Tôi bị phạt về tội hỗn, bị quỳ hơn hai tiếng đồng hồ. Lần đó là lần đầu trong đời học sinh, tôi cảm thấy sự vui vẻ trong lúc chịu phạt.

Chiều về, tôi hỏi cháu:

- Sao cháu không mua vở, để thầy giáo phạt cho?

Cháu tôi đáp, lạnh lẽo:

- Nhưng cháu sợ xin tiền bà lắm!

Chỉ một câu trả lời vắn tắt ấy thôi, nhưng nó đã làm tôi cảm động bao nhiêu, vì tấm lòng hy sinh và nhẫn nại của cháu, nếu sự hy sinh và nhẫn nại ở đời này có thể dùng để xứng đáng chỉ những hành vi cao quý, cao quý ở chỗ nó rất đơn giản, tầm thường.

Cách đây một năm, chúng tôi xa nhau, và cháu tôi đã học đến lớp nhì. Tôi bỏ căn trường nhỏ, bỏ khu làng thân yêu, đi học xa, để trau dồi cái học thức mà càng ngày tôi càng thấy thiếu thốn, nghèo nàn.

Rồi cháu tôi cũng thôi học nốt. Nó xoay ra đi làm, sống cái đời của những người Trung Hoa không nề hà sự khó nhọc, sáng quét hè, chiều lên cửa, không cần biết đến số tiền lương nhiều lắm là ba đồng, khi mới bước chân vào học việc.

Mấy năm sau, cháu tôi đã tậu được một ngôi nhà nhỏ, đã lấy vợ, và sinh con. Cuộc đời khe khắt như lòng người, thô sơ như manh áo vải sọc, đã bị lùi trước sức kiên nhẫn, chịu khó của những người tản mát ở khắp mặt địa cầu, ở bất cứ một nơi nào có khói.

Tôi không thể như các bạn đồng bang, không thể như thằng cháu thân yêu của tôi được. Tôi không muốn để cho kinh nghiệm nắm chặt tay tôi đi trên đường đời. Tôi là một đứa trẻ dại, chạy theo con đường thênh thang của lòng sở thích, ngã nhiều lần, rồi lại gượng đứng dậy, trên mặt đầy nước mắt, trong lòng đầy đau thương. Nhưng

tôi cảm thấy thanh thú vô cùng, khi cái gai hoa hồng đâm rách da, khi con bướm thân yêu trên tay tôi tan thành phấn, khi tôi được khóc vì những sự điên dại, ngang trái của đời mình.

Cháu tôi - lúc này đã là cha của hai đứa con - thường bảo tôi:

- Sao chú không chịu gây dựng cuộc đời, cho bà vui lòng? Chú học giỏi, chú có thể đi làm việc nhiều tiền.

Tôi đưa mắt nhìn hai vợ chồng đứa cháu yêu quý, công kênh thêm hai đứa con, rồi trả lời, nhưng hình như trả lời cho chính tôi thì đúng hơn:

- Cháu ạ, gây dựng trong cuộc đời, là điều tốt; nhưng phá hoại vì văn chương, sự ấy cũng không kém vinh hạnh gì. Cả hai cùng chứng rằng ta đã sống.

Sơn ca và nụ hồng đỏ

Oscar Wilde

"Nàng hứa sẽ khiêu vũ với tôi nếu tôi đem đến cho nàng những cánh hồng đỏ," Một Sách than van; "nhưng tìm đâu ra trong khu vườn này".

Sơn Ca nghe thấy, nàng nhìn qua tàn lá cây sồi. Trầm ngâm. "Không có cánh hồng đỏ nào trong khu vườn này!" hấn đầm ngực, long lanh giọt nước mắt trên đôi mắt đẹp. "Ôi, hạnh phúc chỉ cần cái chuyện con con ấy! Ta đã đọc ngàn chân kinh, ta đã thông tất cả bí mật triết lý, vậy mà chỉ vì cánh hồng bé tí xiu làm đời ta khốn khổ." "À đây là người chân tình," Sơn Ca nhủ thầm. "Hằng đêm ta đã hát vì chàng, cho dù chẳng biết chàng là ai, hằng đêm ta kể kể chuyện đời chàng cho các vì sao trên cao, và hôm nay ta được thấy chàng. Tóc chàng thấm cụm lan dạ hương, môi chàng thấm tựa niềm khao khát; nhưng dục vọng làm da mặt mất vẻ hồng hào, nỗi đau buồn chiếm ngự trên đôi ngài."

"Hoàng Tử sẽ tổ chức dạ hội vào đêm mai," Một Sách lâu bầu, "người con gái tôi yêu sẽ đi cùng tôi. Nếu tôi tìm ra được cánh hồng đỏ, nàng sẽ bên tôi cho đến sáng. Có cánh hồng đỏ, tôi ôm nàng trong vòng tay mê, nàng sẽ tựa đầu vào vai tôi, những ngón tay mềm mại đan vào nhau. Nhưng nào có nụ hồng đỏ nào nơi đây, tôi đành phải ngồi không, và nhìn nàng đi qua. Nàng sẽ không thêm ngó ngang đến trái tim vỡ của tôi."

"Trời ạ! Đây đúng là kẻ chân tình," Sơn Ca tự nghĩ. "Những gì ta ca tụng lại là điều đau khổ của chàng. Tình Yêu tuyệt vời lắm chứ. Đáng trân trọng ngàn lần hơn bích ngọc, và những viên hột xoàn. Hạt trai và tất cả đá quý cũng có mua được đâu, vì nó có được trưng bày rao bán ở xạp nào đâu. Chẳng thể nào mua được tình yêu nơi tay con buôn, cũng chẳng thể cân bao nhiêu tấn vàng cho vừa. "Những tay nhạc công đại tài sẽ hiện diện," Một Sách than thở, "và tấu lên những cung nhịp du dương, người con gái tôi yêu cùng tôi lả lướt trong âm hưởng phong cầm và vĩ cầm. Đôi chân nàng sẽ nhẹ như tơ trên sàn nhảy, với tất cả thềm thuồng của kẻ tham dự. Nhưng nàng sẽ bỏ rơi tôi, vì tôi không có cánh hồng đỏ trao cho nàng"; hấn ngã người xuống bãi cỏ, ôm lấy mặt và khóc.

"Tại sao hấn khóc vậy?" Mối Xanh chống đuôi lên hỏi.

"Nguyên do từ đâu?" Bướm phẩy đôi cánh dưới ánh mặt trời.

"Ừ nhỉ, vì sao vậy?" Tím Đại thâm thì hỏi chị hàng xóm.

"Chàng khóc vì không có cánh Hồng Đỏ," Sơn Ca trả lời.

"Cánh hồng đỏ?" Chúng thốt lên; "có điên không vậy!" Mối Xanh lăn ra cười.

Nhưng Sơn Ca hiểu rõ u uẩn của Một Sách, nàng ngồi yên lặng trên cành sồi, thả hồn vào bí ẩn của Tình Yêu. Nàng vỗ đôi cánh nâu thẳng lên không trung. Tựa chiếc bóng, nàng vun vút bay vào Lạc Viên. Giữa bãi cỏ là cội hồng thật duyên dáng.

"Hãy cho tôi 1 nụ hồng đỏ," Sơn Ca van lơn, "và tôi sẽ hát cho ngài nghe bài ca ngọt ngào nhất."

Nhưng Cây lắc đầu.

"Hoa của tôi lại màu Trắng," hấn trả lời "trắng như bọt biển, trắng hơn tuyết băng đỉnh núi. Nhưng hãy đến hỏi người anh em của tôi ở cạnh Đồng Hồ, có thể người ấy cho bạn nụ hoa bạn muốn."

Và Sơn Ca bay đến cụm nọ.

"Hãy cho tôi 1 nụ hồng đỏ," Sơn Ca cầu khẩn, "và tôi sẽ hát cho ngài nghe bài ca ngọt ngào nhất."

Nhưng Cây lắc đầu.

"Hoa tôi lại màu Vàng," hấn trả lời "vàng tựa tóc mỹ nhân ngư ngự trị trên gai vàng, vàng hơn cả loài thủy tiên vàng nở rộ trên đồng cỏ trước khi loài người đem lưới liềm ghé thăm. Nhưng bạn hãy

đến người anh em ở dưới cửa sổ Một Sách, có thể người anh em ấy cho bạn nụ hoa bạn ao ước."

Và Sơn Ca bay đến cụm nọ.

"Hãy cho tôi 1 nụ hồng đỏ," Sơn Ca cầu khẩn, "và tôi sẽ hát cho ngài nghe bài ca ngọt ngào nhất."

Nhưng Cây lắc đầu.

"Hoa tôi màu Đỏ," hân trả lời, "đỏ tựa đôi chân bồ câu, đỏ hơn những tàn lá san hô ẩn hiện dưới sóng. Nhưng mùa đông đã bóp nghẹt đường tĩnh mạch, sương giá cắt hết nụ, và cơn bão đã lấy đi những cành non, thế nên tôi không có gì để tặng bạn cho đến năm sau."

"Chỉ một nụ thôi," Sơn Ca năn nỉ, "chỉ một nụ thôi! Có cách nào không?"

"Có chứ," Cây trả lời, "nhưng đau thương đến nỗi tôi không muốn nói bạn nghe."

"Nói cho tôi nghe đi," Sơn Ca reo lên, "Tôi không ngán đau."

"Nếu bạn muốn nụ Hồng Đỏ," Cây nói, "bạn phải dùng âm tơ của Trăng, trộn lẫn máu tươi của bạn. Bạn sẽ phải hát với lồng ngực để sát cạnh gai nhọn. Hát trọn một đêm, và để gai nhọn đâm nát vào trái tim bạn, để máu nguồn chảy vào tĩnh mạch tôi biến thành máu tôi."

"Cái chết là cái giá cũng xứng đáng cho một nụ Hồng Đỏ," Sơn Ca thản nhiên trả lời, "sự sống cũng rất ư là thân mến với muôn loài. Ngồi bên rừng xanh, ngắm mặt trời vàng, cùng trăng ngọc lăn tròn qua ôi sao lộng lẫy. Hương hoa chuông và hoa chanh nở trong góc vườn ôi sao ngọt ngào. Tình Yêu mãi mãi, dù đời sống có ngừng lại, trái tim loài chim có đáng là gì so với trái tim loài người?"

Xò rộng đôi cánh nâu bay bổng lên. Sơn Ca lướt quanh mảnh vườn như chiếc bóng, nghiêng nghiêng làm chiếc bóng qua khu rừng nhỏ.

Một Sách vẫn nằm thừ ra trên bãi cỏ. Trên đôi mắt đẹp vẫn chưa khô dòng nước mắt.

"Hãy vui lên," Sơn Ca reo, "sống trong hạnh phúc đi; anh sẽ có nụ Hồng Đỏ. Tôi sẽ nhuộm máu tim tôi vào tơ Trăng. Tôi chỉ xin bạn một ân huệ là bạn sẽ đẹp duyên cùng người chân tình, vì Tình Yêu

sáng suốt hơn Triết Lý, vì nàng là trí tuệ, oai hùng hơn Quyền Lực, vì chàng là sức sống. Đôi cánh rực rỡ nồng nàn là hình hài Tình Yêu. Đôi môi chàng ngọt tựa mật, thơm tho hương trầm.

Một Sách từ bãi cỏ ngơ ngác nhìn lên, nghe ngóng, nhưng gã chẳng hiểu gì cả. Những quyển sách kia chưa bao giờ có ai đề cập đến ý tưởng vừa lọt vào tai hắn.

Nhưng Sồi thấm hiểu và xót xa, vì niềm yêu mến Sơn Ca với chiếc tổ nhỏ được kết trên ngọn Sồi.

"Xin em hát cho anh nghe bài ca cuối cùng," Sồi thì thầm; "anh sẽ rất cô đơn khi vắng em."

Sơn Ca cao giọng líu lo nồng nàn men rượu tắm.

Vừa nghe Sơn Ca hát xong, Một Sách đứng dậy lôi trong túi ra tập giấy và cây bút.

"Nó có hình dạng," gã vừa lăm bắm vừa bước vào khu rừng nhỏ -- "khó mà lẫn lộn với loài chim khác; nó có tình cảm không? Chắc là không đâu. Nó tựa như người cuồng điên trong nghệ thuật; có đủ cung cách, chỉ thiếu niềm thiết tha. Chẳng bao giờ nó sẽ hy sinh cho ai. Nó chỉ đắm đuối trong âm điệu, và ai cũng biết nó rất ích kỷ. Nhưng phải công nhận giọng ca của nó tuyệt vời. Tiếc thay điều đó chẳng mang đến lợi lộc gì, chẳng nghĩa lý gì, chẳng làm được trò trống gì!" Gã trở về phòng, nằm trên nệm và suy tư về người yêu. Hắn đi vào giấc ngủ hồi nào không hay.

Khi thấy Trăng lấp ló trong màn đêm, Sơn Ca cất cánh đến cành Hồng, ôm ghì buồng ngực vào gai nhọn. Nàng hát cả đêm từ tình ca này đến hạnh khúc kia. Sau mỗi bài, chiếc gai nhọn lại xuyên vào sâu hơn và sâu hơn vào trái tim để nguồn máu lăn lăn vào cội hoa. Ánh trăng lạnh nghiêng xuống.

Nàng hoan tụng tình đầu trong trái tim 2 đứa trẻ thơ. Ô kia, cánh hồng dần đỏ hồng từng cánh sau từng bài hát tiếp lời ca. Sơn Ca dần lịm đi tựa vùng khói trên mặt hồ -- lịm dần đi dưới đôi chân bình minh.

Cội Hồng thét lên bảo Sơn Ca ôm ngọn gai chặt hơn nữa. "Ghì sát hơn, Sơn Ca bé bỏng, nếu bình minh đến sẽ làm hỏng đi nụ Hồng Đỏ chưa được hoàn thành."

Sơn Ca vâng lời, ôm chặt lấy ngọn gai, cùng ca giọng hơn sau từng ca khúc, vì đến lúc hoan tụng nguồn khởi đầu sữa mật đam mê trong lòng Chàng và Nàng.

Lá hồng cũng dần ửng hồng tựa như niêm e thẹn trên đôi má người trinh nữ đón nụ hôn đầu của người yêu. Gai vẫn chưa chĩa vào được tâm trái tim, nên những cánh nhỏ giữa nụ vẫn là màu trắng của trăng.

"Ghi sát hơn, Sơn Ca bé bỏng, nếu bình minh đến sẽ làm hỏng đi nụ Hồng Đỏ chưa được hoàn thành."

Sơn Ca dùng hết sức ôm chặt ngọn gai vào sâu hơn. Chợt nổi đau vô tận xé tan hình hài nàng. Đắng, đắng sao niềm thống khổ, tiếng hát cứ cao vút lên, cao vút lên trong lời hoan tụng Tình Yêu nường vào Cái Chết đi vào Vĩnh Cửu, vì nơi Tình Yêu an nghỉ không phải là những năm mộ hoang.

Nụ Hồng Đỏ thắm nét đẹp áng sáng bình minh. Giữa tâm hoa rực rỡ trong vắt viên hồng ngọc.

Giọng Sơn Ca yếu dần, đôi cánh giật giật, đôi mắt là làn nước long lanh. Bài ca dần nhỏ đi sau từng tiếng nấc.

Gom hết tàn hơi, Sơn Ca phát lên âm giai lạ. Trăng nghe thấy, chẳng màng ánh bình minh nghiêng xuống lắng nghe. Nụ Hồng Đỏ nghe thấy, rung mình lên trong ngây ngất, mở từng cánh trong bầu trời lạnh giá. Âm giai vọng xa đến từng hang hốc ngọn núi kia, đánh thức những gã chăn cừu đang say sưa giấc mộng. Nó loang vào dòng sông, tan vào biển rộng.

"Nhìn kìa! Nhìn kìa!" Cội Hồng reo lên, "nụ Hồng Đỏ đã được hoàn thành"; nhưng Sơn Ca nằm im lìm chẳng trả lời. Giữa trái tim còn lồi lên một cánh gai rất nhọn.

Giữa trưa, Một Sách thức giấc, ra mở cửa sổ nhìn ra.

"Ô! trùng số rồi!" hấn la toáng lên; "đây là lô độc đắc! Ta chưa bao giờ nhìn thấy nụ hoa nào đẹp như vậy trong suốt cuộc đời ta. Đẹp quá! Chắc là phải có danh tự trong quyển tự điển cổ xưa"; hấn nhoài ra cất.

Nắm chặt trong tay, hấn vội vàng chạy đến nhà nàng.

"Em hứa là sẽ trong vòng tay anh nếu anh đem đến em nụ Hồng Đỏ," Một Sách cuồng dại. "Đây là nụ Hồng đỏ nhất em có thể có

trong cõi nhân gian này. Em đính lên áo cạnh tim em, và khi chúng ta luân vũ, nụ hoa này sẽ nói lên tình yêu anh dành trọn vẹn cho em."

Nàng xịu mặt xuống.

"Em sợ là nó không hợp với áo dạ hội của em," nàng trả lời; "và lại, chiều hôm qua cháu trai bá tước đã trao tặng em những vòng vàng châu báu, ai ai cũng trân trọng hơn là những nụ hoa."

"Dựa trên lời em nói, em là kẻ vô ơn," Một Sách gầm gừ; hắn vút cánh hoa xuống đất, rơi vào rãnh nước. Chiếc xe bò vô tình lăn bánh lên.

"Vô ơn!" nàng lớn tiếng. "Để tôi nói cho anh nghe, anh là kẻ tồi bại; còn nữa, anh là cái thá gì? Chỉ là con Một Sách. Cả đến một đồng anh chưa chắc đã có nữa là!"; nói xong, cô nàng nguây nguẩy vào nhà sập cửa lại.

"Tình Yêu sao lại điên rồ thế nhỉ," Một Sách vừa đi vừa lầm bầm. "Trị giá của nó chỉ đáng nửa so với Luận Lý, vì nó chẳng minh chứng được điều gì, chỉ láo lếu phỏng đoán những điều chưa chắc đã thành sự thật, làm mù quáng đôi mắt con người. Hảo huyền, thời buổi này thực tế là tất cả. Trở lại thế giới Triết Học và Thần Học là phải đạo nhất."

Và ... hắn trở lại phòng riêng, phủ bụi một quyển kinh lấy ra từ trên kệ, ngồi xuống chìm đắm trong dòng chữ.

Con gái lão hàng phở

Vi Thùy Linh

Đó không phải là một cô gái béo tròn và thực dụng. Cô tên là Hương, 19 tuổi, mảnh mai và mơ mộng. Cô là con gái lão hàng phở ở phố tôi.

Quán phở Thới ngon nổi tiếng phố Giảng Võ và hầu như không ai sành phở mà không biết quán đó. Lão Thới chỉ khoảng hơn năm mươi tuổi. Còn trẻ chán. Thế mà đã bị gọi là "Lão" từ lâu rồi. Một người với cái bụng tròn như nồi nước phở, bộ mặt đỏ phừng phừng như thịt bò tươi và giọng nói lúc nào cũng như quát, không ai ngờ lại là bố của "hoa khôi phố" Kiều Hương.

Tôi vẫn thường gọi đùa cô là "nàng Tây Thi bán phở". Đây là do tôi nhớ đến "nàng Tây Thi đậu phụ" trong truyện "Cổ Hương" của Lỗ Tấn, nghe chua chát quá, nhưng mà thật như dao chém thớt. Và chính tôi cũng không nghĩ rằng, sẽ có lúc mình đưa Hương từ đời thực vào truyện ngắn. Bởi vì... bởi vì... tôi cũng thầm yêu Hương...

Tôi ở sát nhà Hương, hai cái nhà 3 tầng sát nhau, phòng Hương và phòng tôi cùng ở trên tầng 3. Nhà tôi mới chuyển đến đây khoảng nửa năm, nhà Hương thì ở đây từ rất lâu rồi.

Tôi thường đem cái "cơ sở luật" bé tí của mình để so sánh, để hỏi chính tôi. Sao Hương không học Đại học? Sao Hương cứ ở nhà bung phở, lấy bánh phở ngày này qua ngày khác? Sao Hương... lại là

con gái của lão Thới? Hương không giống lão về tất cả...? Sao... nhưng rồi cái "cơ sở luật" của chàng sinh viên 19 tuổi đang học năm thứ nhất trường luật - là tôi - không tìm được câu trả lời chính xác, và tôi quyết định phải tìm hiểu!

...Hương là con gái út của lão Thới, vợ lão cũng ở nhà bán phở. Lão muốn vậy chứ cả mẹ con Hương đều không muốn ở nhà để từ sáng đến trưa, từ chiều đến đêm không thoát nổi bát đĩa và hàng trăm công việc của một hàng phở đông khách.

Tôi cũng bận nhiều việc lắm, nào là đi học, nào là viết báo, cũng chẳng mấy khi đi chơi với chúng bạn. "Thì mình có hơn gì Hương", tôi vẫn nghĩ, "cũng suốt ngày công việc, thậm chí trong mơ cũng thấy mình đang chạy hồn hên nữa".

Lũ bạn tôi vẫn tám tặc: "Nhất mày! Này nhé nhà mặt phố, bố làm "côm", xe "người tình trăm năm" (xe Angel 80 ấy mà), trai một... Ồi em "xin chết"! Tôi ngấm lại mình. Ờ chúng nó nói đúng. Bố tôi là giám đốc Trung tâm đào tạo của Đài truyền hình Việt Nam. Mẹ là giảng viên đại học. Và tôi, đổ vào trường Luật dạng "thám hoa", chứ có phải kém cỏi gì đâu. Giờ lại còn làm trưởng lớp một lớp nổi nhất trường cũng oách nhưng chưa thấy "chết" ai cả, tôi chẳng chú ý lắm đến các cô gái điệu dàng và hơi hợm nhan nhản quanh mình, những người với hàng mớ suy nghĩ thực dụng luôn dễ dàng "bay hơi" như nước phở.

...Hương học hết cấp III rồi ở nhà bán phở với bố mẹ Lão Thới có 3 đứa con gái, hai chị đi lấy chồng cả, còn có mình Hương. Hương hiền lành và cam chịu quá, tôi vẫn thầm trách. Nếu tôi là Hương, không bao giờ tôi chịu làm bồi bàn đến thế. Tôi nghe nói, lão Thới ít học nên không thích "con hơn cha", thế mới lạ. "Cho chúng mày học hết cấp 3 là tốt lắm rồi. Thời xưa, các cụ đâu có cho con gái đi học nhiều, biết chữ lắm để viết thư cho giai à. Hai chị mày đi lấy chồng xong rồi, còn mày thì khoan khoan. Để tao xem thằng nào khỏe mạnh, chăm chỉ đã..." Lão Thới bảo Hương.

Tôi chẳng phải loại chăm chỉ, đi suốt ngày, có mẹ làm hết. Còn khỏe kiểu "vai u thịt bắp" tôi không có. Tôi cao mét bảy, nặng 58 kg, cũng hơi gầy. Nhưng "trí thức" thì phải thế, tôi tự an ủi, có phải thợ xẻ đâu mà...

Tôi thường vào ăn phở ở nhà Hương, chọn cái bàn trong góc, tôi thích quan sát mọi người, và ngồi đó để tiện ngắm nhìn Hương. Hương mặc toàn đồ bộ, người cao, trắng và môi rất đỏ. Và giọng nói, ôi, giọng nói Hương trong trẻo và ngọt ngào làm sao, nó làm người nghe muốn nghe mãi.

Hương dậy sớm, đi lấy bánh phở, còn thịt thì người ta mang qua nhà. Rồi về lau chùi bàn ghế, bung phở, rồi lại bung bát đĩa đi rửa, rồi lại lau chùi... cứ thế ngày qua ngày. Một cuộc sống quá đơn điệu. Thì cũng khác gì cuộc đời mẹ Hương và của hai chị gái Hương lúc còn ở nhà. Tôi kinh ngạc trước sự chịu đựng của họ.

Mẹ Hương ít khi xuất hiện. Bà thường làm việc ở gian trong, nấu nướng dọn dẹp trong đó, chỉ khi quán quá đông khách bà mới xuất hiện. Lão Thới không muốn thuê thêm người làm, lão bảo: "Hay gì cái bọn "ô sin" ấy, nó cuỗm của mình lúc nào không biết!" Thế là cuộc sống đơn điệu ấy hút người Hương, như chồng bát cao hơn cô khi cô cúi xuống rửa chúng...

Chiều chiều, Hương ngồi lặng lẽ ngắm nhìn dòng người lại qua, đôi mắt lúc nào cũng mở to như chờ đợi, như mong muốn. Có những đêm khuya, tôi thấy đèn phòng Hương vẫn sáng, Hương viết gì đó say sưa lắm.

Rồi tôi biết Hương đã yêu. Không phải yêu tôi mà là một người khác. Anh ta hơn gì tôi chứ? Đẹp trai hơn tôi một chút, chẳng lẽ Hương thích hình thức? Anh ta mặc chải chuốt hơn tôi, đi xe Dream II, nhưng vẻ hào nhoáng không che nổi con người bên trong. Nhìn kiểu đi đứng, ăn uống là biết.

- Mày đứng đàn ra đây à ? Khách vào kia kìa!

Tiếng cẩu bần của lão Thới cắt ngang dòng suy nghĩ, tôi giật mình. Anh ta đến. Hương trở nên vui vẻ, hoạt bát hẳn lên. Cô bung bát phở nghi ngút khói đến cho anh ta dù tôi đến trước. Và cô nói gì đó rất dịu dàng. Một lát sau, Hương bung phở đến cho tôi. Đặt bát xuống. Hương nói nhanh "Của anh này!" rồi quay sang phía anh chàng kia đến nỗi tay suýt gạt đổ bát phở.

Ngày lại ngày như thế. Tôi yêu Hương và tôi muốn thời gian "chín" hơn, khi ấy tôi mới thổ lộ. Hương yêu anh ta, còn anh ta thì có đáp lại đâu. Hay anh ta không biết ? Chiều thứ bảy tuần trước mấy

thằng bạn thân ở lớp đến rủ tôi đi chơi. Bọn nó bảo ở quán sân ga đường Lê Duẩn (quán sinh viên) tối nay vui lắm, có nhiều "hội" trường khác đến hát nhạc sống. Tôi hỏi bọn nó vì dịp gì mà "xôm trò" vậy, mấy tên cười khì khì: thích thì quây, thế thôi.

Tôi định không đi, nhưng chúng nó rủ "quyết liệt" quá thế là tặc lưỡi. Đi qua nhà Hương, tôi dừng lại nhìn Hương. Hương đang chống tay ngồi bên bàn sát cửa. Chúng tôi nhìn nhau, Hương thoáng bối rối rồi quay vào. Tôi hút ánh mắt theo... thằng Long đập vai, bảo: "Đi, mày! Mê rồi chứ gì, "đón" đi!" Mấy đứa kia đồng tình: "Đón!" rồi cười ré lên và cả lũ phóng đi.

Hương quá mơ mộng và đã ảo tưởng về anh ta. Có lẽ, cô nghĩ đây là chàng hoàng tử của mình. Tôi cũng rất thích truyện cổ tích và hay đọc lắm, nhưng hồi nhỏ thôi. Bây giờ thì không, tôi biết rằng nếu người ta quá tin, huyền hoặc điều gì mà không thể thành hiện thực thì có thể sẽ bị nạt vì thất vọng và hụt hẫng. Tôi đã nhìn thấy Hương say sưa đọc "Truyện cổ tích An-dec-xen" trong lúc ngồi rồi. Câu chuyện nghìn lẻ một đêm chẳng bao giờ kết thúc cả, tôi tin thế, sẽ lẻ đến vô cùng...

Sáng hôm qua, tôi đến quán phở Thới. Và anh ta cũng đến. Chúng tôi luôn giáp mặt nhau. Anh ta nhìn tôi khiêu khích với đôi mắt lừ lừ cố hữu. Và tôi nhìn về Hương...

Hương bưng bát phở nóng đến một bàn trống góc phòng, tôi ở góc bên này quan sát. Nhưng Hương không chú ý tới tôi. Cô tháo chiếc nhẫn vàng tây bên tay trái thả vào bát phở. Mặt cô đỏ hồng, ánh mắt long lanh như hồi hộp, vui sướng mang phở đến bàn kẻ - đôi lập - của tôi. Lúc ấy quán chưa đông tôi cố gắng nghe xem Hương nói gì.

- Mời anh. Anh ăn đi.

Câu nói của Hương là thế, Hương đã nói với anh ta bao nhiêu lần? Tôi bực và giận, giận mình, giận Hương và giận cả những gì chưa đến. Tôi định đứng dậy đi về thì Hương mang bát phở nóng đến bàn tôi.

- Anh ăn đi!

Cũng lại "Anh ăn đi!", trời ơi, nhưng mà Hương nói nhanh như "khoán" vậy. Tôi ăn chậm rãi nhìn Hương đang đứng phía cửa trong,

và nhìn anh ta. Đến miếng cuối cùng, tôi thấy anh ta dùng thìa múc thật nhanh và đưa lên miệng. Tôi đoán anh ta đã ngậm chiếc nhẫn. Hương thì vui sướng. Anh ta đưa tiền rất nhanh cho bố Hương rồi nhảy lên xe máy rồ ga.

Tôi biết Hương đang tư huyễn hoặc về anh chàng kia và thực hiện câu chuyện cổ tích của mình. Giống như công chúa nào đó bỏ nhẫn vào bánh để bày tỏ tình yêu...

Và sáng nay, tôi quyết định đi ăn phở dù tôi rất ngán phở. Vì chỉ muốn đến quán phở để nhìn Hương mà tôi ăn phở liền hàng tháng nay. Tôi ngồi chờ đợi anh ta, chờ đợi cái kết của câu chuyện cổ tích. Hương đi ra đi vào, vẻ mong ngóng. Và anh ta đến.

Anh ta đi thẳng tới bàn thịt của lão Thới:

- Bán cho tôi bát phở bò!
- Anh cứ ra bàn, em nó mang ngay ra cho anh...
- Không cần đâu, ông cứ làm luôn đi!

Rồi anh ta đứng bên bàn, nhìn chăm chăm vào tay lão Thới, những ngón tay béo múp đeo đầy nhẫn vàng. Lão Thới đưa bát phở cho anh ta, anh ta thoáng thất vọng. Anh ta dùng thìa, ăn rất nhanh như cố tìm kiếm chiếc nhẫn thứ hai vậy. Còn Hương đứng bên cửa buồng, nhìn anh ta chờ đợi. Cô chờ anh mang chiếc nhẫn tới và hỏi "Có phải đây là nhẫn của em. Tôi yêu em." như chàng hoàng tử trong truyện cổ từng đọc.

Anh ta đã ăn xong, vẻ mặt thất vọng thật sự. Đến bên bàn lão Thới, anh ta đưa nhanh tờ 5000 đồng.

"Tôi gửi" rồi quay ra.

- Ô kìa, anh lấy lại tiền thừa đã chứ!

Không quay lại, anh ta đi nhanh ra cửa, đi như chạy. Anh lái xe "Giấc Mơ" lao vụt đi. Hương buồn, mắt rơm rớm. Khói nồi nước phở bốc hơi nghi ngút, khói xe máy của anh chàng kia vẫn còn chưa tan. Hương nhìn xuống bàn tay của mình, hai bàn tay đan vào nhau, bóp mạnh lại. Có khách vào, lại tiếng lão Thới:

- Hương, bưng phở cho khách!

Hương giật mình, bắt giác cô nhìn tôi. Còn tôi thì nghĩ: Anh ta sẽ không bao giờ trở lại nữa. Thoáng nghe một tiếng thở dài...

Chuyện của Chip

Phan Huyền Thu

Có tiếng chuông điện thoại. Tôi liếc đồng hồ treo tường. Mười một giờ mười lăm. Mẹ tôi ngồi dậy hỏi đứa nào. Tôi bảo cái Hạnh đợi con ở Queenbee. Mẹ tôi bảo: "Ở nhà".

Tôi chui đầu vào chăn. Mẹ tôi hỏi: "Mày tính với thằng Cường thế nào?". "Con sẽ lấy nó". "Bao giờ?". "Bao giờ cảm thấy O.K.". "Thế thằng Quang?". "Con thích nó". "Mày định lằng nhằng đến bao giờ?". "Con không biết". "Nhớ thằng Cường biết thì sao?". "Có lẽ biết rồi. Cùng lắm là out...". "Tao cảm...". "Mẹ ơi nghĩ làm gì cho mệt. Những chuyện mong manh ấy mình con giải quyết được rồi". "Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mày...".

Chống chân xuống giường, Hạnh bảo: "Thay đồ". "Chờ cơm cạn tao hấp nốt cơm nguội rồi đi". "Bảy lăm". "Được hả?". "Ừ! Hôm qua có đứa xui tao con bảy sáu. May mà không đánh". "Bây giờ đi đâu?". "Ngồi yên rồi biết".

"Nếu bố mày biết mày vào Bar với tao thì sao?". "Tao không biết". "Sao còn đi?". "Cùng lắm là đồn. Tao không sợ đồn, chỉ sợ mẹ tao rên". "Giống tao quá. Mẹ mày có bảo kiếp trước nợ mày không?". Tôi và Hạnh. Hai đứa chúng tôi là hai "chứng nhân lịch sử" về sự suy đồi đạo đức. Đạo đức có chuẩn mực không hay là nó thay đổi theo thời cuộc.

Ông tôi bảo: "Ngày xưa vì yêu bà mà tao bị khai trừ ra khỏi Đảng. Tao với bà mày "hủ hóa" ra bố mày... Rồi ông quay sang duyệt tiếp tâm lý Mỹ, thể loại hai tư trên hai tư có tác dụng như keo con voi dính chặt ông vào ghế dưỡng già. Bố tôi đáp: "Thì con bị kỷ luật

trước toàn trường với một tuần quét nhà vệ sinh vì tội nhìn mẹ cái Nhi trong giờ sinh hoạt Đoàn của Khoá chứ đâu".

Nói rồi bố tôi liếc đồng hồ gọi điện thoại cho lái xe đến đón. (Hai sáu trên ba mươi ngày họp tại Nhà hàng). Mẹ tôi bảo: "Mày sướng quá hoá rồi. Mày không đọc báo à. Yêu đương lãng nhăng mất mạng như chơi. Gặp phải thằng liêu thì phí cơm tao nuôi mày". Tôi bần lần đáp: "Con chẳng yêu thằng nào. Đàn ông bây giờ thằng làm ra mười nghìn tiêu trăm nghìn. Thằng làm ra tiền triệu thì tiêu từng nghìn. Thằng chẳng làm ra đồng nào thì trốn vào sách vở học hành. Toàn ngáp vặt với cãi nhau những vấn đề ngay cả Bill Clinton cũng không dám nghĩ". Bố tôi bảo: "Thế con Nhi nó si thằng nào quá, vác hết của nả cho giai bà có chịu không?". Mẹ tôi đay: "Việc gì phải mượn nó, của nả nhà này cũng có người đang khuân dần khuân mòn đi hộ rồi". Bố tôi dàn hòa: "Mấy con mẹ phệ hôm nay không rủ bà đến Câu lạc bộ khiêu vũ cổ điển à?".

Hạnh bảo tôi: "Tao định đi Úc". "Du học à?". "Mày đi với tao đi". "Sao? Chán à?". "Ừ, mỏi quá. Hai cụ nhà tao muốn tao wedding". "Thằng nào thế?". "À! Một thằng mới về Bộ Ngoại giao. Theo tao đoán có lẽ nó... gác cổng. Hôm qua nó đến nhà gặp tao: 'Hê-nô! Hao-A-diu'. Tao bảo: 'Canh thiu'. Nó trợn mắt không hiểu, tao nhắc lại: 'Canh thiu. Canh rau ngót'. Mặt nó đỏ gay. Tôi thắc mắc: 'Nhân tài nước Nam nhiều như lá mùa thu - rụng đâu hết?'. "À! Thằng này có họ với xếp khá lắm. Nghe đâu mới học hết lớp bốn trường làng, đi Nga về, luyện tiếng Anh cấp tốc tại trung tâm... Thế mày có định đi úc với tao không?". "Tao chưa biết. Dạo này tao có dễ thở hơn tí chút... Mày biết con Nga không?". Hạnh nghĩ ngợi: "Con Nga nào nhỉ?". "Con Nga điệu chứ còn con nào?". "Thằng cha giám đốc - bồ nó - có một vợ hai con ở Sài Gòn. Nó vác bụng rồi mà không cưới được...".

Mẹ tôi luôn mồm bảo: "Nhìn con Nga mà thèm. Nết na là thế. Giản dị, sạch sẽ. Nó không nhiều bằng cấp như các cô mà nó đi làm công ty, lương một vé... ". Tôi đáp: "Mẹ ơi bây giờ đừng tin vào hình thức. Bọn giản dị, sạch sẽ: Sơ mi cúc thùng, tóc tết đuôi sam, ra vào viện C như đi chợ. Thư ký thì hôn nhau choét mồm với giám đốc. Lỗi tại không có kiến thức cả thôi. Xử lý thông tin lại chậm... ". Mẹ tôi bảo : "Mày ra trước gương xem nào. Đầu tóc rối bù, áo quần vá chỗ

này thuê chỗ nợ. Không rách cũng cố cào ra cho rách. Tao có để mày thiếu gì đâu mà mày ăn mặc như bêu riếu tao. Yêu đương thì chẳng rõ ràng gì sất". Tôi bảo: "Mẹ đừng bắt con phải giống ai. Đặc biệt là con Nga. Con sợ mẹ lại ân hận".

Khi chuyện cái Nga vỡ lở. Tôi có một tuần an dưỡng, không phải nghe mẹ tôi ca ngợi nó. Nhưng một tuần sau mẹ tôi lại bảo: "Mày phải chọn lựa cẩn thận không lại giống cái Nga ...". Tôi van vãn: "Mẹ ơi, mẹ thương con. Một mình con đánh vật với cuộc sống của con đã phờ người rồi. Ngày nào mẹ cũng khuấy tung lên với hàng vốc lời khuyên, với những chuyện không đâu... con chắc điên mất". "Kệ xác mày! Không biết kiếp trước tao nợ gì mày...". Tôi chống cằm: "Mẹ ơi! Thế yêu mà không lấy có phải kiếp này nợ nhau không?". Mẹ tôi bảo: "Có lẽ đúng". Chết cha! Chẳng lẽ kiếp sau Quang lại là con tôi à?

Cơm nước xong. Mẹ tôi bày lễ bảo tất đài rồi bắt đầu tụng kinh. Tôi thay quần áo ra ngoài. Cường đã đợi sẵn. Chúng tôi đi vào Thảo viên. Đèn tối mờ. Căng mắt mới nhìn thấy lối đi. Gọi là "viên" mà lại giống chuồng ngựa. Một dãy san sát toàn ô ngăn gỗ. Đi qua nghe thấy lục đục... Cường gọi: "Hai cam vắt". Tôi đòi về. Cường bảo: "Trả lời anh câu này rồi anh cho về". "Câu gì?". "Lấy anh không?". Tôi gật đầu. Cường bảo: "Tốt. Về thôi".

Tôi về đến nhà thì bắt đầu Ô-sin. Nếu gặp cái Hạnh thế nào nó cũng bảo: "Mày học tập con Nga về trước chín giờ đấy à?". Cho mà xem. Nhưng tôi không gặp nó mà là Quang. Trông Quang có vẻ mệt mỏi. Quang hỏi tôi: "Người kia cũng yêu Nhi à?". Tôi gật đầu. Quang lại hỏi: "Thế Nhi có yêu anh không?". Tôi hỏi: "Quan trọng lắm không". Quang bảo: "Nhi không trả lời à?". Tôi lí nhí: "Nhi thích anh lắm. Muốn gặp hàng ngày". Quang thở phào hỏi: "Thế Nhi có đồng ý là vợ anh không?". Tôi gật đầu. Quang bắt ngờ "thơm" vào má tôi thì thầm: "Anh yêu Nhi phát điên". Tim tôi đập thình thịch.

Nằm nghe nhạc mãi không ngủ được. Mẹ tôi về từ Câu lạc bộ khiêu vũ cổ điển. Nhìn mẹ tôi biết ngay vừa nhảy điệu Pasô "Chú ếch xanh" (bài kết truyền thống thuộc quyền sở hữu của Câu lạc bộ). Tôi kể chuyện buổi tối, mẹ tôi giã nảy: "Sao mày dám...". Tôi trấn an: "Mum ơi, bọn đàn ông bây giờ nói chuyện cưới xin như không ấy mà. Nó hứa suông với con gái mẹ thế để con gái mẹ cứ cum cúp mà chờ

đợi. Nó đã cười ngay đầu mà lo. Yêu bây giờ mà không nhắc chuyện cưới thì có vẻ như không đúng đắn. Nhưng mà lấy nhau xong cặp bồ nhòe nhòet thì lại một". Bố tôi vừa về đến nhà tưởng tôi động chạm gì hỏi: "Nhi, mày vừa nói gì?". Tôi toe toét: "Oh! No. Dady. How are you?"

Tôi không biết cuộc sống của tôi bằng cách nào mà trôi đi nhanh thế. Mở mắt ra: "Hôm nay đã là một ngày mới". Nếu tính trung bình tuổi thọ là sáu mươi thì tôi chỉ còn có mười ba ngàn năm trăm lẻ năm lần thức dậy vào buổi sáng như hôm nay.

Hôm nay. Một buổi sáng cuối thu. Mây xám. Mưa phùn. Gió. Nhìn qua khung cửa sổ những cành cây thưa lá lúu rúu rủ vào nhau. Dưới đường người đi thưa thớt co ro trong những tấm áo mưa kín mít. Sống trên đời được hưởng là mấy cái mưa mà co ro kín mít ? Trề nải không muốn ăn sáng, tôi thay đồ lao xuống đường chờ xe buýt đi học (tất nhiên là không mặc áo mưa). Ngày hôm nay sẽ là ngày cũ. Ngày mai mới là một ngày mới. Tôi quyết định sẽ gặp Cường và Quang đính chính lại sự thật, để kết thúc vở kịch "Cầu hôn". Ngày mai đã là ngày mới ! Tôi. Hạnh và các bạn nữa, còn bao nhiêu việc để làm, để sống. Nếu không, tôi sẽ không còn nhiều cơ hội nghe câu: "Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mày" vào những lúc mẹ bắt lực trước cái ngang ngạnh dở hơi của tôi (không khéo tôi lại dùng đúng câu ấy với con tôi sau này). Không ! Phải khác đi. Phải thay đổi nhanh chóng lên. Năm hai nghìn đến rồi. Nay, thế kỷ hai mươi mốt, ta đợi nhà người ! Có tiếng chuông đồng hồ báo thức. Tôi chồm dậy. Hoá ra tôi vừa lảm nhảm những điều trên là ở trong mơ. Ngoài trời sáng trong veo chẳng mưa cũng chẳng mấy xám. Nhưng mà tôi vẫn nghĩ như thế. Ai thấy không ổn cứ việc hỏi :

"Chẳng biết kiếp trước tao có nợ nần gì mày không?".

Ở trọ

Nguyễn Thị Châu Giang

Không khí đặc quánh. Trời phồng giộp lên rồi vỡ ra vài giọt nước bám bụi đen sì chảy chậm chạp trên thành lan can bằng gỗ mốc xỉn. Mọi người đâm bỏ ra đường, cố hít vào ngực một thứ sền sệt để giảm bớt sự ngọt ngào. Nhưng vô hiệu. Trời vẫn bồng giộp và cây cối héo rũ.

Ba tôi từ công sở về, mặt mày hốc hác. Ông ngồi dựa lưng vào cánh cửa, đầu gục xuống. Mẹ mom men lại gần giọng sợ hãi: "Có chuyện gì thế?". "Giảm biên chế". Mẹ ngơ ngác: "Sao bảo chỉ còn vài năm nữa ông nghỉ hưu". Ba ngẩng lên thều nảo: "Thế nó mới đều. Thành Hiền bảo công ty làm ăn thua lỗ vì cơ cấu tổ chức nhân sự. Phải thay đổi. Ba ứa nước mắt. Minh tung hê nó lên. Bây giờ rõ thằng ăn cháo đá bát. Tôi giật mình.

Chỉ mới một ngày, mặt ba già sạm. Những nếp nhăn chảy ngoằn ngoèo. Không phương hướng trên mặt, ba đã già rồi, và đôi khi lầm lẫn nữa. Tôi bảo "Con thấy ba nghỉ được rồi. Thời buổi này bọn trẻ nhanh chân lẹ mắt lên nắm quyền mới được". "Nhưng tao nhiều kinh nghiệm". Ba nhăm nhẩn. Tôi cười: "Kinh nghiệm nhưng vì tính, tiếng Anh, giao thiệp không có, ba cạnh tranh nổi với ai". Ba nổi cáu: "Mày thì biết gì?". Những mạch máu chạy trên trán ông căng ra như sắp đứt. Mẹ suyt khẽ "Thì con nó cũng chỉ muốn ông nghỉ ngơi". "Nghỉ ngơi gì". Ba thở dài- Biết lấy gì sống đây? Đang đi đường bằng tự nhiên bước hụt xuống hố. Bà bảo không đau sao được". Và ông nặng nề đứng dậy, bỏ vào nhà.

Chị Nhân bày cơm ra bàn, hỏi khê: "Cãi nhau à?" "Không. Ba nghỉ làm rồi". Chị Nhân để nghiêng tô canh, nước trào ra bàn. Tôi cười: "Bình tĩnh. Chứ kiểu này về làm dâu là tiêu rồi". Chị ngón ngهن cười: "Em thấy anh Hiền thế nào?", "Ai? - Tôi trở mắt- lão Hiền vừa cho ba nghỉ việc đấy". Mặt chị Nhân tái xanh. Hai mắt thất thần nhìn ra ngoài cửa sổ vắn vũ mây mà không sao mưa nổi. "Làm sao bây giờ". "Thì cứ yêu đã- Tôi nháy mắt- Đợi ba nguôi tính sau!". Và tôi cố sửa lại vẻ mặt nghiêm túc, ảm đạm.

Bữa cơm trôi qua nhạt thếch. Chị Nhân không nuốt nổi cơm, cứ len lén nhìn ba mẹ. Tôi đá chân chị: "Chị Nhân ơi, ăn nhanh lên đi chơi". Ba ra lệnh: "Mai hai chị em lên gác. Tầng dưới cho thuê bớt mới đủ sống". Tôi nhún nhó:

"Nhưng nhà chật lắm" và hì hụi dắt xe máy chạy ra đường. Những cơn gió hiếm hoi thổi thốc vào mặt làm tôi quên hết mọi chuyện.

Hai chị em chuyển lên gác. Căn phòng bé xiu, ảm mốc và ngột ngạt. Phía bên trái có cánh cửa sổ phủ cây và trông sang một mái tôn đầy phân mèo. Buổi tối gió hiu hiu thổi, một thứ mùi lờm lợm bốc lên không sao chịu được. Lâu lắm nó mới được mở ra, sau khi xịt nước hao đầy phong.

Nhà dưới ba mẹ ngăn làm đôi. Đằng trước vừa làm phòng khách vừa làm phòng ngủ của ông bà và một cái bếp bé tý hin. Phía sau còn hai phòng nhỏ kê một cái giường và một cái bàn cũ kỹ bằng gỗ, một cánh cửa cũng bằng gỗ thông ra con hẻm khác. Tất cả cùng sử dụng chung một công trình phụ đặt dưới chân cầu thang. Ban đầu mẹ định lắp máy lạnh cho người nước ngoài thuê nhưng tính đi tính lại thế nào mẹ bảo ba để thế cũng hời. Ba ừ hử, bỏ mặc mọi chuyện cho mẹ. Ba lãnh đạo và lẩn thẩn với tất cả.

Người đầu tiên đến thuê là một phụ nữ còn trẻ dẫn theo hai đứa bé giống nhau như đúc. Cô không đẹp nhưng có duyên. Cái duyên ngằm càng nhìn lâu càng đắm đuối, hợp vai trò của cô thư ký phải luôn cặp bồ với những ông chủ cỡ bự. Cô xách theo linh tinh đồ đạc, bày đầy góc nhà và nhìn tôi cười: "Cháu xem cô còn trẻ thế này mà bận bịu quá". Tôi lơ lảo nhìn lên trần nhà bám muội than đen sì: "Thế chú ấy đâu". Cô ngẩn ngơ không trả lời. Tôi lí nhí.

"Cháu không biết nên mới hỏi", chỉ muốn chui xuống kẽ đất! Vừa may chị Nhân chạy sang dặn: "Ba mẹ đi chơi. Sáu giờ rồi, chị cũng phải đi đây".

Hôm nay chị Nhân rất đẹp. Chị diện váy trắng, tóc xoã loăn xoăn kiểu cách trên khuôn mặt buồn rười. Tôi ghẹo: "Đi chơi với anh Hiền à? Không sợ ba mẹ biết à". Chị im lặng cắm cúi bước đi. Cô Diệu lắc đầu bảo: "Chị cháu khổ vì tình, lụy vì tình. Đàn bà như thế không sướng được. Nhất là tâm". "Thế còn cháu?". Cô nắm chặt tay tôi, mắt ánh lên những tia ma quái: "Cháu thì khác. Cháu mạnh mẽ hơn chị Nhân nhiều". Cô thở dài "Mà con gái thế nào thì cũng khổ".

Hai đứa bé con đã lăn ra ngủ vùi. Tôi khen: "Hai đứa chắc giống bố". Cô bỏ nốt túi xách vào gậm bàn "Ừ, mỗi người một nét", giọng lạnh tanh. Tôi đi về nhà thấy nhà vắng vẻ và buồn như nhà trọ không người thuê. Tôi mở cửa. Lại một mùi chua lèm bốc lên hầm hập.

Mẹ đẩy cửa vào, hai bàn tay nổi đầy gân xanh miết chặt vào nhau. Mẹ nhìn tấm ảnh của cô gái treo đầu giường vẻ khó chịu nhưng rút cục không phê phán như mọi hôm mà chỉ hỏi giọng lo lắng: "Con có hay nói chuyện với chị không? Ba con giờ giờ tính, mẹ không lo lắng gì cho hai con cả... lại còn chuyện buôn bán". Tôi cười: "Tụi con lớn rồi mẹ à". Trong bụng nghĩ thầm, mẹ lúc nào cũng thế, có lo lắng gì đâu ngoài chuyện phiền trách chúng con. "Dạo này chị mày hay về muộn thế". Mẹ mơ màng- "Hồi xưa đi chơi chín giờ về mẹ đã bị bà ngoại rầy. Bây giờ tự do quá dễ hư". "Cũng còn tùy- Tôi giúi đầu vào ngực mẹ. Mẹ đâu phải là bà ngoại. Mà tụi con là con gái ngoan". Mẹ gật đầu: "Ừ mẹ mong thế. Con gái xảy chân ra đường bao nhiêu là cạm bẫy". Mẹ xuống nhà. Căn phòng yên trở lại. Chiếc quạt máy chạy lè xè như đuổi ruồi. Một con mèo đi lang thang trên mái tôn kêu gào thảm thiết.

Chị Nhân về, mồ hôi ướt đầm. Chị bảo "Mệt quá" và đổ vật xuống giường. Mắt mũi khép lờ đờ. Tự nhiên tôi thấy chị giống như một con mèo hoang. Con mèo hoang trắng muốt. Chị hé mắt: "Em ngủ khuya thế?" "Em đợi chị". "Lần sau cứ ngủ trước đi. Chị đi công nhà chị Diệu, ba mẹ không biết đâu" "Mẹ vừa ở đây. Mẹ đang lo. Tôi cười. Thế nào nhỉ? Con gái ra đường xảy chân bao nhiêu cạm bẫy".

Chị nghiêm nét mặt vẽ bồn chồn dữ. Rồi quay mặt vào tường "ngủ đi", vẽ đầy bí ẩn. Đôi vai gầy nẩy lên một cái. Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế?". "Yêu đương. Mà con nít không biết đâu", "Chị làm rồi. Con nít bây giờ tinh lắm. Chuyện gì cũng giỏi cả". "Vậy à. Chị vật vã... Chữ trình có đáng ngàn vàng không?" "Có chứ". Tôi quả quyết quay sang đã thấy chị ngủ mất, hơi thở thật bình yên.

Bạn trai của cô Diệu rất nhiều. Nhưng tuyệt nhiên không thấy bố của hai đứa bé. Gặng hỏi cô cũng chỉ bảo đang làm ăn ở xa. Cô với hai đứa bé sống phần nhiều là nhờ vào những người bạn tốt bụng. Nhiều hôm cô đi khuya mới về, tôi lại sang trông con cho cô. Hai đứa bé như hai con búp bê nhưng ngớ ngẩn. Chúng không biết nói, biết cười. Cô bảo: "Cô sống đến giờ là vì hai đứa. Chứ đời cô bầm giập, chẳng còn tương lai". Tôi vuốt mái tóc óng mượt của cô: "Sao lại không? Cháu thấy cô như thế này bao nhiêu bạn bè là hạnh phúc". Cô cười lúc lắc mình không nói, mặt bỗng dưng hóp lại như mặt bà già.

Khoảng tháng sau, cô Diệu bàn với mẹ tôi để nhà cho thêm một người khách thuê. Cô ở ngoài người đó ở trong. Đó là một người đàn ông cứng tuổi- một họa sĩ nghiệp dư. Ông ta mang theo các loại khung và giá vẽ, những bức tranh ngoằn ngoắt, khó hiểu, bốn chiếc lọ gốm xanh đầy kín nắp và một con mèo mun ăn nhiều nhưng gầy gò giờ xương.

Tôi dẫn hai đứa bé vào phòng ông, lặng yên xem ông vẽ. Ông hỏi: "Mẹ chúng nó đâu". "Đi làm rồi ạ". Ông gật gù: "Một người đàn bà tốt". "Cháu cũng nghĩ thế". Tôi ru hai đứa ngủ. Ngồi hết giờ này đến giờ khác xem ông phết lên toile những mảnh màu đỏ ôi hoặc tím tối mà sau cùng được chú thích bằng một dòng chữ nhỏ. "Ký ức chiến tranh" nghiêng ngả như những bóng người lội dưới bom. Cho đến khi chị Nhân về, tôi mới lồm cồm bỏ lên lầu.

Chị Nhân vẫn chơi với anh Hiền, dù đôi khi lương tâm cắn rứt, hạnh phúc lung lay khổ sở. Tôi nhắc khéo: "Coi chừng ba mẹ biết". Chị bĩu môi: "Ba mẹ vô tư lắm, không biết đâu". Chị treo áo vào tủ: "Sau này có con chị sẽ quan tâm đến nó, nhưng theo cách khác" "Là sao?" Chị nhún vai bất cần và lơ mơ ngủ mất. Tôi nằm mãi mà không ngủ được. Không hiểu sao giờ này mẹ con cô Diệu đã ngủ chưa. Ông

hoạ sĩ đáng mến đang làm gì bên bốn chiếc lọ màu ngọc bích đầy kín bung. Họ đang làm gì khi đêm chậm rãi trôi qua.

Cơm dọn ra mà không ai ăn nổi. Hôm nay ba mẹ từ nhà dì về, mặt mày hốt hải. Vừa bước vào nhà ba đã hỏi chị Nhân về chưa. Tôi lắc đầu: "Chị Nhân chiều nay đi ăn cơm với bạn bè". Ông nghiêng rằng: "Với thằng Hiền phải không?". Tôi hốt hoảng: "Con không biết". "Thế mà tao biết. Hai đứa chúng nó đi trước mắt tao tình tứ lắm". Mẹ rụt rè: "Thì khoan đã. Ông cứ nặng xị cả lên con nó sợ". Ba vò đầu bứt tóc: "Lửa cháy đến nơi mà còn bảo khoan. Làm sao tôi khoan được".

Người gánh nước thuê

Võ Thị Hảo

Chẳng ai biết lai lịch của bà, chỉ biết tên bà là Diễm. Diễm là đẹp, là diễm lệ. Ngoài vẻ đẹp, còn mang vẻ sang. Có ai gọi một củ khoai là diễm lệ đâu. Hẳn bố mẹ xưa đặt tên cho con cũng thâm ao ước sao cho con vừa đẹp lại vừa khỏi làm than. Nhưng trông bà cả một sự nhạo báng cái mong ước đó.

Dáng người bà Diễm bé loắt choắt, bộ mặt nhăn nheo, gầy sạm chỉ còn hai con mắt. Bà vừa đi vừa lắc lư cái lưng còng. Chiếc đòn gánh không bao giờ rời khỏi đôi vai còm cõi của bà. Nó bám chặt lấy bà như một thứ nghiệp chướng. Chiếc đòn gánh của bà cũng thật đặc biệt. Nó nhẵn bóng. Ngay cả những vết sẹo cũng đã nhẵn bóng và cũng khó đoán tuổi như chủ nhân của nó vậy. Nó đã tồn tại cùng bà không biết tự bao giờ. Nó được đẽo gọt từ một thân tre cong hằn dấu vết của những cơn gió táp và ra đời chỉ để đón đợi đôi vai còm cõi của bà Diễm mà thôi. Nó và chủ nhân của nó hợp thành một chỉnh thể của sự bất hạnh, hợp thành biểu tượng của một thân cây vừa mới ra đời đã bị gió mưa vùi dập. Cuối hai đầu đòn gánh là đôi thùng đầy nước lắc lư theo những bước chân không đều của bà Diễm và để lại những vệt nước rỏ rờn rờn như suối nước mắt cạnh đường đi.

Những lúc đôi vai được rảnh rang, đôi môi bà lại lẩm nhẩm những câu không đầu không cuối. Bà đi và nói như người lẫn thần, nhưng những cử chỉ của bà vẫn chính xác một cách kỳ lạ. Đến mấy nước bao giờ bà cũng đi sát mép đường bên phải và lặng lẽ đợi đến lượt mình, không xin xỏ, không tranh giành.

Những nhà có máu mặt trong khu này thuê bà gánh nước. Họ chẳng ưa gì bà. Họ sẵn soi xem thùng nước bà gánh về có trong không. Có đáng đồng tiền của họ bỏ ra không. Có người nghi ngờ, bắt bà tháo cả bể nước đầy ra gánh lại, lấy cớ là bà đã lấy nước bẩn vào bể của họ. Cũng có những người trả tiền sòng phẳng, hậu hĩ là khác nhưng họ đưa tiền cho bà rồi vội quay đi như chỉ sợ dềnh dàng bà nhớ mồm bắt chuyện thì mất cả thì giờ và mất cả thể diện nữa.

Con người ta thường hay chối bỏ quá khứ, nếu quá khứ đó là không vẻ vang. Người đời nay coi nó là bệnh "sĩ". Nếu như những năm sáu mươi của thế kỷ này người ta cố chứng minh rằng gốc gác của mình là bản cố nông thì trong những năm tám mươi người ta lại cố khoe rằng nhà mình giàu có ra sao, bịa cả những chuyện đài các rởm không biết ngượng mồm. Thôi thì cũng chẳng trách họ, âu cũng là do cách nhìn người của thời đại mà ra. Những bộ mặt đàn độn trát bụi son phấn vênh váo, đầy kiêu hãnh giả tạo. Và trong cơn mơ đài các sang giàu của họ, bà Diễm chỉ là một kẻ làm thuê, một người gánh nước cho nhà họ. Một thời, chúng ta đã ghê tởm những từ "con ở", "đầy tớ", "gái điếm"... Nhưng giờ đây, những từ đó đã và đang lặng lẽ trở về nhắc nhở người ta rằng, chúng có mặt trên đời này.

Vậy là bà Diễm hết như con gà trụi lông giữa đàn công sắc sỡ. Nhưng bà gắn bó với họ, đúng hơn là với bể nước nhà họ, vì chỉ có họ mới đủ sức thuê bà gánh nước. Còn đa số "người nhà nước" trong khu này chẳng ai đủ tiền để mà thuê, dù muốn giúp bà. Cơm ăn chẳng đủ, lấy đâu ra tiền mà thuê gánh nước. Đành phải xếp hàng dài dằng dặc, hoặc thức đến hai ba giờ sáng để lấy mấy thùng nước.

Với đôi thùng gánh nước, cứ thế, bà Diễm đi trong đời như kẻ mộng du và rồi có lẽ với cung cách mộng du ấy bà sẽ lặng lẽ đi xuống mồ, như một hạt bụi tan biến vào không gian chẳng để lại một mảy may dấu vết.

Nhưng có một sự kiện khuấy động mảnh đời âm thầm ấy. Đó là sự xuất hiện của ông Tiểu. Thực ra những người gánh nước thuê không nhiều ở thời nay. Nhưng sự xuất hiện của ông Tiểu gắn liền với việc mở rộng con đường quốc lộ thành đường hai chiều. Ga mới mở. Những khu nhà cao tầng mọc lên như nấm và người đi lại nườm

nước trên con đường ấy. Hàng xa xỉ phẩm, hàng bán đồ ăn đồ nhậu mọc lên nhanh và nhiều vô kể. Và cần thêm người gánh nước thuê.

Từ đó cạnh máy nước, đôi khi bên bà Diễm có một người đàn ông chống đòn gánh đứng chờ thùng nước đầy dần. Hiêm có một khuôn mặt khắc khổ đến thế. Có đến ngàn vạn nếp nhăn trên khuôn mặt đó. Đôi mắt biểu lộ một nỗi đau khổ bất thường như đã đông cứng. Còn cái miệng thì trố trêu làm sao, luôn mím một nụ cười bất biến, như nó được tạo ra trên khuôn mặt ấy từ lúc mới sinh ra và cứ phải giữ vậy cho đến lúc chết. Nụ cười ấy giữa khuôn mặt ấy, thật là một nghịch lý, như là đang khóc với một nỗi đau xé ruột, mà có một kẻ tàn ác nào đó cứ nhất định cù vào nách cho ta phải cười rũ ra mới thôi.

Việc hai con người khốn khổ đó bên nhau, cạnh máy nước làm bọn trẻ trai ngỗ ngược ở đây vô cùng khoái chí. Chúng gọi ông Tiểu là "bò bà Diễm". Người lớn lúc đầu còn mắng, sau nghe quen cười xòa vì thấy cũng ngộ ngộ, và người ta không gọi ông Tiểu bằng tên nữa, chỉ gọi ông Tiểu là "bò bà Diễm".

Thực tình hai con người cô đơn đó cũng thật may mắn khi họ bỗng nhiên có mặt bên nhau, với những thùng nước trĩu nặng trên vai. Cũng có những lúc ông Tiểu nhắc hộ bà Diễm hai thùng nước đầy ra rồi đặt một khoảng cách vừa tầm để bà Diễm chỉ cần móc xích vào gánh. Trong chiếc túi áo rách của ông Tiểu luôn có những hạt lạc rang cháy khét. Thỉnh thoảng ông dúm cho bọn trẻ con và cho bà Diễm. Bọn trẻ con không ăn, còn bà Diễm thì nhận lấy và nhẩn nại nhấm nháp những hạt lạc đen nhờ nhờ, đắng đắng, tỏ vẻ cảm kích lắm.

Một lần bà Diễm bị trượt chân ngã treo đầu gối, ông Tiểu vội dìu bà về túp lều của bà rồi lo cơm cháo thuốc thang. Thuốc chỉ có nắm lá láng hơ nóng, chườm bóp. Cơm sang lắm cũng chỉ miếng đậu luộc chấm mắm tôm.

Bà Diễm rưng rưng: "Vậy chứ nhà ông ở đâu?" Vẫn với nụ cười muôn thuở, ông Tiểu đáp: "Ở góc chợ Cầu Giấy". "Vậy chứ lúc mưa gió ông làm sao?" "Thì nép dưới hiên của nhà nào đó cho qua".

Bà Diễm khóc ròn: "Thôi, ông về đây mà ở cùng tôi. Tôi và ông cũng sắp xuống lỗ rồi, chắc chẳng ai dị nghị gì đâu. Ông ơi, hai cái

cây đã bị đánh bật hết rễ, biết tựa vào nhau để đỡ dần thì sẽ lâu đổ hơn".

Ông Tiểu nhìn xuống đầu ngón chân của mình, không nói gì, nhưng lần đầu tiên nụ cười hóa đá của ông biến mất. Rồi từ đó trong túp lều bên bờ ao, có hai bóng già lợ mọ sớm hôm. Bà Diễm cũng bớt lảm nhảm một mình.

Nhưng một hôm ông Tiểu phải trở về góc chợ cũ để tìm mấy cái quần áo rách và cái chăn cũ nát. Gió thu đã se sắt lạnh bên bờ ao. "Làng" của ông Tiểu, đó là góc chợ với đám người rách rưới lam lũ, lang thang không nhà do nhiều hoàn cảnh xui khiến nên. Họ bắc những viên gạch vỡ làm bếp, và lấy những mảnh báo cũ và ni lông rách treo lên làm buồng.

Lâu không thấy ông, họ xúm lại hỏi ông đi đâu, ở đâu? Ông áp ứng. Họ càng trêu già, vì biết ông đang ở trong túp lều của bà Diễm. Một thằng lỏi con kiếm đầu ra cây gậy, lấy dây chuối buộc hai viên gạch vào hai đầu vờ làm thùng gánh nước rồi nhả nhỏ, còng lưng làm bộ bà Diễm đang gánh nước cạnh ông Tiểu. Cả đám ré lên cười như hóa dại. Những người đi chợ thấy ồn ã cũng đứng lại xem. Được thể, chúng càng làm nhiều trò, diễn cảnh ông Tiểu chân thấp chân cao khoác tay bà Diễm đi chơi công viên. Mọi người tha hồ đắc chí. Chả mấy phen được bữa cười vỡ bụng như hôm nay. Rồi họ sẽ trở thành người kể chuyện có duyên nhất trần đời khi kể lại cho người khác nghe chuyện này. Chỉ có ông Tiểu là đứng lặng phắc không nói được câu nào. Lát sau, vứt lẫn lóc bọc quần áo rách, ông lúi lúi trở về túp lều cạnh bờ ao của bà Diễm. Qua dãy nhà gánh nước thuê, vài đứa trẻ lêu lổng thấy ông đã reo lên:

- A bò bà Diễm. Đẹp đôi như Chí Phèo và Thị Nở ấy chúng mày ơi.

Về đến lều, ông nằm vật ra giường, không ăn uống. Hôm sau ông lên cơn sốt. Bà Diễm hết lòng săn sóc thuốc thang nhưng vô ích. Lúc sắp trút hơi thở cuối cùng, ông gọi bà đến bên, lần tay vào mун vá lớn sát ngực lấy ra một tấm ảnh đã ố vàng và một trăm đồng bạc gói kỹ tự bao giờ trong túi ni lông. Trong ảnh là một bé gái tóc tơ xấp xỏa, đôi mắt tròn đen mở to ngây thơ. Ông Tiểu thều thào:

- Con tôi đẩy bà ạ... Nó bị mất tích trong một trận bom. Người ta bảo nó đã chết cùng với mẹ nó. Nếu thế tại sao chỉ tìm thấy xác mẹ nó thôi. Tôi tin nó vẫn còn sống, có thể nó lưu lạc ở phương nào. Lê con ơi...

Từ đôi mắt mờ đục của ông, hai giọt nước như được gạn từ đáy mắt, như những giọt thủy ngân k hó nhọc lăn ra. Ông nức lên, nói đứt quãng:

- Bà ơi, nếu... có... một ngày... nào... đó bà thấy có một người con gái... trạc hai mươi... mà giống con... bé trong ảnh này... bà nhớ gọi lại hỏi gốc gác... xem có phải bố nó là ông Tuyền ở xóm Đoài, xã Hoài Ân... không nhé. Và nếu phải... bà nói rằng bố nó vẫn chờ nó... cho đến chết... bà đưa cho nó một trăm đồng... bạc này...

Rồi ông thở hắt ra. Nụ cười oan nghiệt vĩnh viễn tắt trên đôi môi ông.

Bà Diễm ngồi lặng cầm nhìn tấm ảnh và một trăm đồng bạc côicút. Trăm bạc này, chắc ông đã ki cốp từ lâu lắm, khi nó còn mua được nửa chỉ vàng. Ốm đau đói rét bao phen, cũng không bao giờ dám đụng đến, để cho đến bây giờ, một trăm đồng bạc của ông dành cho con cũng chỉ đủ để mua một mớ rau muống...

Rồi mộ ông Tiểu cỏ xanh phủ dần, đám cỏ đuôi gà bò lan cả ra mặt đất bằng. Thỉnh thoảng bà Diễm thấp vài nén hương cho ông, lần nào bà cũng thăm thì khấn:

- "Ông Tiểu ơi, tôi vẫn để ý tìm con cho ông mà đâu thấy. Tôi tìm cả khi chờ thùng nước đầy, cả khi đang gánh nước, ngày này qua ngày khác. Ờ, nếu nó còn sống thì tôi cũng chẳng còn mấy thời giờ nữa để làm việc đó cho ông. Tôi cũng sắp theo ông về với đất rồi đây. Nhưng mãi đến tận lúc này, tôi vẫn tin có thể chốc nữa, có thể tới nay, ngày mai, con bé đến và hỏi, giọng nó trong veo: "Có phải ông Tuyền cha cháu ở đây không?...".

Người ta bảo nhau rằng, dạo này bà Diễm càng dở hơi tệ, bởi vì ngoài cái tật cứ nói lảm bảm một mình, trong tay bà không bao giờ rời cái gói nhỏ bọc vải nhựa đã cũ mềm, chẳng khác mụ phù thủy đang giữ chặt bùa phép duy nhất giúp cho bà còn sống trên đời này. Có ai biết rằng cái bùa phép đó là tấm ảnh một bé gái đã ó vàng và một trăm đồng bạc cũ. Đằng sau tấm ảnh, một dòng chữ mới viết

xiên xẹo đầy lỗi chính tả: "Đây nà cháu Nê, con ông Tuyền ở xóm Đoài, xã Hoài Ân... một trăm đồng bạc lầy nà của cháu!".

Ngày học cuối

Phan Thị Vàng Anh

Tôi chào thầy: "Thưa thầy, em mới đến!" rồi liếc cả dãy xe đạp nghiêng ngả dựa nhau. Vẫn chưa đến, cái xe sườn ngang màu đen ấy vẫn chưa đến. Tôi lại liếc vào phòng học, trong cái phòng bé tí ban ngày cũng phải bật đèn ấy, mấy đứa con gái đang lơ lảo nhìn tôi.

Hôm nay là ngày cuối cùng của lớp học thêm toán. Ba ngày nữa chúng tôi sẽ thi đại học, một buổi học cuối cùng như thế này là để tổng kết lại những kỹ năng giải toán đã học trong cả năm, để thầy dặn dò lũ học trò: phải cẩn thận, phải bình tĩnh; và nhất là không được chủ quan... Dưới mắt ông thầy nội dung buổi học chỉ là như vậy, thế nên thầy có vẻ không để ý đến cái vẻ nháo nhác của tôi mỗi khi cánh cửa động đậy, và tôi lúc bồn chồn, lúc lơ đãng nhìn qua cửa sổ, ngoài đấy, mấy đứa nhỏ đang đánh khăng, thỉnh thoảng, một người đạp xe ngang, loạng choạng trước cái đám trẻ con không còn để ý gì ngoài hai khúc cây, cứ lao thẳng ra giữa lối. Người lớn hét lên vài tiếng, trẻ con mãi chơi vội vàng trả đũa vài tiếng... rồi thôi.

Thầy nhìn đồng hồ: "Giờ này sao Thụy, Kha chưa tới". Mấy đứa con gái dự đoán một cách vô nghĩa: "Chắc đi trễ đó thầy!". Cả lớp chỉ mình tôi ngồi im, cái thái độ lộ liễu này có lẽ đã làm thầy nghi ngờ, thầy nhìn tôi, cười cười: "Không lẽ tụi nó dám nghỉ bữa nay sao?", tôi cũng cười cười: "Dám lắm chứ thầy!". Nói xong câu đó, tôi thấy mình thật ác miệng với mình.

Thầy bảo: "Đợi chút vậy!" rồi ra trước cửa đứng hút thuốc. Mấy đứa con gái, đẩy qua đẩy lại vật gì đó, có vài tiếng mặc cả: "Tui viết dở lắm!" hay "Viết chút thôi à nhe!", tôi đoán là lưu bút và biết rằng

mình thế là không thoát ra được cái trò này Được khoảng ba phút, Phương bảo: "Giang viết trước đi!", tôi cười: "Tôi viết chắc không vui nổi, được không?" rồi mở cuốn lưu bút xem thử người ta đã viết những gì. Trang đầu là một cái ảnh màu, có lẽ là chụp ở chùa Vĩnh Nghiêm, Phương mơ màng nhìn về một cõi xa xăm nào đấy; cạnh ảnh là 1 bản lý lịch trích ngang: Tên, tuổi, nhà ở đâu, thích ăn gì, yêu màu gì, ghét điều gì, mơ ước sau này ra sao... Đương nhiên là Phương cũng như ai, thích ăn quà vặt, yêu hoa hồng, yêu màu tím, ghét thói giả dối... Tôi cười, Phương hỏi dò: "Cười cái gì?" Tôi bảo: "Không có gì đâu! Giang cười vì sao Phương yêu màu tím mà không có cái áo nào màu tím?".

Vài trang sau, người ta xưng ta, mi... như những cô gái Huế chính hiệu, tôi hỏi: "Phương, Giang viết vào đây có phải xưng là ta, mi không...?", nó bảo: "Nhiều chuyện! Viết đi!". Tôi viết: "Phương! Ngày hôm nay là xong, Giang nghĩ tụi mình khó gặp lại. Chúc Phương thi đậu!". Phương đọc, không vui, bảo tôi: "Ngắn quá! Viết "lý lịch" vào đây đi!". Tôi ngưng vì cái trò này, bảo: "Phương viết, Giang đọc cho!". Phương viết tên tuổi, hỏi tôi: "Số nhà?", tôi đọc số nhà; hỏi: "Sở thích", tôi đọc: "gì cũng thích!"; hỏi: "yêu màu gì?", tôi đọc: "Ghét màu hoa phượng". Phương sững lại: "Yêu cơ mà!", tôi bảo: "Thì yêu tất, ghét màu hoa phượng thôi!". Phương lắc đầu, vẻ chán nản..., ghi được vài câu nữa thì thôi không hỏi nữa, tôi nghĩ, Phương đưa tôi lưu bút làm gì, ngày thường có khi Phương lơ tôi mà!

... Thầy bảo: "Thôi, học!", tôi nhìn đồng hồ, đã 25 phút rồi . Ngoài kia, trời tự dưng vẫn vũ, một trận gió đột ngột luôn qua cửa, thổi tốc những trang vở, mọi người lại kêu lên: "Chắc mưa!". Tôi thấy vô vọng và muốn khóc, hôm nay là ngày cuối, tôi đạp xe từ ngoại thành giữa trưa nắng vào đây học, chẳng lẽ Thụy không biết điều này sao? Tôi lật vở, thật khó mà phân biệt được trang nào tôi viết, trang nào Thụy viết. Thụy đã bảo: "Sao Giang không viết chữ của Giang? Chữ của Thụy xấu hơn mà!", tôi nhớ hôm ấy Kha phá bình: "Đúng đấy, chữ tôi đẹp hơn chữ nó, Giang bắt chước chữ tôi đi!"... Hôm nay, tôi mở vở, ghi ngày tháng ở một góc, viết bằng chữ "nguyên gốc" của mình, khác hẳn, trong lòng giận dữ, bảo: "Không nghĩ tới nữa!"

3h15, trời mưa, mấy đứa rên rĩ: "Chết rồi!". Tôi cũng nghĩ: "Thế là xong rồi!", mưa thế này, có đi trễ cũng không đến được nữa. Thầy đứng ở đầu bàn, cạnh tôi, nhìn ra cửa, bảo: "Tụi này kỳ thật, chắc tôi nó mới ghé thầy!". Tôi không nói gì thêm, chỉ cười, cái cười có lẽ thâm lắm, nên thầy nhìn tôi cười, tôi có cảm giác rằng thầy đang nhớ lại hình như xưa kia mình cũng đã từng có một buổi học cuối cùng đầy chờ đợi như thế này, cũng mưa gió, cũng lo lắng của những ngày gần thi cử. Thầy bảo, mắt mờ màng qua kính cận: "Ngày xưa, buổi trước hôm thi, thầy không ăn, không ngủ nổi vì sợ!"

... Trời không tạnh nổi, tôi thưa thầy về, thầy nói: "Em cầm áo mưa của cô về không, kéo bệnh!". Tôi cười: "Em không bệnh được đâu thầy!". Phở vắng vẻ, mưa tạt ướt hết cái áo mới tôi mặc cho hôm nay, đường Cống Quỳnh nước đã ngập đầy, tôi lội qua quãng nước ấy xong, tự nhiên thấy nhẹ nhõm hẳn, như tâm trạng của một con hổ sau khi quẹt ngang đám lá. Ba ngày nữa tôi sẽ vào phòng thi, ba ngày nữa, những chuyện như thế này sẽ thu lại còn tí hon rồi biến mất, và tôi tự an ủi mình: "Ngày cuối cùng như thế mà lại tối!", rồi đi...

Dưới bóng hoa đào

Nhất Linh - Khái Hưng

Trời đông mưa phùn lâm tẩm. Bên kia dãy nhà lá lúp xúp dưới chân đê Yên Phụ, nóc không cao quá mặt đường, nước hồ Tây mù mịt, bát ngát, mênh mông, như một cửa biển chìm đắm trong cảnh sương mù buổi sáng.

Đứng nhìn xuống con đường làng lát gạch lờ mờ quanh co tựa con rắn nâu dài quấn mình lượn khúc ở giữa hai làn nước xám.

Như không nghĩ tới mùa rét, không nghĩ tới bùn lầy, hai người vận Âu phục, tay thọc trong túi áo tơ cài kín, mạnh bạo nện gót trên đường. Đến một lối dốc, có cổng tre, cánh phen nửa, đưa tới một cái vườn trồng đầy cúc, hai người từ từ dừng bước. Tống Bình quay lại nhìn Nam Chân. Nam Chân mỉm cười khẽ hỏi:

- Xuống nhé?

- Ừ thì xuống. Nhưng...

Nam Chân chắc đã thừa hiểu ý bạn, nói gạt ngay:

- Mặc chứ!

Tống Bình ngần ngại:

- Nhưng cũng hơi quá. Luôn năm hôm đến mua hoa cúc năm lần. Chắc nó ngờ, ngượng chết!

- Nó ngờ mặc nó!... mình đi sắm tết kia mà!

Nam Chân nhìn bạn cười:

- Làm gì mà bẽn lèn như cô dâu mới về nhà chồng thế?

- Còn anh thì làm gì mà si tình thế, để tôi phải lặn lội trời mưa rét mướt.

- Rõ khéo, ai bắt anh đi

- Nhưng anh cứ rủ...

- Ai cấm anh không theo? Kỳ tình cu cậu cũng muốn chết đi kia! Thôi đã đến đây thì xuống.

Con đường dốc đất vàng lẫn nước, vừa lội vừa trơn. Hai người, bùn bắn lấm tẩm ống quần, phải vịn vào những cọc chống hàng giậu phen nửa, mới lần từng bước xuống được vườn. Một con chó trắng ở trong chiếc nhà lá sồ ra, làm cho hai người suýt ngã.

Một cậu bộ dạng láu lỉnh trông như học trò, đầu để trần, chân đi guốc, mình mặc chiếc áo nịt đen trùm ra ngoài áo cộc trắng thông thả đi ra. Gặp khách hàng quen, cậu em nhếch mép ngả đầu chào:

- Thưa hai ông lại đến mua cúc?

Đó chỉ là câu tự nhiên của người bán hàng, nhưng Tống Bình cảm thấy có ngụ ý rất nhiều ý tứ, liền bấm bàn, nói thầm:

- Đấy, đã bảo mà!

Nam Chân, nét mặt thản nhiên, tươi cười đáp lại cậu bán hàng hoa:

- Phải, chúng tôi đi mua cúc. Cúc còn nở đẹp, chúng tôi còn mua mãi.

- Vậy mời hai ông vào vườn. Hai ông mua cúc ở vườn này hay ở vườn trong?

Cậu giơ tay trở:

- Ở tận trong kia... chỗ chị tôi đương xới đất ấy

Hai chàng xăm xăm tiến bước. Nam Chân vừa đi vừa nói:

- Thế thì vườn trong hoa đẹp hơn.

Cậu bán hoa cũng theo liền sau. Cậu cười một cách lém lỉnh, bảo hai người khách:

- Các ông đi từ từ chứ kéo trơn ngã.

Rồi gọi to:

- Chi. Mai ơi! Có khách mua hoa đấy

Bỗng ở giữa đám cúc vàng, đứng dậy một người con gái chít khăn vuông, mặt trái xoan, da trắng mát. Chắc hẳn cô đã trông thấy khách mua hàng quen ở phía ngoài giậu phen. Cậu em nói sẽ với hai ông khách:

- Xin hai ông hãy đứng chờ đây một phút, cho phép cháu vào hỏi chị cháu tí việc riêng.

Dứt câu, cậu chạy vào trong vườn, ghé tai chị thì thầm:

- Chị nhớ lời em dặn nhé... Ở đời cần gì, phải chiều người lấy của chứ. Chị cứ nói thật cao, bao nhiêu người ta cũng trả.

Mai mồm mím cười

- Vậy dẫu họ hỏi ngớ ngẩn thế nào, chị cũng đừng gắt như hôm qua, cứ trả lời ôn tồn người ta nhé? Bu cũng bảo thế đấy

Mai vẫn tủm tỉm cười, hai má đỏ hây hây trước luồng gió lạnh, vẻ đẹp càng tăng bội phần:

- Được cậu không lo. Thế nào chốc nữa cũng có hai đồng bạc tiêu. Cậu cứ về nhà, để mình chị ở đây

Cậu em ra tới cổng vườn còn dặn với chị cốt để hai người khách nghe rõ và không ngờ vực.

- Chị nhớ nhé! Chẳng mai phiên chợ rồi đấy

Quay lại, cậu nói với hai người:

- Mời hai ông vào chọn hoa, đã có chị cháu, cháu xin về lấy giỏ để đựng cây

Cô hàng hoa cất giọng oanh thoả thê:

- Thưa hai ông mua cúc gì?

Nam Chân tiến lại gần, ngớ ngẩn hỏi:

- Cúc gì đẹp như... cô nhỉ?

- Thưa ông, ở vườn em, cúc gì cũng đẹp. Ông muốn mua thứ gì thì mua

Rồi cô đắm đắm nhìn Tống Bình, hỏi sẽ Nam Chân:

- Thưa ông, ông kia là bạn ông?

- Phải. Sao?

- Thưa ông, trông ông ấy bên lên như con gái

Nam Chân cười, quay lại thấy Tống Bình vẫn đứng ở gần cổng, liền gọi:

- Này anh Tống Bình...

Nam Chân ôn lại cho bạn nghe câu mình vừa nói, Mai hai má đỏ bừng, vội vàng cúi mặt xuống nói:

- Ấy, em lấy ông, ông đừng... đấy!

Chuyện vẫn vơ một lúc, rồi khi cúc đã cho vào giỏ, tiền đã trả, hai người đứng mãi cũng ngượng, liền tính đường lui. Mỗi người khệ

nệ mang hai giỏ cúc, ra đến cổng vườn còn quay lại nhìn. Cô bán hoa đứng trong vườn cúc, cũng trông theo, nói:

- Vài hôm nữa, hai ông lại xuống mua đào nhà em, nhé!

Nam Chân chạm vào vai bạn:

- Tình không?

Đi khuất hàng rào, Tống Bình nhìn xuống hai giỏ cúc, phàn nàn:

- Nặng quá!... Thôi tôi vút lại đây, ai muốn lấy thì lấy. Khuôn về làm gì cho nhọc xác lại rác nhà. Chỉ tại anh đấy mà!

- Thôi chịu khó mang về làm kỷ niệm.

Tống Bình gắt:

- Kỷ niệm gì, nó lừa mình nó lấy tiền. Con bé ấy nó láu lăm. Tình nghĩa gì!

Hai hôm sau, Nam Chân lại rủ Tống Bình đi mua hoa, nhưng Tống Bình từ chối. Nam Chân cũng không ép, để bạn ở nhà, đi một mình. Lần này, mới đến chỗ dốc, chàng nhìn xuống đã thấy cô hàng hoa đứng ở vườn ngoài, dựa vào gốc đào, chăm chăm cặp mắt nhìn lên đường. Nam Chân dừng lại ngấm ngấm. Mái tóc mây lẩn dưới vành khăn đen láy (vì hôm nay cô không chít khăn vuông). Khuôn mặt dịu dàng, nước da trắng hồng in trong cái khung tròn màu hồng phơn phớt của cây đào đầy hoa, khiến Nam Chân lại nhớ đến bức tranh Nhật Bản mà chàng được ngắm ở một hàng sơn.

Nam Chân xuống vườn. Mai ra đón, ngơ ngác nhìn lên đường hỏi:

- Còn ông bạn ông?

Nam Chân có dáng không bằng lòng, hỏi lại:

- Bạn nào?

Mai bẽn lễn, cúi đầu, thỏ thẻ:

- Ông bạn vẫn đi với ông, ông Bình ấy mà.

- Cô nhớ kỹ tên ông ấy nhỉ?

Rồi lạnh lùng chàng nói:

- Ông ấy không đến.

Mai có vẻ buồn.

Lần này, hai người tuy vẫn nói chuyện với nhau, nhưng lời cứng cỏi, nét mặt cau có. Lại thêm cậu em ở bên nhà sang, cứ đứng nói bông, thỉnh thoảng lại đưa mắt ra hiệu nhắc chị.

Nam Chân chê thứ cúc nọ hoa gầy, thứ cúc kia hoa rữa, rồi chẳng mua khóm nào.

Lúc chàng ra về, Mai theo đến tận cổng vườn.

Bỗng cô quay lại bảo em:

- À cậu, cậu về thay nước hộ chị mấy chục bát thủy tiên nhé.

Sáng nay chị quên băng đi mất.

Cậu em ngoan ngoãn lắm, vui vẻ về ngay. Nam Chân đoán rằng Mai muốn ở lại một mình để nói câu chuyện riêng gì, thấp thỏm mừng thầm. Quả thực, chàng đoán không sai.

Mai lại gần, tươi cười nói sẽ:

- Thưa ông, em muốn nhờ ông một việc, chả biết ông có giúp cho không?

- Được, cô cứ nói, thế nào tôi cũng giúp.

- Hôm nay, ông không mua hoa...

- Vậy cô muốn tôi mua. Ừ thì tôi mua.

- Thưa ông, cái đó có hề chi, ông mua cũng đã nhiều rồi. Hôm nay ông không mua hoa, vậy em nhờ ông tiện xe cho em gửi đôi khóm cúc với cành hoa của ông... bạn ông mua hôm qua nhưng còn gửi lại.

Nam Chân tuy tức uất người, phần giận cô hàng chỉ nghĩ đến Tống Bình, phần giận bạn lên đi mà không rủ mình. Song đã trót hứa giúp thì chàng cũng phải nhận lời.

Lúc chàng về tới nhà, Tống Bình ra đón cửa hỏi:

- Anh lại mua hoa cúc? Lại thêm cả cành đào, đẹp nhỉ?

Nam Chân bĩu môi:

- Lại còn vờ!

Tống Bình ngơ ngác:

- Anh bảo tôi vờ cái gì?

Nam Chân dần từng tiếng:

- Vờ cái gì! Hôm qua lên đi một mình... rồi mua hoa lại không đem về, bắt người ta phải hầu, lại còn vờ cái gì nữa.

Tống Bình biết rằng bạn tức giận lắm, ôn tồn phân trần:

- Thì sáng hôm qua, tôi ngồi bàn giấy với anh từ sáu giờ tới mười một giờ, anh không nhớ?

Nam Chân ngẩn người ra, ngẫm nghĩ. Nhưng lúc hiểu câu chuyện chàng lại ghen đầy ruột:

- Hừ! Con bé!...

Tổng Bình hỏi dồn:

- Con bé bảo anh cái gì? Cái gì thế? Nó bảo anh đem hộ cho tôi hai giỏ cúc và cành đào này à?

Tổng Bình yên lặng một lúc, rồi mồm mím cười, nói một mình:

- Tình tứ quá!

Trong lòng tự nhiên chàng thấy sung sướng.

Ngồi chống tay vào cằm, Nam Chân cười mát bảo bạn:

- Thế thì con bé giỏi thật, nó đánh lừa mình để bắt mình đem tặng tình nhân nó.

Hôm sau, Tổng Bình thấy bạn vẫn còn tức tối, đến khẽ vỗ vai:

- Này, đi mua hoa đi!

Nam Chân quay lại trợn mắt nhìn bạn, đáp:

- Anh muốn đi thì cứ đi, tôi đi làm gì?

Tổng Bình thân mật hỏi:

- Anh giận em đấy à?

Nam Chân giọng khinh bỉ:

- Vì có gì tôi lại giận anh? Phải! Vì có gì?

Biết bạn bực tức, Tổng Bình kéo ghế ngồi liền bên cạnh, thông thả nói:

- Hời đùa anh đấy... chứ tôi không đi đâu! Chúng ta không nên đi vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất, anh em ta không nên vì một cô hàng hoa mà đến giận nhau, có khi đến lìa nhau. Lẽ thứ hai, ta chỉ nên coi cô bé ấy như một khóm cúc ở trong vườn cô ta.

"Ta cứ để khóm cúc mọc ở vườn thì sang năm ta lại cùng nhau xuống Yên Phụ ngắm nghĩa, vì còn ở vườn, nó còn nằm đấy sang năm khác nẩy chồi phát hoa, chứ về nhà ta thì bắt quá chơi được ba hôm tết, rồi nhị tàn cánh úa, ta chẳng khỏi ném nó vào trong chiếc xe rác qua đường.

"Vả, có lẽ chỉ ở vườn, nó mới đẹp, chứ khi trồng nó vào chậu sứ để trong nhà thì vị tất nó sẽ còn đẹp... Vậy thôi đấy nhé. Phải để dành nó đấy đến sang năm".

Nam Chân nghe bạn nói, ngẫm nghĩ một lúc rồi thở dài:

- Anh nghĩ thế mà phải

Từ hôm ấy, Nam Chân và Tống Bình không đi mua hoa cúc nữa

Còn cô Mai chiều chiều nhớ đến người mua hoa, vẫn đứng tựa gốc đào trông ngóng. Nhưng người đi không trở lại, rồi tết hết, xuân qua, tình cô cũng một ngày một phai như hoa đào dần dần tàn rụng trước gió...

Dọc đường gió bụi

Khái Hưng

Gánh hát tất cả mười người. Tất cả mười người đã mấy tháng nay, bắt đầu từ khi mới sang xuân, đi lang thang trên con đường cát trắng, hành lý chứa chắt trong bốn chiếc hòm vuông quang dầu, cũ kỹ.

Họ đi, đi mãi, đi đã hàng trăm dặm chỉ thỉnh thoảng dừng chân một đêm hoặc hai, ba ngày trong một xóm, một làng, một huyện lỵ.

Rồi họ lại đi.

Một buổi chiều cuối xuân, một buổi chiều ngây ngất oi ả khiến ai đã luôn luôn sống gần cảnh thiên nhiên phải tiếc thời xuân qua khi ngấm lại cỏ, cây mây nước.

Bao ngày tốt đẹp hầu tàn.

Mặt trời đã sắp lặn mà phường bạn còn lang thang giữa quãng đường Thái Nguyên, Đa Phúc, phân vân chưa biết đi đâu. Một cô đào hát chậm chạp, uể oải lê bước theo sau, bỗng cất tiếng gọi:

- Bác Hai ơi! Nghỉ chân ăn lót dạ đã, kéo đói lắm.

Bác Hai, một người quắc thước, giọng dịu dàng, âu yếm găt yêu:

- Mơ đói rồi à? Chả được việc gì. Chỉ ăn cả ngày thôi!

Xuống giọng, tiếng cười khanh khách của cô đào hát làm rung động làn không khí yên lặng một thung lũng hoang vu. Rồi theo Mơ, cả bọn cùng cười, cười một cách vô ý nghĩa, vì họ biết rằng cười Mơ như thế không bao giờ họ bị bác Hai giận hay mắng.

Mơ, năm nay vừa mười tám tuổi, mười năm trước, nàng theo cha mẹ hát xẩm ở bến phà Tân Đệ. Một hôm đó, bác Hai ngấm nghĩa

thấy con bé hát hay, lại có giọng trong trẻo, nhẹ nhàng, liền bỏ tiền ra mua đem về nuôi, dạy nghề xướng ca.

Năm năm học tập, Mơ thành tài múa hát có nhịp nhàng điệu bộ. Hai đặc điểm của Mơ là cái giọng véo von bổng trầm đúng bậc và tấm nhan sắc diễm lệ. Không phải là cái nhan sắc chín chắn, thùy mị, kín đáo của phần nhiều các cô gái quê, nhưng cái nhan sắc long lanh với đôi mắt hơi sếch, với cặp môi tươi thắm luôn nhếch một nụ cười lẳng lơ, nồng nàn.

Vì thế Mơ là người cốt yếu trong gánh hát bác Hai Truyện, là linh hồn một ban chèo dù khi Mơ đóng các vai rất hoạt động như Thị Mầu, Vân Đại, Châu Long, hay khi Mơ chỉ sắm một vai hoạt tượng như Phật Bà trong bản Quan Âm Thị Kính suốt nửa giờ ngồi im không nhúc nhích. Lúc đó mặt xinh xắn, và cặp mắt, cặp môi của Mơ thu hết tinh thần khán giả.

Thực vậy, người ta đến coi chèo chỉ vì Mơ. Chẳng thế mà phường của bác Hai Truyện đã nổi danh khắp các vùng là "phường Mơ".

- Mơ! Đừng cười thế đó!

Mơ càng cười to rồi nũng nịu:

- Khốn nhưng cháu đói lắm. Cháu vừa mới, vừa đói.

Bác Hai Truyện cũng gật cười theo:

- Đói mà cười no được ư?

- Không bác ạ, cười không no được, nhưng ăn thì no ngay. Còn mười nắm cơm buổi sáng mang đi, để làm gì nữa cho nặng khăn gói, thưa bác?

Trong phường có tài tử Tư Thiệp vào trạc tuổi Mơ. Bao giờ chàng cũng làm theo ý Mơ, bao giờ chàng cũng ân cần săn sóc đến Mơ. Chàng liền vì Mơ năn nỉ:

- Thưa bác chúng ta nên nghe lời chị Mơ, hãy dừng chân trên ngọn đồi để ăn lót dạ nắm cơm và tiện nhìn xem vùng quanh đây có làng nào trù phú, ta đến xin hát.

Cất giọng tự phụ, bác Hai quay lại bảo anh em phường bạn:

- Các chú mới theo nghề được năm ba năm nay, chứ tôi, tôi đã già một đời khắp trên các con đường trong nước. Tôi cần gì trèo lên

ngọn đồi mới biết đâu có làng trù phú. Anh em cứ đi, chỉ nửa thôi nữa là đến ấp Đông Hà, thế nào cũng có cơm ăn chiếu ngủ.

Mơ vẫn thích trêu ghẹo cha nuôi, ỡm ờ hỏi:

- Bác thông thuộc thế thì sao từ sáng đến giờ tới bao nhiêu nơi xin hát đều không đắt?

Câu hỏi của Mơ làm cho bác Hai phải buồn rầu nghĩ ngợi. Nay đã gần hết tháng ba hội hè ở các làng đã gần tàn đám, hèn chi mà phường bác đi từ sáng đến giờ không gặp một nơi giữ hát.

Kể thì cái nhan sắc của Mơ cũng đã khiến họ mời mọc ân cần. Song bọn kỳ mục hủ lậu, biển lận kia còn bao giờ biết ngắm nghía cái đẹp, biết thưởng thức cái tài.

Bác Hai lẩm bẩm:

- Phải rồi! Chính phải rồi! Chỉ vì thế.

Rồi bác quay lại bảo anh em bạn hát. Lời đồng dục quả quyết như hô binh của một ông tướng có oai quyền:

- Chúng ta lên đồi!

Mơ thích chí cười như nắc nẻ. Bỗng thoáng nhìn thấy cặp mắt nghiêm khắc của bác Hai, Mơ im bật, lặng lẽ đi theo.

Tới ngọn đồi, mọi người nghỉ chân, ai nấy mở lấy cơm nắm, muối vừng ra ăn.

Bác Hai thăm bảo Mơ:

- Ăn ít chứ, con ạ.

Mơ cười:

- Nhưng cháu đói, mà ở đây có gió mát, cháu ăn càng ngon miệng.

- Tùy ý, nhưng để bụng chốc nữa ăn cơm nóng, canh ngọt vẫn hơn. Bây giờ Mơ nên nghe lời bác, mở hòm lấy phần sếp, lược gương ra điểm trang cho thực đẹp.

Mơ ngơ ngác ngây thơ nhìn chủ:

- Đã hát đâu mà bác bảo sếp vai trò.

Bác Hai vẫn giữ vẻ mặt nghiêm nghị:

- Không, bác không bảo cháu đóng trò. Bác chỉ bảo cháu trang sức mà thôi. Cả chị Liên cũng vậy.

Ngoan ngoãn, Mơ vâng lời, lấy gương lược phần sếp ra chải chuốt tô điểm. Trông vào gương thấy dung nhan mình tiều tụy, Mơ

giật mình vì cùng một cảm tưởng như cha nuôi. Dầm mưa, dãi nắng, cái nước da trắng mát tự nhiên của nàng đã xám đen với gió bụi dọc đường. Mơ ngẫm nghĩ: "Thảo nào! Mà ta có ngờ đâu!".

Mười phút sau, mọi người xúm xít chung quanh cô đào hát, khen ngợi không dứt lời. Vì trang điểm xong, Mơ vẫn còn giữ được cái nhan sắc mọi khi, với tấm thân uốn lượn nhịp nhàng trong chiếc quần lĩnh và chiếc áo the mùa vỏ xó. Cảm động hơn hết là chàng Tư Thiệp. Chàng ngây người, đứng ngẩn không chớp mắt.

Gánh hát của bác Hai Truyen nấn ná ở lại ấp Đông Hà đã gần một tuần lễ.

Chủ ấp là một trang thiếu niên lỗi lạc, ưa chơi các thứ thi, họa, cầm ca. Mà cái thú coi diễn chèo hình như chàng lại thích hơn. Chầu chàng đánh rất xinh, các điệu hát chàng rất thành thạo.

Vì thế đôi bên có chiều lưu luyến lẫn nhau. Chủ ấp muốn được nghe đủ các điệu hay, trùm phường được người sành nghề thưởng thức, cũng không vội ngỏ lời từ biệt xin đi.

Song dẫu sao cái cơ hiển nhiên rõ rệt mà không ai muốn thú nhận... là đào Mơ.

Ngày hôm theo ban hát tới ấp Đông Hà, nàng đã được khách đa tình chú ý. Tối hôm ấy phường hát bắt đầu diễn tích Kim Nham, và Mơ sắm vai Vân Đại.

Dưới ánh đèn măng xông, đôi mắt long lanh hoạt động, cặp môi đỏ thắm nõn nụ cười ngây thơ, bàn tay mềm mại xòe mạnh cái quạt tàu xương trắng, tay vờ rung rung tháo đường chỉ viền tà áo, hai chân thoăn thoắt khi tiến khi lui, khi bắt chước con gái bơi nước té bèo, bao điệu bộ, bao ám hiệu khuôn sáo để tả một cô gái điên đã khiến Mơ trở nên muôn phần diễm lệ.

Thế là lửa ái tình nhóm liền, bùng bùng ngùn ngụt. Hai người như đã hẹn hò nhau từ kiếp trước, để kiếp này gặp nhau.

Một người trai trẻ chơi bời, một người đang tuổi đào thơ đã từng yêu vờ thương hão những phường tục tử vô tri cùng mình thủ những vai tình chính. Nay thì không phải ái tình giả dối chốn sân khấu nữa, nhưng là ái tình nồng nàn, thành thực trong gian phòng ấm cúng thơm tho.

Hôm nay bác trùm Hai Truyện lên chào ông chủ ấp để xin rời phường đi nơi khác.

Tới giờ lên đường tìm đâu cũng không thấy Mơ. Đồng ý với chủ ấp nàng đã trốn núp ở nhà một điền hộ quanh vùng. Mọi người trong gánh hát còn đương lo sợ, ngơ ngác nhìn nhau thì một tên điền tốt đến đưa cho bác Hai một phong thư. Mở vội ra xem, bác chỉ thấy có năm chục bạc và mấy lời vắn tắt "Chúc anh em lên đường may mắn. Còn Mơ thì nay đã là vợ tôi rồi". Buồn rầu gánh hát ra đi.

Gánh hát mất Mơ khác nào người mất linh hồn.

Gánh hát mất Mơ? Không bao giờ bác Hai Truyện tưởng đến một sự vô lý như thế. Người ta chiếm mất Mơ của bác? Người ta cướp Mơ của bác? Cố nén sự đau đớn, bác bỏ số tiền vào túi. Bỗng như điên cuồng, bác cười nói huyền thuyên rồi ngheu ngao cất tiếng hát vang trời trên con đường cát trắng.

Bạn bè thấy bác vui vẻ thì tưởng rằng có lẽ bác mừng cho con nuôi đã lấy được chồng giàu có. Nhưng cặp mắt ướt mờ kia chứa bao nhiêu nỗi bi ai.

Hôm ấy, đêm đã khuya. ở một làng bên hầy còn tiếng trống chèo phường bác Hai Truyện. Trong khi bác cùng gánh hát uể oải, chậm chạp lang thang trên con đường chưa biết đi đâu thì, làng ấy đã khẩn khoản ra đón mời.

Thức giấc Mơ lắng tai nghe. Cái thời kỳ đăng đẳng Mơ lẫn lóc với nghề đã cùng hồi trống đến làm rối loạn lòng nàng. Trước mắt Mơ lộn xộn hiện lên các vai chèo nhẩy múa trên con đường trắng mịn mù xa tắp.

Tiếng trống chèo đổ hồi càng thúc giục.

Tiếng trống châu điểm thì thùng như mắng trách, gắt gỏng, đe nạt.

Lẳng lẳng, se se Mơ ngồi dậy. Tình nhân của Mơ ngủ vẫn mê man. Khoác vội tấm áo vào mình, quấn vội cái khăn lên mái tóc, Mơ nhẹ nhàng lướt như cái bóng, lén bước ra đi.

Cảnh sáng trăng sông, các vật lơ mờ, Mơ tưởng tới tấm thân cô độc.

Khi đến gần gánh hát Mơ thở dài, dừng bước đứng lại. Giữa lúc ấy, Tư Thiệp thổi khúc địch sâu thẳm trong bản chèo Hạng Vũ bị vây nơi Cai Hạ.

Tiếng địch véo von, rền rĩ làm rung động lòng Mơ, làm tiêu tan cả ái tình mới mẻ. Ngồi xếp xuống đất Mơ bưng mặt khóc hồi hận.

Tiếng địch vẫn sang sảng, khi lên bổng lúc xuống trầm như mĩa mai, như chế giễu kẻ lìa phường phản bội. Mơ đứng phắt dậy lau nước mắt hốt hoảng chạy một mạch vào trong rạp.

Bản chèo vừa tan, gánh hát bác Hai đã vội vã lên đường, tuy bảy giờ mới gà gáy sáng.

Rồi mặt trời mọc trên đỉnh đồi lại chiếu ánh nắng xuống mười người lang thang trên con đường cát trắng, hành lý chứa chất trong bốn chiếc hòm vuông quang dầu, cũ kỹ.

Họ đi. Rồi họ lại đi.

Và Mơ, Mơ sẽ già đời là một tấm linh hồn phiêu lưu nay đây mai đó, như bị cái nghề lãng mạn tự do ác nghiệt, mọi rợ nó cám dỗ, nó chiếm đoạt, nó cưỡng bách, cái nghề mà hạnh phúc của ái tình, mãnh lực của kim tiền đều không thắng nổi.

Tận tụy với nghề, họ đi mãi trên con đường.

Tiếng Còi Tàu

Khuê Việt Trường

Tôi không hình dung là có một ngày tôi phải làm quen với tiếng còi tàu và cả tiếng những toa tàu lăn trên những đường ray. Bởi nhà Kim ở gần sân ga. Mỗi chuyến tàu trước khi rời ga đều phải đi một vòng ngang qua nhà anh để giã từ thành phố. Những lần tôi đến chơi, khi có chuyến tàu rời ga tôi vẫn thường bước ra sau cùng anh nhìn con tàu đang kéo những toa tàu nặng trĩu để ra đi. Rồi tôi nói với Kim:

- Anh cứ nghe mãi tiếng con tàu chạy ngang qua nhà mình mà không mất ngủ sao?

Kim cười:

- Cũng như em luôn làm cho anh mất ngủ mà anh có chán đâu?

Ai lại ví người yêu của mình với tiếng chuyển bánh của những con tàu trên đường ray bao giờ? Nhưng tôi biết rồi có một ngày tôi sẽ về cùng anh trong căn nhà mỗi ngày có biết bao nhiêu chuyến tàu chạy qua đó. Tôi chuẩn bị cho mình thói quen nghe tiếng còi tàu réo giục bởi vì tôi không thể thiếu anh.

Trước khi quen Kim, tôi cũng đã trải qua dăm lần yêu đương, nhưng những cuộc tình ấy chẳng đâu vào đâu khiến tôi mệt mỏi, cho đến khi tôi gặp anh. Kim nói: " Lấy anh, em sẽ phải ở trong căn nhà hàng đêm có tiếng tàu lửa chạy qua. Em sẽ phải dỗ anh khi anh hờn dỗi" . Tôi ngược mắt nhìn anh: " Và không được ngó tới ngó lui một ai

khác. Chỉ biết có anh duy nhất trong cuộc đời này". Kim cười khoái chí khi tôi nói lên điều đó.

Kim là một người đàn ông tốt. Nếu anh không tốt với tôi thì hai người đã chẳng nên nghĩa vợ chồng. Về với anh, tôi gói những kỷ niệm xưa cũ vào một góc riêng trí nhớ của mình. Nguyên xuất hiện khi tôi bươn chải tìm việc làm. Nguyên đã tạo điều kiện để tôi có thể làm việc ở nơi mà tôi thích và hợp với nghề của tôi, đó là công việc thuyết minh ở bảo tàng. Bảo tàng nơi tôi làm việc gần biển, cũng là nơi Nguyên thường lui tới vì anh đang giảng dạy môn sử ở Trường Cao đẳng Sư phạm. Tôi với Nguyên đã có những ngày tươi đẹp. Nhưng chỉ như là mưa bóng mây khi anh chuyển công tác đi Hà Nội, chẳng một lời hứa hẹn.

Tôi không giấu Kim chuyện giữa tôi và Nguyên, bởi với tôi tình yêu là biết nói thật và biết tha thứ, Kim của tôi đã thế. Trước ngày cưới tôi đã đốt hết những tấm ảnh kỷ niệm. Tôi chỉ giữ lại duy nhất bên mình bức ảnh tôi và Nguyên ngồi dưới tàn phượng đang bung nở những cánh hoa thắm đỏ. ánh nắng mặt trời hắt lên gương mặt tôi rạng rỡ. Dường như khi đó Nguyên đang nói một câu chuyện gì vui lắm. Tôi giữ tấm ảnh lại bởi vì nó quá đẹp, một cách hoàn toàn vô tâm.

Tôi về ở với Kim. Những đêm đầu tôi rúc mình trong chăn bởi tiếng bánh xe lửa lăn trên đường ray làm tôi không ngủ được. Thế rồi quen với tiếng bánh xe lửa lăn trên đường ray tự lúc nào tôi không hay. Khi đó Kim mới pha trò: " Em thấy ở nhà anh sướng chưa? Có nhạc ru ngủ mà chẳng phải mất tiền mua". Tình yêu chính là điều kỳ lạ như thế, yêu người là ta chấp nhận cách sống của người khác hoàn toàn tự nguyện. Tôi lắng nghe tiếng xe lửa rời khỏi sân ga cùng anh là tự nguyện.

Đó là một ngày thứ bảy tươi đẹp. Kim hẹn tôi về sớm để cùng anh đi xem kịch nói. Kim rất thích xem kịch cho nên anh rất ít khi bỏ qua những vở kịch hay. Hôm đó tôi phải dự cuộc họp tổng kết của cơ quan, sau đó là một buổi tiệc. Tôi về nhà khá trễ. Kim ngồi thăm trong bóng tối khiến tôi phải lên tiếng: " Sao anh ngồi trong bóng tối vậy?". Tôi mở đèn lên, tôi nhìn thấy Kim của tôi đang nhìn tôi như nhìn một người xa lạ. Kim nói: " Cô có bao giờ trễ hẹn với thằng

Nguyên không?" . Tôi trừng mắt nhìn anh, Nguyên đã ở phía sau lưng quá khứ nhoà khuất, nhưng giờ phút này nó lại trở thành ngọn lửa muốn đốt cháy hạnh phúc của tôi sao? Tôi nói với Kim: " Anh uống rượu phải không? Em không thích anh uống rượu đâu!" . Kim lại gần giọng: " Chỉ có thằng Nguyên uống là được phải không?" .

Thỉnh thoảng anh lại nói khi hai đứa sửa soạn đi chơi: " Anh chấm thêm một nốt ruồi ngay má phải cho giống Nguyên, em nhỉ?" . Câu nói tưởng vô tình nhưng thật ra là dao nhọn. Tôi im lặng mà không lên tiếng phản đối. Dường như anh rất thoả lòng khi nói với tôi những lời đắng cay. Anh nói: " Ngày xưa Nguyên của em có thích ăn mực chiên giòn không?" . Tôi nhìn anh: " Mệt quá, anh làm ơn đừng có nhắc chuyện cũ" . Kim gần giọng: " Với em đó là chuyện cũ có phải không? Thế tấm ảnh em cất kỹ để làm gì?" . Anh đưa tấm ảnh ra cho tôi xem. Trời ơi, thì ra là vậy người đàn ông tôi yêu thương ghen với tấm ảnh thuở xưa. Vậy mà tôi đâu biết!

oOo

Đêm nay dường như có bão ở miền Trung cho nên những con tàu về trễ. Tôi đợi tiếng còi tàu rúc lên báo hiệu đang vào khu dân cư đông người để dễ giấc ngủ. Kim vẫn còn thức, anh đang ngồi trước tivi, xem một phim video nào đó nhưng tôi đoán chắc là đôi mắt anh đang nhìn màn hình nhưng anh sẽ không nhìn thấy gì. Anh đợi tôi ngủ rồi mới bước vào. Tôi vẫn đợi anh ôm tôi trong vòng tay rắn chắc của anh mà nói: " Anh xin lỗi" . Nhưng anh vẫn ngồi thăm trong ánh sáng của chiếc tivi phát ra.

Tôi tìm bức hình cũ, thắp lên một ngọn nến, đốt nó trước mặt anh. Tấm ảnh cong lại và cháy hết chỉ còn lại một nhúm tro đen: " Em quên hết chuyện cũ rồi mà. Bức ảnh này em cũng đã quên luôn. Chính anh lại đã nhắc em nhớ. Em yêu anh" . Tôi bật khóc. Kim thảng thốt như nhận ra điều gì, cuống quýt dỗ: " Đừng khóc nữa em, đừng khóc nữa mà" .

Khuya. Dường như có con tàu đang trở về sân ga của tôi, thoáng xa đã có tiếng còi vọng. Trong cơn mê ngủ tôi có cảm giác như tiếng còi tàu đêm nay sao lạ quá. Ừ , tiếng còi tàu như có thêm hơi thở của Kim. Anh đang nhìn tôi ngủ và hơi thở của anh đã làm cho tiếng còi tàu thay đổi. Kim nói vu vơ trong bóng tối: " Khi giận, em

đẹp quá" . Tôi trở mình nói với anh: " Vậy ngày xưa cô bồ cũ của anh có thích ăn mực chiên giòn hay không?" . Tôi và anh cùng cười, tiếng cười của hai đứa át cả tiếng tàu va trên những đường ray. Ôi! tiếng còi tàu đêm nay sao lạ quá!

Lá Chanh

Vĩnh Quyền

Anh chẳng thể là người hạnh phúc. Ai đó trong số những cô gái từng yêu anh đã phán một câu khá là ác khẩu như thế. Kể cũng hàm hồ nhưng không phải không có đôi phần của sự thực. Bởi anh là loại người " nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xa ". Như lúc này chẳng hạn.

Nhiều năm trước, việc bôn ba về Huế sửa chữa phủ từ, ngôi nhà rường ba gian hai chái mục nát, nơi hương khói gia tiên, là điều ngoài tầm tay của anh khi anh tiếp nhận nó theo " nghị quyết " của hội đồng gia tộc. Dù tuổi đời chưa đủ để chuyên tâm lo chuyện họ hàng cúng bái, lại công tác xa Huế, anh vẫn bị chọn giao quản lý phủ từ vì mọi người tin rằng anh đủ khả năng tổ chức lại giềng mối gia tộc vốn đã rã rời, từ đó vực dậy một " di sản " có nguy cơ đổ sập bất cứ lúc nào, nhất là trong những dịp " trời hành cơn lụt mỗi năm " .

Những ngày về Huế, buổi trưa, buổi tối, nằm gác tay lên trán, ngó lên những rui kèo chạm khắc công phu có tuổi thọ ngót trăm năm máng lũng lảng cả tá lon bia rỗng, đủ các nhãn mác nội ngoại, từ Huda đến Heneiken, để hứng nước dột, những giọt nước len lõi âm thầm qua lớp ngói liệt phủ rêu đến cả mặt trong, như một sáng kiến thay thế cho những thau, chậu giăng giăng trên sàn nhà hay gây vấp té, mà lòng anh nhói đau, bất lực.

Thế mà bây giờ, đứng trước dãy khám thờ sơn son thếp vàng, thấp nén nhang cáo lễ khánh thành phủ từ vừa được trùng tu, thật ra là làm mới hoàn toàn trên nền cũ, chủ yếu nhờ tiền đóng góp của bà con lưu lạc ở nước ngoài, anh lại buồn man mác, lại nhớ ngôi nhà rường cũ mọc đầy kỷ niệm, nhớ âm thanh trầm bổng xót xa từ những

giọt nước mưa rơi tong tong vào những lon bia rỗng ngày đông giá... Người như thế thì chẳng thể hưởng hạnh phúc là đúng rồi...Anh rời gian thờ, rời khỏi dòng suy ngẫm miên man bởi có tiếng nhiều người xao xác từ cổng ngoài lan vào cổng trong.

Ra tới sân gạch, anh trông thấy một cảnh huyền ảo bất ngờ. Các bậc trưởng lão trong họ đang chỉ huy đám con cháu ngăn chặn một nhóm người đang cố tình xông vào phủ từ. Một ông chú nói nhỏ vào tai anh: " Cháu nhớ bọn ni không? Con Giang, con của mẹ điểm vạ đồ và hai thằng em đầu gấu của nó đó. Ngày ni là ngày chi mà bọn hần đòi vào phủ từ chứ?" .

Anh thầm kêu một tiếng nhỏ trong cổ họng: " Giang!" . Nếu ông chú không gọi tên thì chắc gì anh đã nhớ ra, nhận ra? Trước mắt anh là một thiếu phụ có thứ nhan sắc làm vẩn đục ý tưởng của đàn ông ngay từ phút đầu gặp gỡ, nếu không cho rằng đó là vẻ đẹp đánh thức " bản lĩnh đàn ông" . Một bé Giang mười lăm, mười sáu mảnh khảnh, tóc bồng mùi bùn non chỉ còn trong ký ức của anh thôi. Anh đến gần đám đông, vờ như không hiểu: " Bình tĩnh. Chuyện gì vậy?" .

Giang đang sấn sổ xĩa ngón tay vào trán mấy chàng thanh niên lập hàng rào trước mặt bỗng nhận ra sự xuất hiện của anh, cô vụt tươi tỉnh: " Cậu Hoàng đây rồi! Cậu coi, ai đòi mấy đứa em vô phủ từ thấp hương tổ chút lòng thành lảng giềng mà bị chặn lại như thể đi ăn cướp không bằng!" . Anh cười: " Tại phần đông bà con các nơi về, không rõ hàng xóm cũ...Thôi, đã có lòng xin mời vào..." .

Ba chị em Giang hiện ngang vượt qua cổng trong, tiến vào gian thờ. Quay lại phía chú bác, anh em đang ngơ ngác bất bình, anh chắt lưỡi: " E hèm...Con cháu dâng hương tổ tiên là chuyện thường tình, xóm giềng ngoại tộc mới có ý nghĩa...Vào cả đi..." . Một ông bác gần giọng: " Nhưng bọn nó là..." . Anh làm mặt nghiêm: " Thế bác định đánh nhau với đầu gấu ngay trong ngày hôm nay à?" . Ông bác chịu nhận, hậm hực cùng cả đám kéo vào bàn rượu bày sẵn ở nhà ngang...

Anh chẳng thể là người hạnh phúc. Chén rượu Rémy Martin XO, hàng " xách tay" từ Hoa Kỳ về, dành cho " chiếu trên" , chiếu của bậc chú bác chức sắc trong tộc, thơm lừng khi vừa bật nắp, vậy mà anh nhấm nháp vô hồn. Nói chính xác là anh thả hồn về cái thời uống rượu trắng nấu bằng sắn củ, cái thời mẹ con nhà bé Giang dựng

chái tranh ghé tựa vào bức tường bao cao quá đầu người phía sau phủ từ, sát mép nước sông Hương dập dềnh lười biếng...

Làm sao anh quên được mùa đông năm ấy. Từ Sài Gòn anh về phủ từ ăn tết, cũng có thể ở lại lâu dài nếu tìm được việc làm. Tốt nghiệp đại học, thử việc mấy tháng ở Sài Gòn, anh chợt nhận ra mình nhớ Huế da diết, phải về ngay thôi. Sau này, anh trả giá đất cho thứ tình hoài hương tím ngát ấy. Nhưng đó là chuyện khác. Bây giờ, anh muốn nhớ cái đêm đầu tiên ngủ lại phủ từ sau hơn bốn năm đi xa.

Mới tám giờ tối mà cứ như đã nửa đêm. Văng tanh văng ngắt trong mưa dầm se lạnh. Bỗng đâu tiếng khóc nỉ non trèo qua tường bao, vượt vườn rau dại, len vào tận giường ngủ. Trùm chăn kín đầu, thứ chăn thô của lính xót xáy không thua ổ rơm, anh vẫn cứ phải nghe tiếng khóc, bây giờ lại như thể vọng lên từ đáy sông...Anh chợt nhớ có một gia đình sống nép sau tường bao mà anh hầu như chưa rõ mặt. Chuyện gì xảy ra cho họ? Anh vùng dậy, chân mang "bốt", đầu che dù, tay cầm đèn pin, lần mò ra cổng sau. Túp lều mẹ con nhà bé Giang trông càng thảm hại trong đêm mưa lạnh.

Ba đưa trẻ ngồi xúm quanh ngọn đèn dầu leo lét. Chỉ một mình Giang khóc. Hai thằng em nín lặng ngồi co ro tựa lưng vào nhau thật khéo để chống ngọn gió sông lạnh ngắt phả vào liên tục. Thấy người lạ, Giang nín khóc ngừng lên. Đôi mắt nó gây ấn tượng với anh. Đen long lanh. Nửa ngây thơ nửa sôi đời. Bất gặp bát nhang đang toả khói trước di ảnh người đàn bà xấu số tựa vào tường bao phong rêu, anh chợt hiểu. Ngồi xuống, anh thấp nén nhang. Giang hai bàn tay xoắn lấy nhau, lí nhí: "Cảm ơn cậu...Cậu mới về?" . "Ừ. Thím mất bao lâu rồi?" . "Dạ bữa ni là bốn mươi chín ngày..." . Ngoài bát nhang làm bằng cái chén ăn cơm, chẳng còn gì hơn. Anh ngập ngừng một giây, bảo: "Đi, ta đi kiếm cái chi cúng thím..." .

Ba chị em nhìn anh chằm chằm. Chúng không chờ đợi một đề nghị như thế giữa đêm mưa khóc mẹ. Chiếc Honda nổ lạch phạch văng động những khu vườn Vỹ Dạ u tịch. Anh chở Giang chạy lên phía ga Huế. Giờ ấy chỉ có thể tìm ra một cái gì ở đó.

Bà chủ quán mừng ra mặt khi anh hỏi mua nguyên con gà luộc. Nghe một tiếng ực rất khê, anh biết Giang vừa nuốt nước miếng. Anh

kéo ghế, nói dối: " Đói quá, ta ăn chút gì rồi hãy về cúng cũng chưa muộn" . Cô bé lí nhí: " Dạ cậu cứ dùng, em..." . Anh phải mắng Giang mới chịu ngồi vào bàn. Nhưng khi đã húp hớp cháo gà nóng ấm đầu tiên vào miệng, nó không dừng được nữa. Sau đó hai người còn nhâm nhi cà phê nữa. Ly cà phê sữa đầu tiên trong đời cô bé. Anh phì phèo thuốc lá, chân tình: " Máy tuổi rồi hè?" . " Dạ mười lăm, mười sáu chỉ đó..." . " Nè, thế là lớn rồi, ngày xưa chừng ấy tuổi đã lấy chồng, phải biết chăm sóc bản thân nghe chưa" . " Dạ..." . " Mai gọi đầu đi, con gái chi mà tóc toàn mùi bùn non không rửa hè!" . Giang chỉ cười khúc khích...Thế rồi " bốn mươi chín ngày" của người đàn bà xấu số, mà anh nghe đầu từng làm nghề mại dâm dưới vạm vỡ, cũng đủ gà-xôi-chuối. Cúng xong đã nửa đêm, anh cùng ba chị em Giang bày cỗ ra đánh chén. Giang nói: " Rửa là mẹ em còn có phước, chi cũng đủ..." .

Và nó kể anh nghe chuyện xảy ra bốn mươi chín ngày trước.

Buổi sáng, ba đưa phát hiện mẹ đã chết từ lúc nào trong đêm. Chúng ôm nhau khóc, không biết phải chôn cất thế nào khi trong túi mẹ chỉ còn mấy tờ bạc lẻ... Nhưng rồi Giang cũng nghĩ ra được cách. Nó lệnh cho hai thằng em nín khóc, im lặng như không chuyện gì xảy ra, đợi đêm tối trở lại. Chúng " mượn tạm" chiếc xuồng câu neo gần đấy, chuyển mẹ sang sông, tấp vào bến chợ Đông Ba. Việc khó nhất là qua mặt ban bảo vệ, bí mật đưa mẹ vào đặt trên sạp một hàng vải lớn nhất trong chợ rồi rút êm.

Sáng hôm sau, khu hàng vải xô xao, sợ hãi phát hiện xác chết. Ban quản lý chợ cùng tập thể hàng vải làm thủ tục khai báo rồi tổ chức việc chôn cất cho người xấu số...Ba chị em Giang có mặt từ xa, lẫn trong đám người hiếu kỳ, theo dõi mọi diễn biến, từ trong chợ Đông Ba đến nghĩa địa dưới chân núi Ngự Bình. Khó nhất là không được khóc, cứ như người dưng nước lã. Đợi đến khi mọi người tản về hết chúng mới dám chạy a lại, ôm mộ mẹ nồng mùi đất mới mà khóc cho thoả...

Kể đến đây ba chị em Giang thút thít khóc. Anh cũng lén lau nước mắt, quay về phòng ngủ. Gần sáng mới chợp mắt. Chưa được bao lâu thì bị đánh thức bởi cảm giác hơi lạnh xộc vào chân. Nhưng ngay sau đó là một nguồn ấm nóng áp nhẹ vào người. Trong trạng thái ngái ngủ, anh trở mình ử lấy nguồn ấm mềm mại, ngai ngái mùi

lá chanh ảm. Bàn tay anh tự nhiên chuôi vào góc sâu nhất ảm nhất. Một tiếng rên khẽ thổi vào tai, anh giật mình tỉnh hẳn, hắt tung tấm chăn, nhận ra bàn tay còn ướt.

Trước mắt anh, Giang nằm co quắp, nín lặng. Châm thuốc lá, rít một hơi thật sâu, anh như nói với làn khói: " Về đi!" . " Em không biết lấy chi trả ơn cậu... Em gọi đầu rồi..." . " Biết rồi. Với lá chanh phải không?" . " Dạ..." . " Thế là tốt... Về đi, trời hửng sáng rồi đó!" . " Dạ..." . Qua khe cửa gỗ, anh nhìn theo bóng cô gái mảnh khảnh đang đi giữa vườn rau dại, lẩn khuất trong sương trắng bốc lên từ mặt sông. Trưa hôm đó, anh đi ra túp lều tìm Giang, bình dầu thơm gọi đầu trong tay. Bất ngờ chỉ còn bãi trống. Ba chị em Giang đã dọn đi...

Ba chị em Giang lễ xong, quay ra. Phải gần mười lăm năm sau họ mới có dịp đáp trả một nén nhang. Giang đến gần anh: " Em mở quán bia dưới gốc đa đầu ngõ, em mời cậu..." .

Anh mỉm cười không nói gì, đứng lên tiễn khách. Được mấy bước, Giang đi chậm hẳn lại. Khi chỉ còn hai người, cô thì thầm: " Cậu hái cho em mấy lá chanh, được không?" . Anh ngờ vực câu trả lời của mình. Bây giờ thì anh tin chắc anh chẳng thể là người hạnh phúc.